



FUNABASHI

Hướng dẫn sinh hoạt

船橋市



船橋市外国人総合相談窓口

市内で生活する外国の人や、身近な外国人住民の方に代わって相談をしたい日本人の方に対し、様々な疑問や相談を多言語で受け付けます。

「窓口」「電話」「メール」で相談ができますので、お気軽にご相談ください。

相談日時：月曜日から金曜日

午前 9 時～午後 5 時

※ただし、祝休日・年末年始はお休みです

場所：市役所 1 階、11 番窓口

相談電話：050-3101-3495

Quyền tư vấn tổng hợp dành cho người nước ngoài ở Thành phố Funabashi

Thành phố tiếp nhận các thắc mắc và tư vấn khác nhau bằng nhiều ngôn ngữ, với đối tượng là người nước ngoài sinh sống trong thành phố và người Nhật Bản muốn tư vấn thay mặt cho cư dân người nước ngoài mà mình quen biết.

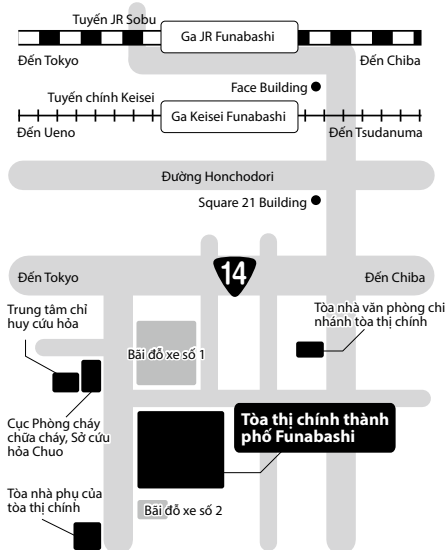
Chúng tôi hỗ trợ tư vấn qua các hình thức “quầy”, “điện thoại”, và “email”, vì vậy bạn hãy thoải mái sử dụng dịch vụ khi cần thiết.

Thời gian tư vấn: Từ thứ hai đến thứ sáu, 9 giờ sáng ~ 5 giờ chiều.

*Tuy nhiên, chúng tôi sẽ không làm việc vào các ngày lễ, ngày nghỉ, và các ngày nghỉ cuối năm và đầu năm

Địa điểm: Quầy số 11, Tầng 1 Tòa thị chính thành phố

Điện thoại tư vấn: 050-3101-3495



Lời ngỏ

はじめに

Nằm ở vị trí giữa thủ đô Tokyo của Nhật Bản và sân bay quốc tế Narita, Funabashi đã và đang phát triển thành một trong những thành phố hàng đầu của Nhật Bản, với hơn 640.000 cư dân đang sinh sống. Bên cạnh đó, thành phố còn có 9 tuyến đường sắt và 2 đường cao tốc chạy qua, tạo điều kiện để nơi này trở thành một nơi lý tưởng để sinh sống và làm việc.

Từ ngày xưa, thành phố Funabashi đã là nơi trọng yếu về giao thông, tập trung nhiều tuyến đường. Vào giai đoạn sau của thời Edo, đây từng là thị trấn có lịch sử phát triển phồn thịnh với vai trò là thị trấn nghỉ trọ cho khách hành hương đến Đền Narita Fudosen, v.v... Được thiên nhiên ưu đãi với khí hậu ẩm áp, khu vực nội địa có nhiều mảng xanh tự nhiên tuyệt đẹp, và phần phía Nam trên vịnh Tokyo có bãi triều “Sambanze” quý hiếm, v.v..., nơi đây có đô thị và tự nhiên hòa hợp, giúp các cư dân thoải mái sinh sống. Ngoài ra, thành phố cũng có nhiều nơi vui chơi thể thao để cư dân rèn luyện sức khỏe. Đồng thời, chúng tôi cũng tích cực thúc đẩy giao lưu quốc tế tại đây.

Thành phố Funabashi đang hướng đến mục tiêu lý tưởng “Đô thị sôi động thân thiện - Funabashi”, thực hiện phản ánh ý kiến và nguyện vọng của mọi người dân đến chính quyền thành phố, để trở thành một đô thị năng động tràn đầy sức sống, nơi mọi người từ trẻ em đến người già, ai cũng có thể yên tâm sinh sống.

Sổ hướng dẫn này tóm lược thông tin liên quan đến các loại dịch vụ hành chính và cơ sở mà thành phố Funabashi cung cấp. Với nội dung đã được biên tập sao cho rõ ràng và dễ hiểu đối với các cư dân người nước ngoài. Mọi người nhất định hãy sử dụng quyển sổ tay này nhé.

Ban Quan hệ công chúng, Tòa thị chính Thành phố Funabashi

船橋市は 東京と 成田国際
空港の あいだに あります
64万人が 住んでいます 今
では 日本を 代表する まち
に なりました 船橋市には
9本の 鉄道と 2つの 高速
道路が 通っています 生活す
るのにも 仕事をするのにも
いいまちです
船橋市は 歴史がある まち
です むかしから 大きな道路
が 集まる 交通の 大切な
場所でした 江戸時代は 成田
不動尊へ お参りに行く人たちが
たくさん泊っていました
気候は 暖かいです 東京湾
に「三番瀬」という干潟があり
ます 自然が たくさんあつて
暮らしやすいです 市民の健
康のために スポーツをする場
所もいろいろ あります そし
て 他国と 交流も たくさ
んしています
船橋市は 市民のみなさんか
ら 意見を 聞いて 安心して
暮らすことができるまちを
めざしています
この便利帳には 外国人のみ
なさんが 必要な いろいろな
情報が 書いてあります
ぜひ使ってください

船橋市役所 広報課

Mục lục

4	Tòa thị chính, v.v... 市役所等 Tòa thị chính Thành phố Funabashi • Văn phòng chi nhánh, văn phòng liên lạc • Cơ sở công cộng tại tầng 5 của “Face Building”, Cửa nam Ga JR Funabashi
6	Trường hợp khẩn cấp 緊急の際に Số điện thoại khẩn cấp • Gọi cảnh sát khi gặp tội phạm, tai nạn: Số 110 • Trộm cắp • Tai nạn giao thông • Gọi xe cứu hỏa, xe cấp cứu khi gặp hỏa hoạn, bị bệnh: Số 119 • Xe cấp cứu • Hỏa hoạn • Chuẩn bị cho thảm họa • Cẩm nang về động đất • Cẩm nang về sóng thần, thảm họa do gió mạnh và mưa lớn
18	Đăng ký tại Tòa thị chính 市役所で登録 Đăng ký cư trú • Dành cho những người mới nhập cảnh vào Nhật Bản • Dành cho những người mới chuyển đến từ thành phố, quận, thị trấn, làng xã khác • Dành cho những người chuyển nơi cư trú • Dành cho những người chuyển ra khỏi thành phố Funabashi • Xin cấp lại thẻ lưu trú, giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt • Nộp lại thẻ lưu trú hoặc giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt • Chuyển đổi giấy chứng nhận đăng ký người nước ngoài • Chuyển đổi giấy chứng nhận đăng ký người nước ngoài sang giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt • Phát hành giấy chứng nhận • Đăng ký con dấu • Thẻ đăng ký con dấu • Giấy chứng nhận con dấu đăng ký • Bản thông báo mã số cá nhân • Thẻ My Number (Thẻ mã số cá nhân) • Khi có thay đổi về địa chỉ hoặc họ tên, v.v..., trên thẻ My Number
24	Bảo hiểm sức khỏe quốc gia, trợ cấp quốc gia, bảo hiểm chăm sóc 国民健康保険・国民年金・介護保険 Tham gia bảo hiểm sức khỏe quốc gia • Vui lòng thông báo trong các trường hợp sau • Phí bảo hiểm • Trợ cấp bảo hiểm sức khỏe quốc gia • Hoàn trả chi phí điều trị y tế • Trợ cấp chi phí điều trị y tế cao • Chi trả tiền trợ cấp một lần cho thai sản và nuôi dưỡng con cái • Chi trả trợ cấp chi phí tang lễ • Khi gặp tai nạn giao thông, v.v... • Trợ cấp quốc gia • Tiền hoàn lại một lần khi ngừng tham gia bảo hiểm • Bảo hiểm chăm sóc • Tham gia bảo hiểm chăm sóc • Phí bảo hiểm • Người có thể sử dụng dịch vụ chăm sóc
30	Thuế 税金 Các loại thuế và việc nộp tiền thuế • Thuế của thành phố • Phương pháp nộp thuế • Nộp thuế bằng cách chuyển khoản • Lưu ý khi xuất cảnh khỏi Nhật Bản • Vui lòng nộp thuế đúng hạn • Chế độ gia hạn nộp thuế • Giấy chứng nhận số tiền chịu thuế và giấy chứng nhận nộp thuế cư dân thành phố/tỉnh
34	Y tế và phúc lợi 医療と福祉 Khám chữa bệnh • Khám chữa bệnh vào ban đêm hoặc ngày nghỉ • Khi bị bệnh hoặc bị thương đột ngột vào ngày nghỉ • Khi bị bệnh hoặc bị thương đột ngột vào ban đêm • Khi gặp vấn đề về răng, v.v... đột ngột vào ngày nghỉ • Dịch vụ cung cấp thông tin về các cơ sở y tế • Trang web Phiếu chẩn đoán y tế đa ngôn ngữ • Tổ chức phi lợi nhuận chỉ định Trung tâm thông tin y tế quốc tế AMDA • Kiểm tra sức khỏe, khám bệnh • Kiểm tra sức khỏe đặc thù, hướng dẫn chăm sóc sức khỏe đặc thù • Kiểm tra sức khỏe cho người từ 75 tuổi trở lên • Các loại kiểm tra sức khỏe • Trung tâm chăm sóc sức khỏe • Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ toàn diện “Funakoko” • Trung tâm hỗ trợ trẻ em phát triển • Hỗ trợ cho người khuyết tật
41	Sinh con và nuôi dạy trẻ 出産と子育て Khai báo • Giấy báo mang thai • Giấy khai sinh • Kiểm tra sức khỏe tổng quát cho phụ nữ mang thai • Kiểm tra sức khỏe răng miệng cho phụ nữ mang thai • Kiểm tra sức khỏe cho sản phụ • Kiểm tra thính lực cho trẻ sơ sinh • Chăm sóc sau khi sinh theo hình thức lưu trú lại tại cơ sở y

tế • **Kiểm tra sức khỏe cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ** • Tư vấn sức khỏe cho trẻ 4 tháng tuổi (miễn phí) • Kiểm tra sức khỏe tổng quát cho trẻ sơ sinh • Kiểm tra sức khỏe cho trẻ 18 tháng tuổi và trẻ 3 tuổi (miễn phí) • **Tiêm chủng dự phòng** • **Các dự án trợ cấp và hỗ trợ** • Hỗ trợ chi phí y tế trẻ em • Trợ cấp nhi đồng • Trợ cấp và hỗ trợ cho gia đình đơn thân, v.v... • **Cơ sở vật chất** • Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ • Nhà trẻ • Trường mẫu giáo • Nhà thiếu nhi • **Giáo dục học đường** • Cơ sở sinh hoạt dành cho trẻ em sau giờ học • Lớp học Funakko (Lớp giữ trẻ sau giờ học)

50

Sinh hoạt thường ngày 日常生活

Phân loại rác • Bảng phân loại rác cháy được, rác không cháy được, rác tài nguyên và chai nhựa PET, vật có giá trị, rác công kênh • Ứng dụng phân loại rác dành cho điện thoại thông minh • **Cách vứt rác** • Rác cháy được • Rác không cháy được • Rác tài nguyên và chai nhựa PET • Vật có giá trị • Rác công kênh • Tái chế đồ điện gia dụng • Đồ điện gia dụng cỡ nhỏ đã qua sử dụng • Tái chế máy tính • Các loại rác không thu gom trong thành phố • **Cắm để xe đạp, xe đạp gắn động cơ xung quanh nhà ga** • Bãi đỗ xe đạp • Khi đi xe đạp • **Nhà ở** • Nhà ở do thành phố quản lý • Nhà ở do tỉnh quản lý • **Nội dung khác** • Vui lòng lưu ý những cuộc điện thoại này

59

Cơ sở công cộng 公共施設

Cơ sở văn hóa • Thư viện • Danh sách thư viện • Bảo tàng tư liệu về địa phương Kyodo Shiryokan • Bảo tàng Cung thiên văn Planetarium • Bảo tàng công viên tiền sử Tobinodai • **Cơ sở thể dục thể thao** • Phí sử dụng hồ bơi • **Cơ sở cộng đồng** • Trung tâm văn hóa cộng đồng Shimin Bunka Hall • Trung tâm sáng tạo văn hóa cộng đồng (Kirara Hall) • Trung tâm Kinro Shimin • Trung tâm Miyama Shimin • Nhà văn hóa thanh thiếu niên • Nhà văn hóa cộng đồng • **Công viên** • Công viên Funabashi Andersen • Công viên bờ biển Funabashi Sambanze • Trung tâm nghiên cứu môi trường Funabashi Sambanze • Khu cắm trại dành cho thanh thiếu niên

69

Quyền tư vấn dành cho người nước ngoài sinh sống tại Funabashi

船橋に住む外国人のための相談窓口

Đường dây nóng Yoriso • Góc hỗ trợ tư vấn của Trụ sở cảnh sát tỉnh Chiba • Tư vấn pháp luật miễn phí của Văn phòng hội nghị và trung tâm quốc tế Chiba • Góc hỗ trợ tư vấn của Trụ sở cảnh sát tỉnh Chiba • Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú Tokyo, Văn phòng chi nhánh Chiba • Dịch vụ cung cấp thông tin về bưu điện quốc tế • JR East Infoline: Cung cấp thông tin về JR East • Trung tâm thông tin tổng hợp về lưu trú dành cho người nước ngoài thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh Tokyo • Hello Work Funabashi (Văn phòng ổn định việc làm công cộng Funabashi) • Trung tâm chăm sóc khách hàng về dịch vụ cấp nước của tỉnh • Trung tâm hỗ trợ lưu trú cho người nước ngoài

72

Giao lưu quốc tế 国際交流

73

Số điện thoại của các đại sứ quán chính 主な大使館の電話番号

Lưu ý: Số điện thoại và các dịch vụ của tòa thị chính được ghi trong sổ tay hướng dẫn này chỉ hỗ trợ bằng tiếng Nhật, trừ khi được ghi chép cụ thể.

Mã vùng là 047

Mã vùng cho số điện thoại được ghi trong sổ tay hướng dẫn này là “047” trừ khi được ghi chú cụ thể. Tuy nhiên, tùy theo khu vực, bạn sẽ không thể thực hiện cuộc gọi mà không có mã vùng. Trong trường hợp này, vui lòng thêm mã vùng 047 và thực hiện cuộc gọi.

Tòa thị chính, v.v...

市役所等

船橋市役所

湊町 2-10-25

電話：047-436-2111

市役所や出張所の窓口は土曜、日曜、祝日、休日、年末年始が休みです。

出張所・連絡所

市内には7つの出張所、5つの連絡所があり、皆さんの身近な窓口として印鑑登録証明書や住民票の交付などの事務を取り扱っています。

Tòa thị chính Thành phố Funabashi

2-10-25 Minatocho

Điện thoại: 047-436-2111

Quầy tiếp tân của Tòa thị chính thành phố và văn phòng chi nhánh đóng cửa vào thứ bảy, chủ nhật ngày lễ, ngày nghỉ, các ngày nghỉ cuối năm và đầu năm.

Văn phòng chi nhánh, văn phòng liên lạc

Có 7 văn phòng chi nhánh, 5 văn phòng liên lạc trong thành phố, các văn phòng này xử lý các công việc quen thuộc như cấp giấy chứng nhận con dấu đăng ký và giấy đăng ký cư trú, v.v...

出張所・連絡所一覧

Danh sách văn phòng chi nhánh, văn phòng liên lạc

Tên	Địa chỉ	Điện thoại
Văn phòng chi nhánh Ninomiya	1-1-20 Takidai	047-464-1811
Văn phòng chi nhánh Shibayama	3-10-8 Shibayama	047-463-2561
Văn phòng chi nhánh Takanedai	1-2-5 Takanedai	047-465-4331
Văn phòng chi nhánh Narashinodai	2-45-18 Narashinodai	047-466-2811
Văn phòng chi nhánh Toyotomi	4 Toyotomicho	047-457-2003
Văn phòng chi nhánh Futawa	5-26-1 Futawa Higashi	047-447-4507
Văn phòng chi nhánh Nishi Funabashi	4-17-3 Nishifuna	047-433-4321
Văn phòng liên lạc Hoden	7-33-7 Fujiwara	047-438-6262
Văn phòng liên lạc Miyama	8-19-1 Miyama	047-475-8300
Văn phòng liên lạc Komuro	3308 Komurocho	047-457-5146
Văn phòng liên lạc Tsudanuma	2-21-21 Maebaranishi	047-471-1151
Văn phòng liên lạc Motonakayama	3-20-2 Motonakayama	047-336-5481

Cơ sở công cộng tại tầng 5 của “Face Building”, Cửa nam Ga JR Funabashi

• Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp trước Ga Funabashi

Ngoài công việc thay đổi địa chỉ và cấp giấy chứng nhận, trung tâm còn thực hiện tư vấn về bảo hiểm sức khỏe quốc gia, trợ cấp quốc gia, tiền thuế, các loại phúc lợi.

Giờ làm việc: 9 giờ sáng ~ 8 giờ tối từ thứ hai đến thứ sáu, 9 giờ sáng ~ 5 giờ chiều ngày thứ bảy, chủ nhật của tuần thứ 2 và thứ 4 trong tháng.

* Từ sau 5 giờ chiều vào ngày thường và thứ bảy, chủ nhật, trung tâm sẽ không tiếp nhận một số thủ tục, chẳng hạn như trường hợp từ nước ngoài chuyển đến, v.v...

* Trường hợp vì lý do phải ứng phó với thiên tai, bệnh truyền nhiễm, hay kiểm tra cơ sở, v.v..., thời gian tiếp nhận có thể sẽ kết thúc sớm, hoặc trung tâm sẽ tạm thời ngừng hoạt động. Khi đó, trung tâm sẽ thông báo trên trang web của thành phố và trên các thông tin công cộng, bạn vui lòng lưu ý để nắm rõ thông tin

Điện thoại: 047-423-3411

• Trung tâm đời sống tiêu dùng

Trung tâm thực hiện tư vấn các vấn đề về tiêu dùng trong cuộc sống hàng ngày.

Giờ tiếp nhận: 9 giờ sáng ~ 4 giờ chiều.

Điện thoại: 047-423-3006

• Ngoài ra còn có Trung tâm hỗ trợ hoạt động công dân, Trung tâm sáng tạo văn hóa công dân “Kirara”, Bộ phận tư vấn nghề nghiệp, v.v...

JR 船橋駅南口「フェイスビル」 5 階の公共施設

• 船橋駅前総合窓口センター住所の異動や証明書の交付のほか、国民健康保険、国民年金、税金、各種福祉窓口業務を行っています。

業務時間: 月～金曜日の午前

9時～午後8時、第2・4土曜日とその翌日の日曜日の午前9時～午後5時

※平日の午後5時以降および

土・日は海外からの転入

など一部の業務は行っていない

※天災・感染症対応、施設点検等の理由で、受付時間を縮小し、臨時休業日を設ける場合があります。その際は、ホームページや広報等でお知らせいたしますのでご了承ください

電話: 047-423-3411

• 消費生活センター

消費生活のトラブルの相談などを行っています。

受付時間: 午前9時～午後4時

電話: 047-423-3006

• このほか、市民活動サポートセンター、市民文化創造館「きらら」、職業相談などがあります。

Trường hợp khẩn cấp

緊急の際に

緊急電話

緊急電話は、局番なしの 110 番（警察署）と 119 番（消防署）で、無料です。いずれも全国どこでも 24 時間体制で受け付けています。公衆電話や携帯電話からも通報できますが、携帯電話の場合は、折り返し確認の電話をすることがありますので、通報後しばらくは電源をきらないでください。

犯罪、事故で警察…110 番

電話で警察に通報するとき、局番なしの 110 番にかけます。係官とのやりとりは次のような順序になります。

- ① 係官 = 何がありましたか
返事 = 事故です 盗難です
- ② 係官 = 場所はどこですか
返事 = △市△△町△△△番地です
- ③ 係官 = あなたの名前と住所は
- ④ 係官 = 使用の電話番号は

けが人がいる場合は、警察に通報すれば救急車の手配もしてくれます。

Số điện thoại khẩn cấp

Các số điện thoại khẩn cấp là 110 (Sở cảnh sát) và 119 (Sở cứu hỏa), không có mã vùng, được miễn cước phí. Cả hai số điện thoại đều tiếp nhận cuộc gọi theo cơ chế 24 giờ ở bất kỳ nơi nào tại Nhật Bản. Bạn có thể thông báo từ cả điện thoại công cộng và điện thoại di động, nhưng trường hợp dùng điện thoại di động, có thể sẽ có điện thoại xác nhận lại, vì vậy đừng tắt nguồn sau khi thông báo.

Gọi cảnh sát khi gặp tội phạm, tai nạn: Số 110

Khi thông báo cho cảnh sát bằng điện thoại, hãy gọi đến số 110 không có mã vùng. Dưới đây là nội dung các câu trao đổi với cán bộ phụ trách.

- ① **Cán bộ** = Nani ga arimashita ka? (Xảy ra chuyện gì vậy?)
Trả lời = Jiko desu. (Có vụ tai nạn.) hoặc Tonan desu. (Có vụ trộm.)
- ② **Cán bộ** = Basho wa doko desu ka? (Ở đâu vậy?)
Trả lời = △ -shi △△ -cho △△△ -banchi desu. (Ở △ -shi △△ -cho △△△ -banchi.)
- ③ **Cán bộ** = Anata no namae to jusho wa? (Tên của anh/chị và địa chỉ là gì?)
- ④ **Cán bộ** = Shiyo no denwa bango wa? (Số điện thoại anh/chị đang sử dụng là gì?)

Trường hợp có người bị thương, nếu thông báo cho cảnh sát, họ sẽ điều động cả xe cấp cứu.

Trộm cắp

Khi bị kẻ trộm đột nhập và đánh cắp đồ đạc trong lúc bạn đi vắng, hãy liên lạc ngay với cảnh sát. Nếu sổ tiết kiệm, thẻ tín dụng, v.v... bị đánh cắp, bạn cần phải thông báo cho cả ngân hàng và công ty phát hành thẻ.

Tai nạn giao thông

Khi xảy ra tai nạn giao thông, dù là tai nạn nhỏ thế nào cũng phải báo cho cảnh sát. Khi đó, nếu có người bị thương, hãy gọi cả xe cấp cứu. Dù bạn có thể không bị thương ở bên ngoài, hoặc bị vết thương nhỏ, v.v..., nhưng vẫn có thể xuất hiện di chứng, vì vậy nếu cơ thể có va chạm và bị thương, thì bạn nhất định phải đi đến bệnh viện để được bác sĩ khám.

Đối với bên còn lại trong vụ tai nạn, hãy

- ① Xác nhận biển số xe của họ,
- ② Yêu cầu xem giấy phép lái xe, xác nhận số giấy phép, địa chỉ, họ tên và tuổi tác,
- ③ Xác nhận công ty bảo hiểm và sổ thẻ bảo hiểm,
- ④ Trường hợp có nhân chứng, hãy hỏi cả tên và địa chỉ của người đó.

Gọi xe cứu hỏa, xe cấp cứu khi gặp hỏa hoạn, bị bệnh: Số 119

Số điện thoại để thông báo đến sở cứu hỏa là 119 không có mã vùng. Ở sở cứu hỏa có cả xe cứu hỏa và xe cấp cứu, nên khi gọi điện thoại, bạn hãy cho biết

- ① Trước hết đó là hỏa hoạn hay cần cấp cứu,
- ② Địa điểm ở đâu,
- ③ Họ tên của mình,
- ④ Số điện thoại đang sử dụng.

Khi gọi đến số 119, nếu cần báo địa điểm, hãy nói thêm những tòa nhà nổi bật ở gần vị trí của bạn, v.v..., để họ có thể nhanh chóng đến đó.

Khi gọi đến số 119, bạn có thể thông báo bằng cả ngoại ngữ trong 24 giờ, thông qua trung tâm phiên dịch.

盜難

留守中に泥棒が入ったり、物を盗まれたときには、すぐに警察に連絡しましょう。預金通帳、クレジットカードなどを盗まれたときは、銀行やカードの発行会社にも届け出が必要です。

交通事故

交通事故にあったら、どんな小さな事故でも警察に届けます。その際、けが人がいたら救急車の手配もします。見た目にけがが無かったり、小さな傷でも、後遺症などが出る場合がありますので、身体を打ったりけがをしたら必ず病院に行き、医師の診断を受けましょう。

事故の相手に対しては、①車のナンバープレートを確認する②免許証を見せてもらい、免許証番号、住所、氏名、年齢を確認する③保険会社と保険証の番号を確認する④目撃者がいる場合は、その方の氏名や住所も聞いておきましょう。

火事、病気で消防車、救急車 …119番

消防署への通報は局番なしの119番です。消防署には消防車と救急車の両方がありますので、電話をする際は①まず火事か、救急か②場所はどこか③自分の氏名④使用している電話番号を伝えます。

119番通報で場所を伝える時に、近くの目印となる建物などを言うと早く到着できます。

119番では、通訳センターを介して、24時間外国語でも通報できます。

救急車

呼吸をしていない、呼吸が苦しい、胸が痛い、突然の激しい頭痛、手足の動きが急に悪くなった、このような症状を認めた時は直ちに救急車を呼びましょう。

緊急性のない風邪等の症状では、救急車の要請を控え、公共交通機関を利用して病院に行きましょう。

火事

火事が発生したら、すぐに消防署に通報する一方、バケツ、消火器、濡れタオルなどで初期消火に取り掛かるとともに、近所に大声で協力を求めましょう。またビルなどの建物で火災から避難する際は、煙に巻かれて倒れる場合が多いので、姿勢を低くし、濡れたハンカチなどを口に当て、煙を吸わないようにして避難します。

Xe cấp cứu

Khi nhận thấy những triệu chứng như không hít thở được, khó hít thở, đau ngực, đột nhiên đau đầu dữ dội, bất ngờ không cử động được tay chân, hãy gọi xe cấp cứu ngay lập tức.

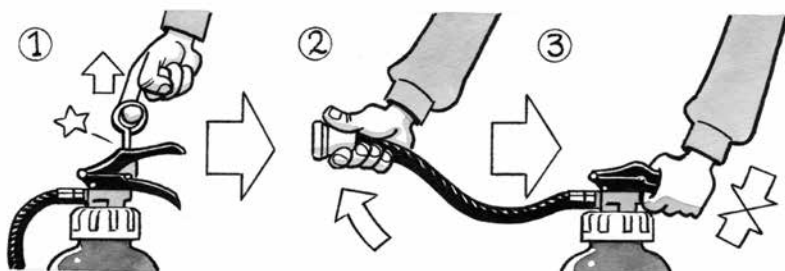
Với những triệu chứng không khẩn cấp như cảm lạnh, v.v..., không nên gọi xe cấp cứu mà hãy sử dụng phương tiện giao thông công cộng để đi đến bệnh viện.

Hỏa hoạn

Nếu xảy ra hỏa hoạn, hãy thông báo ngay cho sở cứu hỏa, mặt khác, hãy bắt tay vào việc chữa cháy ban đầu bằng xô, bình chữa cháy, khăn ướt, v.v..., đồng thời lớn tiếng kêu gọi sự giúp đỡ ở xung quanh. Ngoài ra, khi lánh nạn khỏi các vụ hỏa hoạn ở những công trình kiến trúc như tòa nhà, v.v..., có nhiều trường hợp bất tỉnh do ngạt khói, vì vậy, bạn hãy hạ thấp tư thế, che miệng bằng khăn tay đã thấm ướt, cố gắng không hít phải khói và lánh nạn.

Cách sử dụng bình chữa cháy

消火器の使い方



① Rút chốt an toàn.

① 安全ピンを抜く

② Hướng vòi phun về phía có lửa.

② ホースを火の方へ向ける

③ Bóp chặt van.

③ レバーを握る

Chuẩn bị cho thảm họa

Cẩm nang về động đất

Nếu gặp phải động đất

- ① Kiểm tra xem nhà bạn có an toàn không, trường hợp nguy hiểm, hãy đến nơi lánh nạn (nơi lánh nạn tạm thời/diện rộng)
- ② Nếu nguy hiểm đã qua đi, và khu vực xung quanh nhà cũng đã an toàn, hãy quay trở về nhà
- ③ Nếu nhà bạn bị cháy rụi hoặc sụp đổ, hãy đến nơi lánh nạn

Nếu đang ở trong nhà

- Núp dưới bàn, v.v..., để bảo vệ bản thân. Bảo vệ phần đầu.
- Mở cửa ra vào và cửa sổ để đảm bảo có lối lánh nạn.
- Kiểm tra nguồn lửa, chẳng hạn như tắt lửa bếp ga, v.v...

Nếu đang trong cơ sở thương mại

- Bảo vệ phần đầu, và di chuyển đến nơi có thể tránh né được nguy hiểm như có đồ vật rơi xuống hoặc té ngã.
- Không hoảng loạn mà hãy bình tĩnh làm theo hướng dẫn của nhân viên cửa hàng.

Nếu đang ở trên đường

- Không đứng lại ở đó, mà hãy bảo vệ phần đầu và di chuyển đến những khu đất trống hoặc công viên.
- Chú ý các cột điện sắp ngã đổ và dây điện bị võng xuống.

Hãy chuẩn bị vật dụng mang theo khi khẩn cấp

Vật dụng mang theo khi khẩn cấp

- Vật có giá trị • Bộ dụng cụ y tế khẩn cấp • Sổ tay thuốc uống • Quần áo • Thực phẩm khi khẩn cấp • Nước • Đài radio di động • Khẩu trang • Dung dịch khử khuẩn • Nhiệt kế • Đèn pin cầm tay • Pin sạc dự phòng, v.v...

Bạn cần chuẩn bị sao cho đủ số lượng cần dùng từ 7 ngày trở lên.

- Lương thực • Nhiên liệu • Nước uống (Tiêu chuẩn 1 người 3l/ngày) • Đồ dùng dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, v.v...

災害への備え

地震編

地震に遭遇したら

- ① 自宅が安全か確認し、危険な場合は避難場所（一時・広域避難場所）へ
- ② 危険が去り、自宅周辺も無事な場合は自宅へ
- ③ 自宅焼失・倒壊の場合は避難所へ

家の中にいたら

- テーブル等の下に隠れ、身を守る。頭を保護する。
- 扉や窓を開け、避難路を確保する。
- コンロの火を消すなど、火の元を確認する。

商業施設にいたら

- 頭を保護し、落下・転倒の危険を避けられる場所へ移動する。
- パニックにならないよう、落ち着いて店員の指示に従う。

路上にいたら

- その場に立ち止まらず、頭を保護して空き地や公園に移動する。
- 倒れそうな電柱や垂れ下がった電線に注意する。

非常時の持ち出し品の準備を

非常時持出品

- 貴重品 • 救急医薬品 • お薬手帳 • 衣類 • 非常食 • 水 • 携帯ラジオ • マスク • 消毒液 • 体温計 • 懐中電灯 • モバイルバッテリーなど

7日以上を自足で過ごせるよう準備が必要です。

- 食糧 • 燃料 • 飲料水（1人1日3ℓが目安） • 乳幼児用品など

津波・風水害編

避難に対する基本的な考え

「警戒レベル」で行動が変わります。

水害・土砂災害時に逃げ遅れるによる被害を防ぐため、市が発令する避難情報等の緊急性や、とるべき行動がすぐに分かるよう、5段階の「警戒レベル」を用います。危険を感じたら早めに避難するなど、自分を守る行動をとりましょう。

Cẩm nang về sóng thần, thảm họa do gió mạnh và mưa lớn

Những suy nghĩ cơ bản về lánh nạn

Hành động sẽ thay đổi theo “Cấp độ cảnh báo”.

Để phòng tránh thiệt hại do chậm trễ trong việc chạy lánh nạn khi xảy ra thảm họa lũ lụt hoặc thảm họa sạt lở đất, chúng tôi đã sử dụng 5 cấp bậc trong “Cấp độ cảnh báo”, để bạn có thể hiểu ra ngay mức độ khẩn cấp của thông tin lánh nạn, v.v... do thành phố ban bố lệnh và có các hành động cần thiết. Hãy thực hiện các hành động bảo vệ bản thân, chẳng hạn như lánh nạn sớm nếu cảm thấy nguy hiểm, v.v...

Cấp độ cảnh báo	Thông tin lánh nạn, v.v...	Hành động cần thực hiện
5 (Thành phố ban bố lệnh) Thông tin tương đương với Cấp độ cảnh báo 5 (Cục Khí tượng Nhật Bản, v.v... ra thông báo)	Đảm bảo an toàn khi khẩn cấp Cảnh báo đặc biệt về mưa lớn, thông tin xảy ra ngập lụt, v.v...	- Thực hiện các hành động có hiệu quả nhất để bảo vệ tính mạng - Đây là tình huống thảm họa đã xảy ra
4 (Thành phố ban bố lệnh) Thông tin tương đương với Cấp độ cảnh báo 4 (Cục Khí tượng Nhật Bản, v.v... ra thông báo)	Chỉ thị lánh nạn Thông tin cảnh báo thảm họa sạt lở đất, thông tin nguy hiểm về ngập lụt, v.v...	Sơ tán mọi người ra khỏi những nơi nguy hiểm Lánh nạn đến nơi an toàn
3 (Thành phố ban bố lệnh) Thông tin tương đương với Cấp độ cảnh báo 3 (Cục Khí tượng Nhật Bản, v.v... ra thông báo)	Sơ tán người cao tuổi, v.v... Cảnh báo mưa lớn, cảnh báo lũ lụt, v.v...	Sơ tán người cao tuổi, v.v... ra khỏi những nơi nguy hiểm Sơ tán những người cần nhiều thời gian sơ tán
2 (Cục Khí tượng Nhật Bản ra thông báo)	Cảnh báo thận trọng với lũ lụt, cảnh báo thận trọng với mưa lớn, v.v...	Kiểm tra hành động lánh nạn
1 (Cục Khí tượng Nhật Bản ra thông báo)	Thông tin chú ý sớm	Chuẩn bị sẵn sàng ứng phó với thảm họa

Ưu tiên các hành động bảo vệ tính mạng

① Lánh nạn nơi khác (Lánh nạn đến nơi lánh nạn khẩn cấp chỉ định)

Ngoài nơi lánh nạn, hãy lánh nạn đến các nơi an toàn như nhà của bạn bè, v.v...

* Vui lòng chú ý đối với những nơi sau đây

- Mưa vào ban đêm hoặc mưa lớn đột ngột
- Khi nước ngập đến trên đầu gối
- Khi dòng nước lũ chảy xiết hoặc khi có nguy cơ té ngã

② Lánh nạn trên cao (Đảm bảo an toàn trong nhà)

Những người được đảm bảo an toàn trong nhà sẽ lánh nạn đến nơi an toàn hơn trong nhà của họ. Ngoài ra, hãy xem xét đến việc lánh nạn tạm thời ở tầng cao của các tòa nhà gần đó - nơi không có nguy cơ sụp đổ do ngập lụt.

Để bảo vệ tính mạng khỏi sóng thần

- Lệnh Cảnh báo sóng thần lớn, cảnh báo sóng thần đã được ban bố → Lánh nạn đến nơi an toàn như vùng đất cao hoặc tòa nhà cao tầng, v.v... → Vì trận sóng thần sẽ ập vào liên tục, nên tuyệt đối không đến gần bờ biển cho đến khi lệnh cảnh báo/cảnh báo thận trọng được gỡ bỏ
- Lệnh Cảnh báo thận trọng sóng thần đã được ban bố → Những người ở gần bờ biển hãy ngay lập tức rời khỏi bờ biển và đến nơi an toàn trên đất liền → Vì trận sóng thần sẽ ập vào liên tục, nên tuyệt đối không đến gần bờ biển cho đến khi lệnh cảnh báo/cảnh báo thận trọng được gỡ bỏ

Nơi lánh nạn tạm thời/diện rộng

“Nơi lánh nạn tạm thời” là nơi lánh nạn tạm thời để tránh các nguy hiểm khi xảy ra thảm họa.

“Nơi lánh nạn diện rộng” là nơi lánh nạn khi toàn bộ khu vực gặp nguy hiểm như đám cháy lan trên diện rộng do động đất, v.v...

Nơi lánh nạn chỉ là không gian để lánh nạn

命を守る行動を最優先に

① 水平避難（立ち退き避難）

避難所以外にも、友人宅など安全な場所へ避難してください。

※ 次のような場合には注意してください

- ・ 夜間や急激な降雨のとき
- ・ 膝上まで浸水しているとき
- ・ 浸水の水の流れが速いときや転落のおそれがあるとき

② 垂直避難（屋内安全確保）

自宅の安全が確保された人は自宅の中でより安全な場所に避難します。また、浸水による倒壊の危険がない近隣建物の上階に一時避難することも検討してください。

津波から命を守るために

- ・ 大津波警報、津波警報が発令された→高台や高い建物など安全な場所に避難→津波は繰り返しくるので、警報・注意報が解除されるまでは絶対に海岸に近づかない
- ・ 津波注意報が発表された→海岸付近にいる人はすぐに海岸から離れ、陸上の安全な場所へ→津波は繰り返しくるので、警報・注意報が解除されるまでは絶対に海岸に近づかない

一時・広域避難場所

「一時避難場所」は、災害時の危険を回避するために一時的に避難する場所となります。

「広域避難場所」は、地震などによる広域延焼火災で地域全体が危険な場合に避難する

場所となります。

避難場所ではテント等を持ち込んでの避難所生活を行わず、あくまで発災初期に避難するスペースとなります。

宿泊可能避難所

「宿泊可能避難所」は、被災者の住宅に対する危険が予想される場合や住宅の損壊により生活の場が失われた場合に、一時的な生活の場となるものです。また、各学校の校庭については一時避難場所としての役割もあります。

※ すべての避難施設で住所による避難場所の指定はしておりませんので、どこに避難していただいても構いません。また、近隣市の避難施設に避難していただいても構いません

trong thời gian đầu khi xảy ra thảm họa, không phải là nơi để sinh hoạt như mang theo cả lều, v.v... vào nơi lánh nạn.

Nơi sơ tán có thể lưu trú

“Nơi sơ tán có thể lưu trú” là nơi ở tạm thời trong trường hợp nhà của người bị nạn được dự đoán trong tình trạng nguy hiểm, hoặc người bị nạn bị mất nơi sinh hoạt do nhà cửa bị hư hỏng. Ngoài ra, sân trường của các trường học cũng được làm nơi lánh nạn tạm thời.

* Tất cả cơ sở lánh nạn đều không có chỉ định nơi lánh nạn theo địa chỉ, vì vậy bạn có thể lánh nạn ở bất cứ nơi đâu. Ngoài ra, bạn cũng có thể lánh nạn đến các cơ sở lánh nạn ở thành phố bên cạnh

Tên cơ sở được chỉ định	Địa chỉ	Nơi lánh nạn tạm thời	Nơi lánh nạn diện rộng	Nơi sơ tán có thể lưu trú
Trường tiểu học Ichiba	1-5-1 Ichiba	●		●
Trường tiểu học Oana	2-7-1 Oana-Minami	●		●
Trường tiểu học Oana-Kita	1-7-1 Oana-Kita	●		●
Trường tiểu học Ogurihara	3-16-12 Motonakayama	●		●
Trường tiểu học Kaijin	2-6-5 Kaijin	●		●
Trường tiểu học Kaijin-Minami	1-1510 Kaijincho-Minami	●		●
Trường tiểu học Katsushika	1-2-1 Innai	●		●
Trường tiểu học Kanasugi	8-10-1 Kanasugi	●		●
Trường tiểu học Kanasugidai	2-1-7 Kanasugidai	●		●
Trường tiểu học Gyoda-Nishi	3-4-1 Gyoda	●		●
Trường tiểu học Gyoda-Higashi	2-4-1 Gyoda	●		●
Trường tiểu học Kowagama	3-42-1 Matsugaoka	●		●

Tên cơ sở được chỉ định	Địa chỉ	Nơi lánh nạn tạm thời	Nơi lánh nạn diện rộng	Nơi sơ tán có thể lưu trú
Trường tiểu học Komuro	899 Komurocho	●		●
Trường tiểu học Sakigaoka	1-22-1 Sakigaoka	●		●
Trường tiểu học Shibayama-Nishi	2-4-1 Shibayama	●		●
Trường tiểu học Shibayama-Higashi	3-19-1 Shibayama	●		●
Trường tiểu học Takasato	1-47-1 Nishi-Narashino	●		●
Trường tiểu học Takane	2895 Takanecho	●		●
Trường tiểu học Takanedai Dai-san	1-4-1 Takanedai	●		●
Trường tiểu học Takanedai Dai-ni	5-2-1 Takanedai	●		●
Trường tiểu học Takane-Higashi	1-7-1 Shin-Takane	●		●
Trường tiểu học Takinoi	4-33-1 Takinoi	●		●
Trường tiểu học Tsukada	600 Maekaizukacho	●		●
Trường tiểu học Tsukada-Minami	1-50-1 Gyoda	●		●
Trường tiểu học Tsuboi	747-1 Tsuboicho	●		●
Trường tiểu học Toyotomi	1 Toyotomicho	●		●
Trường tiểu học Nakanoki	2-19-1 Nakanoki	●		●
Trường tiểu học Natsumidai	2-12-1 Natsumidai	●		●
Trường tiểu học Nanabayashi	115-13 Nanabayashicho	●		●
Trường tiểu học Narashinodai Dai-ichi	2-51-1 Narashinodai	●		●
Trường tiểu học Narashinodai Dai-ni	5-43-1 Narashinodai	●		●
Trường tiểu học Nishi-Kaijin	5-19-36 Kaijin	●		●
Trường tiểu học Ninomiya	5-9-3 Maebara-Higashi	●		●
Trường tiểu học Hasama	3-1394-3 Hasamacho	●		●
Trường tiểu học Hasama-Minami	1-954-4 Hasamacho	●		●
Trường tiểu học Futawa	1-9-11 Futawa-Higashi	●		●
Trường tiểu học Funabashi	4-17-20 Honcho	●		●
Trường tiểu học Hoden	5-2-1 Fujiwara	●		●
Trường tiểu học Hoden-Nishi	1-111-5 Kamiyamacho	●		●
Trường tiểu học Hoden-Higashi	5-25-1 Maruyama	●		●
Trường tiểu học Maehara	2-28-1 Maebara-Nishi	●		●

Tên cơ sở được chỉ định	Địa chỉ	Nơi lánh nạn tạm thời	Nơi lánh nạn diện rộng	Nơi sơ tán có thể lưu trú
Trường tiểu học Maruyama	4-43-1 Maruyama	●		●
Trường tiểu học Misaki	5-39-1 Futawa-Higashi	●		●
Trường tiểu học Minatocho	1-16-5 Minatocho	●		●
Trường tiểu học Minami-Honcho	1-7-1 Sakaecho	●		●
Trường tiểu học Minedai	6-33-1 Miyamoto	●		●
Trường tiểu học Miyama	2-42-1 Miyama	●		●
Trường tiểu học Miyama-Higashi	6-32-1 Miyama	●		●
Trường tiểu học Miyamoto	7-10-1 Miyamoto	●		●
Trường tiểu học Yakigaya	2-3-1 Yakigaya	●		●
Trường tiểu học Yakigaya-Kita	4-13-1 Yakigaya	●		●
Trường tiểu học Yakuendai	4-5-1 Yakuendai	●		●
Trường tiểu học Yakuendai-Minami	2-18-1 Yakuendai	●		●
Trường tiểu học Yasakae	5-27-1 Natsumi	●		●
Trường tiểu học Wakamatsu	3-2-4 Wakamatsu	●		●
Trường trung học cơ sở Asahi	2-23-1 Asahicho	●		●
Trường trung học cơ sở Oana	3-19-2 Oana-Minami	●		●
Trường trung học cơ sở Otaki	6-5-1 Kanasugi	●		●
Trường trung học cơ sở Kaijin	4-27-1 Kaijin	●		●
Trường trung học cơ sở Katsushika	1-5-1 Innai	●		●
Trường trung học cơ sở Kanasugidai	1-2-18 Kanasugidai	●		●
Trường trung học cơ sở Gyoda	3-6-1 Gyoda	●		●
Trường trung học cơ sở Komuro	898 Komurocho	●		●
Trường trung học cơ sở Kowagama	3-69-1 Matsugaoka	●		●
Trường trung học cơ sở Shibayama	1-40-11 Shibayama	●		●
Trường trung học cơ sở Takanedai	3-3-1 Takanedai	●		●
Trường trung học cơ sở Takane	1-17-2 Shin-Takane	●		●
Trường trung học cơ sở Tsuboi	1-24-1 Tsuboi-Higashi	●		●
Trường trung học cơ sở Toyotomi	12 Toyotomicho	●		●
Trường trung học cơ sở Nanabayashi	130 Nanabayashicho	●		●

Tên cơ sở được chỉ định	Địa chỉ	Nơi lánh nạn tạm thời	Nơi lánh nạn diện rộng	Nơi sơ tán có thể lưu trú
Trường trung học cơ sở Narashinodai	6-23-1 Narashinodai	●		●
Trường trung học cơ sở Ninomiya	1-2-1 Takidai	●		●
Trường trung học cơ sở Hasama	1-946-1 Hasamacho	●		●
Trường trung học cơ sở Funabashi	2-11-1 Natsumi	●		●
Trường trung học cơ sở Hoda	7-46-1 Fujiwara	●		●
Trường trung học cơ sở Maebara	2-33-1 Nakanoki	●		●
Trường trung học cơ sở Mita	2-24-1 Takinoi	●		●
Trường trung học cơ sở Minato	1-1-2 Hinode	●		●
Trường trung học cơ sở Miyama	6-26-1 Miyama	●		●
Trường trung học cơ sở Miyamoto	7-8-1 Higashi-Funabashi	●		●
Trường trung học cơ sở Yakigaya	2-9-1 Yakigaya	●		●
Trường trung học cơ sở Wakamatsu	3-2-3 Wakamatsu	●		●
Trường trung học phổ thông Funabashi thuộc thành phố	4-5-1 Ichiba	●		●
Trường trung học phổ thông Funabashi thuộc tỉnh Chiba	6-1-1 Higashi-Funabashi	●		●
Trường trung học phổ thông Yakuendai thuộc tỉnh Chiba	5-34-1 Yakuendai	●		●
Trường trung học phổ thông Funabashi-Higashi thuộc tỉnh Chiba	2-13-1 Shibayama	●		●
Trường trung học phổ thông Funabashi-Keimei thuộc tỉnh Chiba	333 Asahicho	●		●
Trường trung học phổ thông Funabashi-Shibayama thuộc tỉnh Chiba	7-39-1 Shibayama	●		●
Trường trung học phổ thông Funabashi-Futawa thuộc tỉnh Chiba	1-3-1 Futawa-Nishi	●		●
Trường trung học phổ thông Funabashi-Kowagama thuộc tỉnh Chiba	586 Kowagamacho	●		●
Trường trung học phổ thông Funabashi-Hoden thuộc tỉnh Chiba	4-1-1 Fujiwara	●		●
Trường trung học phổ thông Funabashi-Kita thuộc tỉnh Chiba	133-1 Jinbocho	●		●

Tên cơ sở được chỉ định	Địa chỉ	Nơi lánh nạn tạm thời	Nơi lánh nạn diện rộng	Nơi sơ tán có thể lưu trú
Trường trung học phổ thông Toyo	2-665-1 Hasamacho	●		●
Đại học Toho	2-2-1 Miyama	●		●
Cao đẳng Công nghệ công nghiệp, Đại học Nihon	1-2-1 Izumicho, Narashino-shi	●		
Cao đẳng Khoa học và Công nghệ, Đại học Nihon	7-24-1 Narashinodai	●		●
Trường hỗ trợ đặc biệt Funabashi Khu học xá Takanedai	2-1-1 Takanedai	●		●
Công viên Amanuma Bentenike	7-16 Honcho	●		
Sân bóng chày NTT Funabashi	2-622 Hasamacho	●		
Công viên Takanekido Kinrin	5-3-1 Takanedai	●		
Công viên Natsumidai Kinrin	2-13 Natsumidai	●		
Công viên Nishifuna Kinrin	1-25 Nishifuna	●		
Trường đua ngựa Funabashi Bãi đậu xe phía trước	1-2-1 Wakamatsu	●		
Đền Funabashi Daijingu	5-2-1 Miyamoto	●		
Undo Koen (Công viên thể thao)	6-4-1 Natsumidai		●	
Công viên Otaki	6-26 Kanasugi		●	
Công viên Kita-Narashino Kinrin	3-4-1 Narashinodai		●	
Kenmin no Mori	586-2 Ojinbocho		●	
Công viên Gyoda thuộc tỉnh Chiba	2-5-1 Gyoda		●	
Công viên Tsuboi Kinrin	1371 Tsuboicho		●	
Công viên Hoden	5-9-10 Fujiwara		●	
Công viên Yakuendai	4-25-19 Yakuendai		●	
Công viên Oana Kinrin	4-674-1 Oana-Minami		●	
Chợ đầu mối địa phương	1-8-1 Ichiba		●	
Trường đua ngựa Nakayama	1-1-1 Kosaku		●	
Sân huấn luyện Narashino Lực lượng Phòng vệ Mặt đất Nhật Bản	3-1 Narashino		●	
Quảng trường thể thao Takasecho Machikado	56 Takasecho		●	
Nhà văn hóa cộng đồng Ebigasaku	3-19-1 Oana-Minami			●
Nhà văn hóa cộng đồng Kaijin	6-3-36 Kaijin			●
Nhà văn hóa cộng đồng Katsushika	3-6-25-201 Nishifuna			●

Tên cơ sở được chỉ định	Địa chỉ	Nơi lánh nạn tạm thời	Nơi lánh nạn diện rộng	Nơi sơ tán có thể lưu trú
Nhà văn hóa cộng đồng Komuro	3308 Komurocho			●
Nhà văn hóa cộng đồng Shin-Takane	1-12-9 Shin-Takane			●
Nhà văn hóa cộng đồng Seibu	1-6-6 Motonakayama			●
Nhà văn hóa cộng đồng Takane	2885-3 Takanecho			●
Nhà văn hóa cộng đồng Takedai	1-2-5 Takedai			●
Nhà văn hóa cộng đồng Chuoh	2-2-5 Honcho			●
Nhà văn hóa cộng đồng Tsukada	601-1 Maekazukacho			●
Nhà văn hóa cộng đồng Tsuboi	1371 Tsuboicho			●
Nhà văn hóa cộng đồng Tobu	2-21-21 Maebara-Nishi			●
Nhà văn hóa cộng đồng Natsumi	2-29-1 Natsumi			●
Nhà văn hóa cộng đồng Narashinodai	5-1-1 Narashinodai			●
Nhà văn hóa cộng đồng Hasama	1-950-3 Hasamacho			●
Nhà văn hóa cộng đồng Hamacho	2-1-15 Hamacho			●
Nhà văn hóa cộng đồng Futawa	5-26-1 Futawa-Higashi			●
Nhà văn hóa cộng đồng Hoden	7-33-7 Fujiwara			●
Nhà văn hóa cộng đồng Hokubu	4 Toyotomicho			●
Nhà văn hóa cộng đồng Matsugaoka	4-32-2 Matsugaoka			●
Nhà văn hóa cộng đồng Maruyama	5-19-6 Maruyama			●
Nhà văn hóa cộng đồng Misaki	3-5-10 Misaki			●
Nhà văn hóa cộng đồng Mita	2-24-2 Takinoi			●
Nhà văn hóa cộng đồng Miyamoto	6-18-1 Miyamoto			●
Nhà văn hóa cộng đồng Yakigaya	2-14-6 Yakigaya			●
Nhà văn hóa cộng đồng Yakuendai	5-18-1 Yakuendai			●
Trung tâm Kinro Shimin	4-19-6 Honcho			●
Trung tâm thanh thiếu niên	1-23-7 Honcho			●
Hội quán thanh thiếu niên	3-3-4 Wakamatsu			●
Nhà thi đấu Funabashi	7-5-1 Narashinodai	●		●
Trung tâm Budo (Võ thuật)	1-3-1 Ichiba			●
Trung tâm Miyama Shimin	8-19-1 Miyama			●

Đăng ký tại Tòa thị chính

市役所で登録

住民登録

住民票は居住証明であり、在留カードおよび特別永住者証明書は日本に在留される方の身分証明書といえるものです。

外国人住民の方の利便性の向上や、日本での円滑な生活を営むために在留カードまたは特別永住者証明書をお持ちの方は必ず住民登録をしてください。

届出方法や申請書類、受付時間については、戸籍住民課（電話：047-436-2270）へお問い合わせください。なお、世帯主との続柄を証する文書および訳文が必要となることがあります。

新たに入国された方

新たに入国された方は、船橋市に住所を定めた後 14 日以内に入国時に空港などで交付された在留カードや旅券を持参し、転入の届出を行ってください。

他の市区町村から転入された方

他の市区町村から転入された方は船橋市に住所を定めた後 14 日以内に前市区町村より発行された転出証明書と在留カードまたは特別永住者証明書、マイナンバーカードを持参し、転入の届出を行ってください。

Đăng ký cư trú

Giấy đăng ký cư trú có tác dụng chứng minh địa chỉ của bạn, và thẻ lưu trú và giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt là những giấy tờ có thể xem là giấy tờ tùy thân của người được lưu trú tại Nhật Bản.

Cư dân người nước ngoài có thẻ lưu trú và giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt nhất định phải đăng ký cư trú để nâng cao tính tiện lợi và thuận tiện trong sinh hoạt tại Nhật Bản.

Về phương pháp khai báo, giấy tờ đăng ký và thời gian tiếp nhận, hãy liên hệ với Ban quản lý cư trú hộ tịch (Điện thoại: 047-436-2270). Ngoài ra, có thể cần có giấy tờ chứng minh mối quan hệ với chủ hộ và bản dịch của giấy tờ đó.

Dành cho những người mới nhập cảnh vào Nhật Bản

Đối với những người mới nhập cảnh vào Nhật Bản, hãy mang theo thẻ lưu trú được cấp tại sân bay, v.v..., khi nhập cảnh vào Nhật Bản và hộ chiếu, và thực hiện khai báo chuyển đến trong vòng 14 ngày sau khi chuyển đến địa chỉ tại thành phố Funabashi.

Dành cho những người mới chuyển đến từ thành phố, quận, thị trấn, làng xã khác

Đối với những người mới chuyển đến từ thành phố, quận, thị trấn, làng xã khác, hãy mang theo giấy chứng nhận chuyển đi do thành phố, quận, thị trấn, làng xã trước đó cấp và thẻ lưu trú hoặc giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt, thẻ My Number, và thực hiện khai báo chuyển đến trong vòng 14 ngày sau khi chuyển đến địa chỉ tại thành phố Funabashi.

Dành cho những người chuyển nơi cư trú

Đối với những người thay đổi địa chỉ trong thành phố Funabashi, hãy mang theo thẻ lưu trú hoặc giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt, thẻ My number, thực hiện khai báo chuyển nơi cư trú trong vòng 14 ngày sau khi chuyển đến địa chỉ mới.

Dành cho những người chuyển ra khỏi thành phố Funabashi

Đối với những người chuyển đi đến thành phố, quận, thị trấn, làng xã khác, hãy mang theo thẻ lưu trú hoặc giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt, và thực hiện khai báo chuyển đi trong vòng 14 ngày trước và sau khi chuyển đến địa chỉ mới.

Xin cấp lại thẻ lưu trú, giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt

Trường hợp đánh mất giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt mà bạn sở hữu, v.v..., hãy trình báo với sở cảnh sát gần nhất, đồng thời thực hiện thủ tục xin cấp lại ở Tòa thị chính hoặc Trung tâm dịch vụ tổng hợp trước Ga Funabashi trong vòng 14 ngày từ khi phát hiện sự việc.

Có thể bạn cần phải nộp tài liệu chứng minh việc mất quyền sở hữu (giấy chứng nhận khai báo đánh mất, giấy chứng nhận khai báo mất cắp, v.v..., do cảnh sát cấp).

Tương tự, trường hợp đánh mất thẻ lưu trú, hãy thực hiện thủ tục xin cấp lại tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú Tokyo (Văn phòng chính hoặc Văn phòng chi nhánh Chiba).

Để biết chi tiết, hãy liên hệ với Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú Tokyo (Văn phòng chính hoặc Văn phòng chi nhánh Chiba) có thẩm quyền ở nơi cư trú của bạn.

Chuyển nơi cư trú

船橋市内で住所変更された方は、住所を定めた後14日以内に在留カードまたは特別永住者証明書、マイナンバーカードを持参し、転居の届出を行ってください。

転出される方

他の市区町村へ転出される方は、新たな住所を定める前後14日以内に在留カードまたは特別永住者証明書を持参し、転出の届出を行ってください。

在留カードや特別永住者証明書の再交付申請

所持していた特別永住者証明書を紛失等した場合は、最寄りの警察署に届け出るとともに事実に基づいてから14日以内に市役所または船橋駅前総合窓口センターにて再交付の手続きをしてください。

所持を失ったことを証する資料（警察で発行される遺失届出証明書、盗難届出証明書など）を提出していただく場合がございます。

同じく在留カードを紛失した場合は、東京出入国在留管理局（本局および千葉出張所）にて再交付の手続きをしてください。

詳しくは、居住地を管轄する東京出入国在留管理局（本局および千葉出張所）へお問い合わせください。

在留カードまたは特別永住者証明書の返納

在留カードまたは特別永住者証明書を所持している方が帰化されたり、亡くなられた場合は、その日から14日以内に住所地を管轄する東京出入国在留管理局（本局および千葉出張所）に直接返納していただくか東京出入国在留管理局おだいば分室へ郵送により返納していただきます。

中長期在留者の方が有効期間の満了や再入国許可を受けて出国したにも関わらず期間内に再入国しなかった場合も同様です。

外国人登録証明書の切替

外国人登録証明書から特別永住者証明書への切替

特別永住者の方が所持する外国人登録証明書は、一定の期間、特別永住者証明書とみなされます。

みなされる期間は、旧外国人登録法に基づく次回確認（切替）申請期間の始期である誕生日までとなります。平成24年（2012年）7月9日の時点で16歳未満の特別永住者の方については、16歳の誕生日までとなります。期間内に市役所戸籍住民課または船橋駅前総合窓口センターで切替申請を行ってください。

Nộp lại thẻ lưu trú hoặc giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt

Trường hợp người sở hữu thẻ lưu trú hoặc giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt nhập tịch hoặc qua đời, hãy trực tiếp nộp lại các giấy tờ này tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú Tokyo (Văn phòng chính hoặc Văn phòng chi nhánh Chiba) có thẩm quyền ở nơi cư trú của bạn, hoặc nộp lại qua đường bưu điện đến chi nhánh Odaiba của Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú Tokyo trong vòng 14 ngày kể từ ngày nhập tịch hoặc qua đời.

Trường hợp người lưu trú trung và dài hạn có visa hết thời hạn hiệu lực hoặc xuất cảnh sau khi nhận được giấy cho phép tái nhập cảnh nhưng không tái nhập cảnh trong khoảng thời gian giấy phép có hiệu lực cũng tương tự.

Chuyển đổi giấy chứng nhận đăng ký người nước ngoài

Chuyển đổi giấy chứng nhận đăng ký người nước ngoài sang giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt

Giấy chứng nhận đăng ký người nước ngoài do người có tư cách vĩnh trú đặc biệt sở hữu sẽ được công nhận là giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt trong một thời hạn nhất định.

Thời hạn được công nhận là đến ngày sinh của bạn, và đó cũng là ngày bắt đầu cho giai đoạn đăng ký lần tiếp theo để xác nhận (thay đổi), dựa trên Luật đăng ký người nước ngoài cũ. Đối với người có tư cách vĩnh trú đặc biệt dưới 16 tuổi tại thời điểm ngày 9 tháng 7 năm Heisei 24 (năm 2012), thời hạn là đến ngày sinh nhật 16 tuổi. Hãy tiến hành đăng ký thay đổi tại Ban quản lý cư trú hộ tịch ở Tòa thị chính hoặc Trung tâm dịch vụ tổng hợp trước Ga Funabashi trong thời hạn.

Phát hành giấy chứng nhận

Giấy chứng nhận thông tin đăng ký từ trước đến nay hiện giờ sẽ trở thành giấy đăng ký cư trú, giấy đăng ký cư trú được phát hành tại thành phố, quận, thị trấn, làng xã nơi bạn đăng ký cư trú. Phí cấp là 300 yên 1 bản. Nếu bạn muốn lấy bản sao của phiếu đăng ký người nước ngoài thì phải xin cấp tại văn phòng phụ trách công khai thông tin xuất nhập cảnh, Phòng quản lý hệ thống thông tin, Ban tổng vụ, Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú Nhật Bản.

Đăng ký con dấu

Ở Nhật Bản, người ta sử dụng con dấu, vì có giá trị tương tự như chữ ký. Đối với tài liệu đặc biệt quan trọng, có thể bắt buộc phải sử dụng con dấu đã đăng ký, nên bạn hãy đăng ký con dấu của mình ở Tòa thị chính, sau đó bạn có thể chứng minh việc con dấu đã được đăng ký (bằng Giấy chứng nhận con dấu đã được đăng ký) khi cần thiết.

Liên hệ: Ban quản lý cư trú hộ tịch

Điện thoại: 047-436-2270

Thẻ đăng ký con dấu

Hãy mang theo con dấu muốn đăng ký và thẻ lưu trú hoặc giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt, tự mình đăng ký ở Ban quản lý cư trú hộ tịch. Bạn sẽ thực hiện đăng ký con dấu và được nhận thẻ đăng ký con dấu. Hãy lưu ý rằng con dấu có thể đăng ký sẽ có hạn chế nhất định về ký tự, kích thước, chất liệu, v.v... Phí dịch vụ cấp thẻ đăng ký con dấu là 300 yên. Hãy bảo quản thẻ đăng ký con dấu cẩn thận vì sẽ cần đến khi đăng ký cấp giấy chứng nhận con dấu đăng ký.

証明書の発行

従来の登録原票記載事項証明書は、現在は住民票となり、住民票は住民登録されている市区町村にて発行いたします。交付手数料は1通300円です。外国人登録原票の写しの請求は、出入国在留管理庁総務課情報システム管理室出入国情報開示係となります。

印鑑を登録する

日本ではサインと同じ意味で、印鑑が用いられます。特に重要な書類には登録してある印鑑を使用することを求められることがありますので、自分の印鑑を市役所に登録しておき、必要に応じてその印鑑が登録済みであることを証明（印鑑登録証明書）します。

問い合わせ：戸籍住民課

電話：047-436-2270

印鑑登録証

登録したい印鑑と在留カードまたは特別永住者証明書を持参して、本人が戸籍住民課に申請してください。印鑑の登録を行い印鑑登録証を作成します。登録できる印鑑は文字、サイズ、材質などに一定の制限がありますので、ご注意ください。印鑑登録証交付手数料は300円です。印鑑登録証は印鑑登録証明書の交付を申請する時必要ですので、大切に保管してください。

印鑑登録証明書

戸籍住民課をお持ちの印鑑登録証を提示して申請してください。印鑑が登録済みであることを証明する印鑑登録証明書を交付します。交付手数料は1通300円です。

個人番号通知書

個人番号通知書は、住民票を有する全ての方（中長期在留者や特別永住者などの外国人も含む）に割り振られた、マイナンバー（個人番号）を通知するための通知書で、はじめて日本に住民登録された方の住所に簡易書留かつ転送不要扱いで郵送されます。年金・雇用保険・児童手当など福祉の給付、確定申告など税の手続きなどで、申請書等にマイナンバー（個人番号）の記載を求められることになりますので、紛失しないよう大切に保管してください。

マイナンバーカード（個人番号カード）

マイナンバーカード（個人番号カード）とは、本人の顔写真・氏名・住所・生年月日・性別・マイナンバー等が記載されたプラスチック製のICカードです。身分証明書として利用できるほか、e-Tax（国税電子申告・納税システム）などの電子申請が行える電子証明書も搭載されます。

マイナンバーカード（個人番号カード）は申請者のみへの交付となります。

Giấy chứng nhận con dấu đăng ký

Hãy đăng ký bằng cách xuất trình thẻ đăng ký con dấu mà bạn có tại Ban quản lý cư trú hộ tịch. Chúng tôi sẽ cấp Giấy chứng nhận con dấu đăng ký - loại giấy có tác dụng chứng minh việc con dấu đã được đăng ký. Tiền dịch vụ cấp là 300 yên 1 bản.

Bản thông báo mã số cá nhân

Bản thông báo mã số cá nhân là bản thông báo dùng để thông báo My Number (Mã số cá nhân), được cung cấp cho tất cả những người có giấy đăng ký cư trú (bao gồm cả người nước ngoài như người lưu trú trung và dài hạn, người có tư cách vĩnh trú đặc biệt, v.v...), được gửi qua đường bưu điện đến địa chỉ của người đã đăng ký cư trú tại Nhật Bản lần đầu, bằng thư đăng ký đơn giản có đảm bảo và không thể chuyển tiếp. Bạn bắt buộc phải ghi My Number (Mã số cá nhân) lên đơn đăng ký, v.v..., khi nhận trợ cấp phúc lợi như trợ cấp quốc gia, bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp nhi đồng, v.v..., khi thực hiện các thủ tục về thuế như kê khai thuế, v.v..., nên hãy bảo quản cẩn thận để không làm mất.

Thẻ My Number (Thẻ mã số cá nhân)

Thẻ My Number (Thẻ mã số cá nhân) là thẻ IC bằng nhựa thể hiện ảnh chân dung, họ tên, địa chỉ, ngày tháng năm sinh, giới tính, My Number, v.v..., của chủ thẻ. Ngoài việc được sử dụng làm giấy tờ tùy thân, thẻ này còn tích hợp giấy chứng nhận điện tử có thể thực hiện đăng ký điện tử, chẳng hạn như e-Tax (Hệ thống khai báo và nộp thuế điện tử quốc gia).

Thẻ My Number (Thẻ mã số cá nhân) chỉ được cấp cho người đăng ký.

Khi có thay đổi về địa chỉ hoặc họ tên, v.v..., trên thẻ My Number

Trường hợp có thay đổi ở các mục được thể hiện trên thẻ (địa chỉ, họ tên, giới tính, ngày tháng năm sinh), do thay đổi địa chỉ và khai báo hộ tịch, v.v..., vì phải thể hiện nội dung thay đổi lên mặt trước của thẻ My Number, nên cần thực hiện thủ tục thay đổi các mục trên mặt thẻ. Người cần thực hiện thay đổi hãy mang thẻ đến quầy tư vấn.

Liên hệ: Ban quản lý cư trú hộ tịch

Điện thoại: 047-436-2270

マイナンバーカードの住所や氏名などに変更が生じたとき

住所の異動や戸籍の届出などにより、カードの記載事項（住所、氏名、性別、生年月日）に変更が生じた場合には、マイナンバーカードの表面に変更内容を記載しますので、券面事項変更の手続きが必要になります。変更のある方は窓口までお持ちください。

問い合わせ：戸籍住民課

電話：047-436-2270

Bảo hiểm sức khỏe quốc gia, trợ cấp quốc gia, bảo hiểm chăm sóc

国民健康保険・国民年金・介護保険

国民健康保険への加入

日本では、誰もが何らかの公的な健康保険に加入することになっています。公的な健康保険には職場の健康保険または国民健康保険があり、外国人も、日本での在留資格が3か月を超える人は必ず加入することになります（一部の特定活動を除く）。

国民健康保険は、病気やけがに備えて加入者のみなさんが前年の所得に応じてお金（保険料）を出し合い、病院に行くときの医療費の補助に充てようというもので、自営業や職場での健康保険に加入できない人のための制度として、千葉県と船橋市が運営しています。

国民健康保険に加入すると保険証が交付されます。病気やけがで病院に行き、窓口で保険証を見せると保険診療扱いとなり、保険の対象となる医療費の原則30%を自分が病院の窓口で支払い、残りを国民健康保険が支払うというものです。

問い合わせ：国保年金課

電話：047-436-2395

こんなときは届け出を

次ページに該当する場合には、その日から14日以内に在留カードなどを持って市役所で手続きを行ってください。必要書類は担当課までお問い合わせください。

Tham gia bảo hiểm sức khỏe quốc gia

Ở Nhật Bản, mọi người đều tham gia vào một số bảo hiểm sức khỏe công. Bảo hiểm sức khỏe công gồm có bảo hiểm sức khỏe tại nơi làm việc và bảo hiểm sức khỏe sức khỏe quốc gia, kể cả người nước ngoài cũng phải tham gia bảo hiểm này nếu có tư cách lưu trú tại Nhật Bản vượt quá 3 tháng (Ngoại trừ một số tư cách hoạt động đặc thù).

Bảo hiểm sức khỏe quốc gia là hệ thống chi trả hỗ trợ chi phí y tế khi đi đến bệnh viện, để đề phòng bệnh tật và bị thương, trong đó tất cả người tham gia sẽ đóng tiền (phí bảo hiểm) tương ứng theo thu nhập trong năm trước đó, tỉnh Chiba và thành phố Funabashi quản lý bảo hiểm này như một chế độ dành cho những người tự kinh doanh và không thể tham gia vào bảo hiểm sức khỏe tại nơi làm việc.

Thẻ bảo hiểm sẽ được cấp khi bạn tham gia bảo hiểm sức khỏe quốc gia. Khi bạn đi đến bệnh viện do bị bệnh hoặc bị thương và xuất trình thẻ bảo hiểm tại quầy tiếp nhận, bạn có thể sử dụng dịch vụ khám bệnh của bảo hiểm, theo nguyên tắc, khi bạn là đối tượng được hưởng bảo hiểm, bạn sẽ tự mình thanh toán 30% chi phí y tế tại quầy lễ tân của bệnh viện, bảo hiểm sức khỏe quốc gia sẽ thanh toán phần còn lại.

Liên hệ: Ban tiền trợ cấp và bảo hiểm sức khỏe quốc gia

Điện thoại: 047-436-2395

Vui lòng thông báo trong các trường hợp sau

Nếu bạn thuộc bất kỳ trường hợp nào ở trang tiếp theo, hãy mang thẻ lưu trú đến thực hiện thủ tục tại Tòa thị chính trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp đó. Hãy liên hệ với Ban phụ trách để biết thêm các giấy tờ cần thiết.

◇ **Trường hợp cần tham gia**

- ① Khi bạn chuyển đến thành phố Funabashi
- ② Khi bạn ngừng tham gia bảo hiểm sức khỏe tại nơi làm việc
- ③ Khi bạn không còn là người phụ thuộc vào người được hưởng bảo hiểm sức khỏe tại nơi làm việc
- ④ Khi con bạn được sinh ra
- ⑤ Khi bạn không còn được nhận hỗ trợ sinh hoạt

◇ **Trường hợp cần ngừng tham gia**

- ① Khi bạn chuyển đi khỏi thành phố Funabashi (Hãy thực hiện thủ tục tham gia tại Ban phụ trách bảo hiểm sức khỏe quốc gia của thành phố, quận, thị trấn, làng xã nơi chuyển đến)
- ② Khi bạn tham gia bảo hiểm sức khỏe tại nơi làm việc
- ③ Khi bạn trở thành người phụ thuộc của người được hưởng bảo hiểm sức khỏe tại nơi làm việc
- ④ Khi bạn bắt đầu được nhận hỗ trợ sinh hoạt
- ⑤ Khi bạn rời khỏi Nhật Bản
- ⑥ Khi qua đời

◇ **Khác**

- ① Khi thay đổi địa chỉ trong thành phố
- ② Khi thay đổi chủ hộ và họ tên
- ③ Khi bạn làm mất thẻ bảo hiểm
- ④ Khi thay đổi các mục thể hiện trên thẻ lưu trú

Phí bảo hiểm

Phương thức tính toán phí bảo hiểm sẽ nộp như sau.

Phí bảo hiểm trong năm = Số tiền theo tỷ lệ thu nhập + Số tiền theo tỷ lệ cân đối.

Số tiền theo tỷ lệ thu nhập = Số tiền được tính theo thu nhập trong thời gian 1 năm trước đó của người tham gia ở từng hộ gia đình

Số tiền theo tỷ lệ cân đối = Số tiền được tính trên mỗi 1 người ứng với số người tham gia của từng hộ gia đình

Tuy nhiên, phí bảo hiểm hằng năm tối đa trên 1 hộ gia đình là 990.000 yên (630.000 cho phí y tế, 190.000 yên cho tiền hỗ trợ người cao tuổi từ 75 tuổi

◇ **加入するとき**

- ① 船橋市に転入してきたとき
- ② 職場の健康保険をやめたとき
- ③ 職場の健康保険の被扶養者でなくなったとき
- ④ 子どもが生まれたとき
- ⑤ 生活保護を受けなくなったとき

◇ **やめるとき**

- ① 船橋市から転出するとき（転出先の市区町村の国民健康保険担当課へ加入する手続きをしてください）
- ② 職場の健康保険へ加入したとき
- ③ 職場の健康保険の被扶養者になったとき
- ④ 生活保護を受けるようになったとき
- ⑤ 出国するとき
- ⑥ 死亡したとき

◇ **その他**

- ① 市内で住所が変わったとき
- ② 世帯主や氏名が変わったとき
- ③ 保険証をなくしたとき
- ④ 在留カードの記載事項が変わったとき

保険料

納める保険料の計算方式は次の通りです。

年間保険料 = 所得割額 + 均等割額

所得割額 = 各世帯の加入者の前年1年間の所得に応じて計算する額

均等割額 = 各世帯の加入者数に応じて1人当たりいくらか計算する額

ただし、年間の保険料は1世帯当たり 99 万円（医療分 63 万円、後期高齢者支援金分 19 万

円、介護分 17 万円) が上限です。
前年中の所得が一定基準以下の
場合は、保険料が減額になる制
度があります (令和 3 年度)。

保険料の納付には①「口座振
替」②「自主的に納付書で納め
る」の二つの方法があります。
お支払いには、便利な口座振替
をご利用ください。

国民健康保険の給付

問い合わせ: 国保年金課

電話: 047-436-2395

療養費の払い戻し

急病などで、やむを得ない理
由で保険証を持たずに診療を受
けたときは、医療費を全額支払
い、後日、レセプトおよび領収
書を添えて市に給付の申請をし
てください。審査の上、保険の
対象となる医療費の原則 70%
が払い戻されます。

高額療養費の給付

同じ月に支払った医療費の自
己負担額が限度額を超えた場
合、その超えた額を支給しま
す。高額療養費に該当した場合
は、世帯主に申請書を送ります
ので、国保年金課に申請してく
ださい。

出産育児一時金の支給

子どもが生まれたときは、一
時金が支給されます。

とる、170.000 円を上限とする。

Trường hợp thu nhập trong năm trước đó dưới
mức tiêu chuẩn nhất định, chúng tôi có chế độ giảm
bớt phí bảo hiểm. (Năm Reiwa 3)

Về việc nộp phí bảo hiểm, có hai phương pháp là
① chuyển khoản qua ngân hàng và ② chủ động nộp
phí bằng giấy báo nộp phí. Đối với việc thanh toán,
hãy sử dụng hình thức chuyển khoản tiện lợi của
ngân hàng.

Trợ cấp bảo hiểm sức khỏe quốc gia

Liên hệ: Ban tiền trợ cấp và bảo hiểm sức khỏe
quốc gia

Điện thoại: 047-436-2395

Hoàn trả chi phí điều trị y tế

Khi bạn được khám chữa bệnh mà không mang
theo thẻ bảo hiểm vì bệnh đột xuất, lý do bất khả
kháng, v.v..., bạn phải thanh toán toàn bộ số tiền phí
y tế, nhưng sau đó bạn có thể yêu cầu trợ cấp tại
thành phố nếu xuất trình được đơn thuốc và biên lai.
Sau khi xét duyệt hồ sơ, theo nguyên tắc, 70% phí y
tế thuộc bảo hiểm sẽ được trả lại cho bạn.

Trợ cấp chi phí điều trị y tế cao

Trường hợp số tiền mà cá nhân tự trả cho chi phí
y tế trong một tháng vượt quá hạn mức tối đa, bạn
sẽ được hỗ trợ số tiền vượt quá đó. Trường hợp số
tiền đó tương ứng với chi phí điều trị y tế cao, chúng
tôi sẽ gửi bản đăng ký đến chủ hộ gia đình, vì vậy
hãy đăng ký với Ban tiền trợ cấp và bảo hiểm sức
khỏe quốc gia.

Chi trả tiền trợ cấp một lần cho thai sản và nuôi dưỡng con cái

Khi bạn sinh con, chúng tôi sẽ hỗ trợ tiền trợ cấp
trả một lần.

Chi trả trợ cấp chi phí tang lễ

Khi người tham gia bảo hiểm tử vong, chúng tôi sẽ hỗ trợ 50.000 yên cho người thực hiện tang lễ.

Khi gặp tai nạn giao thông, v.v...

Khi bạn bị thương do tai nạn giao thông, v.v..., bạn phải thông báo với Ban tiền trợ cấp và bảo hiểm sức khỏe quốc gia trước khi tiếp nhận điều trị bằng bảo hiểm sức khỏe quốc gia.

Truy cập vào đây để biết cách thanh toán phí bảo hiểm sức khỏe quốc gia và trang web đã dịch nội dung thông báo.



Trợ cấp quốc gia

Trợ cấp quốc gia là hệ thống bảo hiểm xã hội mà mọi người từ 20 tuổi đến dưới 60 tuổi sống tại Nhật Bản đều phải tham gia. Chúng tôi sẽ hỗ trợ chi phí cần thiết cho cuộc sống với vai trò trợ cấp quốc gia, khi người tham gia đã già, khi người tham gia không thể làm việc do bị thương hoặc bị bệnh, v.v...

Người tham gia trợ cấp quốc gia được chia thành 3 loại như sau.

- ① Nhân viên công ty hoặc công chức, đang tham gia trợ cấp quốc gia dành cho người làm công hưởng lương hưu (Người được bảo hiểm loại 2).
- ② Vợ hoặc chồng từ 20 tuổi đến dưới 60 tuổi đang được nuôi dưỡng bởi người tham gia hưởng lương hưu (Người được bảo hiểm loại 3).
- ③ Người không thuộc đối tượng nào trong ① và ② nêu trên, người làm nghề tự do từ 20 tuổi đến dưới 60 tuổi, học sinh, v.v... (Người được bảo hiểm loại 1).

Thủ tục tham gia liên quan đến người được hưởng bảo hiểm loại 1 của trợ cấp quốc gia sẽ được thực hiện tại Ban tiền trợ cấp và bảo hiểm sức khỏe quốc gia.

Liên hệ: Ban tiền trợ cấp và bảo hiểm sức khỏe quốc gia

Điện thoại: 047-436-2282

葬祭費の支給

加入者が死亡したときは、葬儀を行った人に5万円が支給されます。

交通事故などにあつたとき

交通事故などでけがをした際は、国民健康保険で治療を受ける前に、必ず国保年金課に届け出てください。

国民健康保険料の支払い方や、通知の内容の翻訳ページはこちらです。

国民年金

国民年金は、日本に住む20歳以上60歳未満の誰もが加入しなければならない社会保障制度です。老後の保障、けがや病気によって働けなくなったときなど、生活の基盤となる費用が年金として支給されます。

国民年金の加入者は、以下の3種類に分けられます。①会社員や公務員で、厚生年金の被用者年金に加入している人（第2号被保険者）。②厚生年金の加入者に扶養されている20歳以上60歳未満の配偶者（第3号被保険者）。③20歳以上60歳未満の自営業者・学生等で、上記の①②のいずれにも該当しない人（第1号被保険者）。

国民年金第1号被保険者に関する加入手続きは、国保年金課になります。

問い合わせ：国保年金課

電話：047-436-2282

脱退一時金

年金受給資格期間に満たないまま出国した人で、保険料納付済期間が6か月以上ある方は、日本国内に住所を有しなくなった日から2年以内に請求すれば、保険料納付期間に応じて脱退一時金が受給できます。

問い合わせ：船橋年金事務所

電話：047-424-8811（代表）

介護保険

介護保険への加入

介護保険は、日常生活で介護や支援が必要となった人が、市の認定を受け、費用の一部を支払って、介護サービスを利用する仕組みです。

日本では、40歳以上の人全員が介護保険に加入することになっています。外国人も、住民登録のある40歳以上の人は介護保険に加入することになります。

介護保険に加入する人は、65歳以上の第1号被保険者と、40歳から64歳で医療保険に加入している第2号被保険者に分けられます。

第1号被保険者には、みなさんに緑色の保険証が交付されます。第2号被保険者には、市の認定を受けたときに交付されます。

保険料

第1号被保険者（65歳以上）の方は、市に保険料を納めます。

保険料は前年の収入等によって決まり、全く収入がない人も納めます。

Tiền hoàn lại một lần khi ngừng tham gia bảo hiểm

Đối với người đã rời khỏi Nhật Bản trước khi đạt đến thời điểm đủ tư cách nhận được trợ cấp quốc gia, nhưng đã trả phí bảo hiểm từ 6 tháng trở lên, nếu yêu cầu trong vòng 2 năm kể từ ngày không còn có địa chỉ ở Nhật Bản, thì có thể nhận tiền hoàn lại một lần khi ngừng tham gia bảo hiểm tương ứng với khoảng thời gian đã đóng bảo hiểm

Liên hệ: Văn phòng tiền trợ cấp quốc gia Funabashi

Điện thoại: 047-424-8811 (Tổng đài)

Bảo hiểm chăm sóc

Tham gia bảo hiểm chăm sóc

Bảo hiểm chăm sóc là chế độ mà trong đó những người cần được chăm sóc và hỗ trợ trong cuộc sống thường ngày sẽ được thành phố công nhận, sau đó họ có thể sử dụng dịch vụ chăm sóc bằng cách chỉ chi trả một phần chi phí.

Ở Nhật Bản, tất cả mọi người từ 40 tuổi trở lên đều sẽ được tham gia bảo hiểm chăm sóc. Những người nước ngoài từ 40 tuổi trở lên có đăng ký cư trú cũng sẽ được yêu cầu tham gia bảo hiểm chăm sóc.

Người tham gia bảo hiểm chăm sóc được chia thành người được bảo hiểm loại 1 (từ 65 tuổi trở lên) và người được bảo hiểm loại 2 (từ 40 tuổi đến 64 tuổi và đang tham gia bảo hiểm y tế).

Người được bảo hiểm loại 1 sẽ được cấp thẻ bảo hiểm màu xanh lá. Người được bảo hiểm loại 2 sẽ được cấp thẻ sau khi được thành phố xác nhận.

Phí bảo hiểm

Đối với những người được bảo hiểm loại 1 (từ 65 tuổi trở lên), sẽ phải nộp phí bảo hiểm cho thành phố. Phí bảo hiểm được xác định theo thu nhập của năm trước đó, v.v..., người hoàn toàn không có thu nhập cũng cần phải nộp phí bảo hiểm.

Theo nguyên tắc, phí bảo hiểm được nộp bằng cách thu đặc biệt. Trường hợp thu thông thường, hình thức chuyển tiền vào tài khoản sẽ thuận tiện hơn.

Đối với những người được bảo hiểm loại 2 (từ 40 tuổi đến 64 tuổi), vui lòng liên hệ với bảo hiểm sức khỏe quốc gia đang tham gia hoặc bảo hiểm y tế tại nơi làm việc.

Người có thể sử dụng dịch vụ chăm sóc

- Người được bảo hiểm loại 1

Người cần được chăm sóc và hỗ trợ trong cuộc sống thường ngày bất kể nguyên nhân

- Người được bảo hiểm loại 2

Người cần được chăm sóc và hỗ trợ trong cuộc sống thường ngày, bởi nguyên nhân là bệnh do lão hóa (Bệnh đặc thù)

Để sử dụng dịch vụ bảo hiểm chăm sóc, bạn phải được công nhận là cần được chăm sóc. Nếu bạn cần được chăm sóc và hỗ trợ trong cuộc sống thường ngày, hãy đăng ký với Ban bảo hiểm chăm sóc để được công nhận. Khi bạn đăng ký, nhân viên kiểm tra xác nhận sẽ đến thăm, tìm hiểu tình trạng tinh thần và thể chất của bạn.

Liên hệ: Ban bảo hiểm chăm sóc

Điện thoại: 047-436-2302

Nguyên tắc là đặc biệt miễn phí. Thông thường, trường hợp thu thông thường, hình thức chuyển tiền vào tài khoản sẽ thuận tiện hơn.

Loại 2 người được bảo hiểm (40 tuổi đến 64 tuổi) là, gia nhập đang tham gia bảo hiểm y tế quốc gia hoặc bảo hiểm y tế tại nơi làm việc.

介護サービスを利用できる人

- ・第1号被保険者

原因を問わずに日常生活を送るために介護や支援が必要な人

- ・第2号被保険者

老化に伴う病気（特定疾病）が原因で、日常生活を送るために介護や支援が必要な人

介護保険のサービスを利用するには、介護が必要であるとの認定を受けなければなりません。日常生活で介護や支援が必要となった場合に、介護保険課へ認定申請をしてください。申請をすると、認定調査員が訪問し、心身の状態を調査します。

問い合わせ：介護保険課

電話：047-436-2302

Thuế

税金

税金の種類と納付

税金には、国に納める国税（所得税など）と、地方公共団体に納める県税（県民税など）、市税（市民税など）があります。市税は、豊かで健康な暮らしを実現するための、いろいろな行政サービスにかかる経費を、そこに住んでいる人々によって分担してもらおうという観点から決められた税金です。外国人の人も、現在市内に住んでいる場合や、市内に土地や家屋を所有している場合には、納税の義務が生じます。

国税の問い合わせ：船橋税務署
電話：047-422-6511（代）
県税の問い合わせ：船橋県税事務所 電話：047-433-1275

市税

市税には市民税、固定資産税、都市計画税、軽自動車税などがあります。

市民税：個人の前年中の所得に対してかかる税金です。

納める人：1月1日現在市内に住んでいる人で、前年中に所得のあった人。3月15日までに所得などの申告が必要です。なお、会社員などの給与所得者の場合は会社が毎月の給料から税額を差し引いて、まとめて納付する場合があります。

固定資産税・都市計画税：土地や家屋・償却資産（事業用）にかかる税金です。

納める人：1月1日現在市内に

Các loại thuế và việc nộp tiền thuế

Thuế bao gồm thuế quốc gia nộp cho quốc gia (thuế thu nhập, v.v...) và thuế của tỉnh nộp cho cơ quan chính quyền địa phương (thuế cư trú tỉnh, v.v...), thuế của thành phố (thuế cư trú thành phố, v.v...). Thuế của thành phố là thuế được quy định dựa trên quan điểm người dân sống trong thành phố cùng nhau chia sẻ chi phí dành cho các dịch vụ hành chính khác nhau để tất cả mọi người đều có được một cuộc sống sung túc và khỏe mạnh. Người nước ngoài hiện đang sinh sống trong thành phố hoặc sở hữu đất đai và nhà cửa trong thành phố đều có nghĩa vụ phải nộp thuế.

Thông tin liên hệ về thuế quốc gia: Cơ quan thuế Funabashi

Điện thoại: 047-422-6511 (Tổng đài)

Thông tin liên hệ về thuế của tỉnh: Văn phòng thuế tỉnh của Funabashi

Điện thoại: 047-433-1275

Thuế của thành phố

Thuế của thành phố bao gồm thuế cư trú thành phố, thuế tài sản cố định, thuế quy hoạch đô thị, thuế xe kei, v.v...

Thuế cư trú thành phố:

Là thuế áp dụng cho thu nhập của cá nhân trong năm trước.

Người nộp thuế:

Người đang sinh sống tại thành phố tính đến thời điểm ngày 1/1 và có thu nhập trong năm trước. Người nộp thuế cần báo cáo thu nhập, v.v... đến trước ngày 15/3. Ngoài ra, đối với người có thu nhập từ lương như nhân viên văn phòng, v.v..., công ty có thể sẽ khấu trừ tiền thuế từ tiền lương hằng tháng và nộp chung cho nhân viên.

Thuế tài sản cố định, thuế quy hoạch đô thị:

Là thuế áp dụng cho đất đai và nhà cửa, tài sản khấu hao (sử dụng để kinh doanh).

Người nộp:

Người sở hữu đất đai và nhà cửa, tài sản khấu hao (sử dụng để kinh doanh) trong thành phố tính đến ngày 1/1.

Thuế xe kei (phân chia theo loại): Là thuế áp dụng cho người sở hữu xe hai bánh, xe kei, v.v... tính đến ngày 1/4.

Trường hợp chuyển nhượng, xe không còn sử dụng, thay đổi địa chỉ, v.v..., vui lòng liên hệ theo thông tin ghi dưới đây.

- Xe hai bánh từ 125cc trở xuống, v.v...: Ban thuế cư trú thành phố, **Điện thoại:** 047-436-2203
- Xe hai bánh vượt quá 125cc: Văn phòng đăng kiểm xe hơi Narashino, **Điện thoại:** 050-5540-2024
- Xe kei: Hiệp hội kiểm tra xe kei, Văn phòng Chi-ba, Chi nhánh Narashino, **Điện thoại:** 050-3816-3115

Phương pháp nộp thuế

Tòa thị chính thành phố sẽ gửi giấy thông báo nộp thuế quy định khoản tiền thuế và giấy thanh toán, vì vậy bạn hãy nộp tiền trong thời hạn nộp thuế tại các tổ chức tài chính có chi nhánh tại thành phố Funabashi hoặc Ngân hàng Bưu điện Nhật Bản (Yucho Ginko). Bên cạnh việc sử dụng giấy thanh toán có mã vạch để nộp thuế tại hầu hết các cửa hàng tiện lợi lớn trên toàn quốc, bạn cũng có thể nộp qua “Thanh toán hóa đơn PayPay”, “Thanh toán hóa đơn LINE Pay” trên ứng dụng điện thoại thông minh.

Bạn cũng có thể sử dụng Dịch vụ thanh toán tiền công của Yahoo! trên Internet theo địa chỉ (<https://koukin.yahoo.co.jp/>) để nộp tiền thuế bằng thẻ tín dụng. Ngoài ra, bạn cũng có thể sử dụng dịch vụ Pay-easy để nộp tiền từ Internet banking hoặc ATM của các tổ chức tài chính có dịch vụ thanh toán này.

Liên hệ: Ban thuế vụ

Điện thoại: 047-436-2202

土地や家屋・償却資産（事業用）を所有している人です。

軽自動車税（種別割）：4月1日現在、二輪車、軽自動車などを所有している人にかかる税金です。

譲渡したり、廃車、住所変更などの場合は下記にお問い合わせください。

- ・ 125cc以下の二輪車など＝市民税課 電話：047-436-2203
- ・ 125ccを超える二輪車＝習志野自動車検査登録事務所 電話：050-5540-2024
- ・ 軽自動車＝軽自動車検査協会千葉事務所習志野支所 電話：050-3816-3115

納税の方法

市役所から税額決定納税通知書および納付書を送付しますので、納期限内に、船橋市内に支店がある金融機関またはゆうちょ銀行（郵便局）で納付してください。バーコードのある納付書は、全国の主要なコンビニエンスストアのほか、スマートフォンアプリを使って「Pay Pay 請求書払い」「LINE Pay 請求書支払い」で納付することができます。

インターネットのYahoo! 公金支払い (<https://koukin.yahoo.co.jp/>) を利用して、クレジットカードで納付することもできます。また、Pay-easy（ペイジー）サービスを利用して、対応している金融機関のインターネットバンキングやATMからも納付できます。

問い合わせ：税務課

電話：047-436-2202

口座振替納税

船橋市内に支店がある金融機関および全国のゆうちょ銀行で、あなたの指定した預金口座より市税を自動的に振替納税します。

問い合わせ：税務課

電話：047-436-2202

出国時のお願い

出国される場合は、それぞれ該当する税金の担当課にその旨ご連絡ください。納税管理人などの手続きが必要な場合があります。

問い合わせ

市民税課 電話：047-436-2214

資産税課 電話：047-436-2222

納期限内に納めてください

市税を納め忘れ、納期限を過ぎると、本来納めるべき税額のほかに延滞金もあわせて納めなければなりません。

また、滞納したままでいると財産（給料や預金など）の差押処分を受けることにもなるので、市税は納期限内に納付してください。

問い合わせ：債権管理課

電話：047-436-2246

納税の緩和制度

災害、事業の廃止、病気等、やむを得ない事情により納付困難な場合は、納税の緩和制度があります。

問い合わせ：債権管理課

電話：047-436-2246

納税を bằng cách chuyển khoản

Thuế của thành phố sẽ được nộp bằng cách chuyển khoản tự động qua tài khoản ngân hàng mà bạn chỉ định tại tổ chức tài chính có chi nhánh trong thành phố Funabashi và Ngân hàng Bưu điện Nhật Bản (Yucho Ginko) trên toàn quốc.

Liên hệ: Ban thuế vụ

Điện thoại: 047-436-2202

Lưu ý khi xuất cảnh khỏi Nhật Bản

Nếu xuất cảnh khỏi Nhật Bản, vui lòng liên hệ để thông báo với các ban phụ trách thuế tương ứng. Có trường hợp bạn sẽ được yêu cầu thực hiện các thủ tục như chỉ định người đại diện nộp thuế, v.v...

Liên hệ:

• Ban thuế cư trú thành phố, **Điện thoại:** 047-436-2214

• Ban thuế tài sản, **Điện thoại:** 047-436-2222

Vui lòng nộp thuế đúng hạn

Nếu bạn quên nộp thuế thành phố và đã quá hạn nộp thuế, bạn sẽ phải trả thêm khoản tiền phạt trễ hạn bên cạnh tiền thuế phải nộp.

Nếu vẫn trễ hạn, bạn sẽ bị tịch thu tài sản (tiền lương, tiền gửi tiết kiệm, v.v...), vì vậy hãy nộp thuế thành phố đúng hạn.

Liên hệ: Ban quản lý nợ

Điện thoại: 047-436-2246

Chế độ gia hạn nộp thuế

Chúng tôi có chế độ gia hạn nộp thuế đối với những trường hợp gặp khó khăn trong việc nộp thuế vì lý do bất khả kháng như thảm họa, ngừng công việc kinh doanh, bệnh tật, v.v...

Liên hệ: Ban quản lý nợ

Điện thoại: 047-436-2246

Giấy chứng nhận số tiền chịu thuế và giấy chứng nhận nộp thuế cư dân thành phố/tỉnh

Giấy chứng nhận số tiền chịu thuế là giấy chứng minh thu nhập, v.v... trong 1 năm của năm trước, giấy chứng nhận nộp thuế là giấy chứng minh số tiền thuế phải nộp và số tiền thuế đã nộp trong 1 năm. Giấy chứng nhận có thể được cấp bởi thành phố, thị trấn, làng xã nơi có địa chỉ sinh sống vào ngày 1/1 của năm nộp thuế. Ngay cả khi hiện tại bạn đang sinh sống ở thành phố Funabashi, bạn cũng sẽ không được cấp giấy chứng nhận nếu không có địa chỉ sinh sống tại thời điểm ngày 1/1.

Giấy chứng nhận có thể được cấp tại Ban thuế vụ - Tầng 2 Tòa thị chính thành phố, Văn phòng chỉ nhánh, Văn phòng liên lạc và Quay số 9 Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp trước Ga Funabashi.

Liên hệ: Ban thuế vụ

Điện thoại: 047-436-2202

市民税・県民税の課税証明書・納税証明書

課税証明書は前年の1年間の収入などを証明するもので、納税証明書は1年間に納める税金や、すでに納めた税金の額を証明するものです。証明書を発行できるのは、その年の1月1日に住所があった市町村です。現在、船橋市に住んでいても、1月1日に住所がない場合は証明書を発行できません。

証明書は、市役所2階税務課、出張所、連絡所、船橋駅前総合窓口センター9番窓口で発行できます。

問い合わせ：税務課

電話：047-436-2202

Y tế và phúc lợi

医療と福祉

診療を受ける

医療機関で診察を受ける場合、初診の申し込みの際に健康保険証（職場で加入している健康保険または国民健康保険）を提示してください。窓口負担額が軽減されます。

医療機関には、検査や入院設備の整った総合病院と、家の近所にあり気軽に受診できるクリニックがありますが、大きな病院では紹介状が必要となる場合があります。

夜間・休日診療

ふなばし健康ダイヤル 24 ※日本語のみ

夜間・休日の当番医などを電話で案内します。

電話：0120-2784-37

案内日時：24 時間年中無休（市民専用・通話料無料）

休日の急な病気やけがには

日曜日や祝日、休日、年末年始に病気やけがで、医師の治療が必要になったときに内科・外科の当番医が診療しています。当番医の案内はふなばし健康ダイヤル 24 で行っています。

受診時は、健康保険証、船橋市子ども医療費助成受給券（助成を受けている方のみ）を提示してください。窓口負担額が軽減されます。

小児科については日曜日、祝日、休日、年末年始は夜間休日急病診療所（次ページ）をご利用

Khám chữa bệnh

Trường hợp khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế, vui lòng xuất trình thẻ bảo hiểm sức khỏe (bảo hiểm sức khỏe tham gia tại nơi làm việc hoặc Bảo hiểm sức khỏe quốc gia) khi đăng ký khám bệnh lần đầu. Và bạn sẽ được giảm chi phí thanh toán tại quầy tiếp nhận.

Cơ sở y tế bao gồm bệnh viện đa khoa có trang bị cơ sở vật chất để khám chữa bệnh và nhập viện, cùng với phòng khám gần nhà mà bạn có thể dễ dàng đến khám bệnh, tuy nhiên, một số bệnh viện lớn có thể cần thư giới thiệu.

Khám chữa bệnh vào ban đêm hoặc ngày nghỉ

Tổng đài sức khỏe Funabashi số 24 * Chi hỗ trợ bằng tiếng Nhật

Hướng dẫn qua điện thoại về thông tin bác sĩ trực vào ban đêm, ngày nghỉ, v.v...

Điện thoại: 0120-2784-37

Thời gian hướng dẫn: Hoạt động 24 giờ trong suốt cả năm (Dành riêng cho cư dân thành phố, miễn phí cước gọi).

Khi bị bệnh hoặc bị thương đột ngột vào ngày nghỉ

Bác sĩ trực ban của khoa nội, khoa ngoại vẫn tiến hành khám chữa bệnh vào chủ nhật và ngày lễ, ngày nghỉ, ngày cuối năm và đầu năm khi bạn bị bệnh hoặc bị thương và cần bác sĩ điều trị. Vui lòng gọi tổng đài sức khỏe Funabashi số 24 để được hướng dẫn về bác sĩ trực ban.

Khi đến khám chữa bệnh, vui lòng xuất trình thẻ bảo hiểm sức khỏe, phiếu chứng nhận trợ cấp hỗ trợ phí y tế trẻ em thành phố Funabashi (chỉ những người được hỗ trợ). Và bạn sẽ được giảm chi phí thanh toán tại quầy tiếp nhận.

Nếu cần khám chữa bệnh tại khoa nhi vào chủ nhật, ngày lễ, ngày nghỉ, ngày cuối năm và đầu

năm, vui lòng sử dụng phòng khám cấp cứu ban đêm và ngày nghỉ (xem ở trang tiếp theo).

Điện thoại: 0120-2784-37 * Chỉ hỗ trợ bằng tiếng Nhật

Thời gian khám bệnh: 9 giờ sáng ~ 5 giờ chiều

Ngày khám bệnh: Chủ nhật, ngày lễ, ngày nghỉ, ngày cuối năm và đầu năm

Khi bị bệnh hoặc bị thương đột ngột vào ban đêm

Trong trung tâm phúc lợi và chăm sóc sức khỏe (j) có “Phòng khám cấp cứu ban đêm và ngày nghỉ” với mục đích xử lý sơ cứu. Hằng đêm đều có bác sĩ phụ trách khoa nội, khoa ngoại, v.v... tiến hành khám chữa bệnh. Ngoài ra, bác sĩ phụ trách khoa nhi cũng tiến hành khám chữa bệnh vào thời gian ban ngày của chủ nhật, ngày lễ, ngày nghỉ, ngày cuối năm và đầu năm. Khi đến khám chữa bệnh, vui lòng mang theo thẻ bảo hiểm sức khỏe, phiếu chứng nhận trợ cấp hỗ trợ phí y tế trẻ em thành phố Funabashi (chỉ những người được hỗ trợ).

Điện thoại: 047-424-2327

Thời gian khám bệnh: Khoa nội (bao gồm khoa nhi), khoa ngoại: 9 giờ tối ~ 6 giờ sáng ngày hôm sau (mở cửa quanh năm).

Khoa nhi: 6 giờ tối ~ 9 giờ tối thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, ngày nghỉ, ngày cuối năm và đầu năm; 8 giờ tối ~ 11 giờ tối từ thứ hai ~ thứ sáu; 9 giờ sáng ~ 5 giờ chiều chủ nhật, ngày lễ, ngày nghỉ, ngày cuối năm và đầu năm.

* Thời gian khám bệnh, v.v... có thể thay đổi, vì vậy vui lòng kiểm tra tại trang web của thành phố hoặc liên hệ với tổng đài sức khỏe Funabashi số 24 (0120-2784-37 * Chỉ hỗ trợ bằng tiếng Nhật) trước khi đến khám.

Khi gặp vấn đề về răng, v.v... đột ngột vào ngày nghỉ

Trong trung tâm phúc lợi và chăm sóc sức khỏe (1-16-55 Kitahoncho) có phòng khám nha khoa cấp cứu đặc biệt vào ngày nghỉ Kazaguruma. Phòng khám này chỉ thực hiện xử lý sơ cứu đối với vấn đề

vấn đề.

電話：0120-2784-37 ※日本語のみ

診療時間：午前 9 時～午後 5 時

診療日：日曜日、祝日、休日、年末年始

夜間の急な病気やけがには

保健福祉センター（北本町 1-16-55）内に応急処置を目的とした「夜間休日急病診療所」があります。毎日の夜間、内科、外科等の担当医が診療します。また、日曜日、祝日、休日、年末年始の昼間に小児科の担当医が診療します。受診時は、健康保険証、船橋市子ども医療費助成受給券（助成を受けている方のみ）をお持ちください。

電話：047-424-2327

診療時間：

内科（小児科含む）、外科：午後 9 時～翌午前 6 時（年中無休）
小児科：土曜日・日曜日、祝日、休日、年末年始の午後 6 時～午後 9 時、月～金曜日の午後 8 時～午後 11 時、日曜日、祝日、休日、年末年始の午前 9 時～午後 5 時
※診療時間等が変更となる場合がありますので受診の前にホームページをご確認いただくか、ふなばし健康ダイヤル 24（0120-2784-37 ※日本語のみ）にお問い合わせください。

休日の急な歯痛などには

保健福祉センター（北本町 1-16-55）内にかざぐるま休日急患特殊歯科診療所があります。この診療所は急な歯痛などに対する応急処置のみで、継続治療

診療日：日曜日、祝日、休日、年末年始

午前10時～午後4時（土日、
祝日、年末年始を除く）

10 sáng ~ 4 giờ chiều (trừ thứ Bảy và Chủ nhật, ngày lễ, các ngày cuối năm và đầu năm)

Kiểm tra sức khỏe, khám bệnh

Kiểm tra sức khỏe đặc thù, hướng dẫn chăm sóc sức khỏe đặc thù

Kiểm tra sức khỏe đặc thù là kiểm tra sức khỏe tập trung theo dõi hội chứng chuyển hóa (béo phì dạng tích tụ mỡ nội tạng). Đối tượng được kiểm tra là những người tham gia bảo hiểm sức khỏe quốc gia từ 40 tuổi trở lên và phiếu khám sức khỏe sẽ được gửi đến các đối tượng này. Thời gian gửi phiếu sẽ khác nhau tùy thuộc vào tháng sinh. Bạn có thể đến khám tại các cơ sở y tế hợp tác trong thành phố trong khoảng thời gian chỉ định từ tháng 5 ~ tháng 3 năm sau (Miễn phí).

Ngoài ra, bạn sẽ được hỗ trợ chi phí tối đa 13.000 yên khi khám sức khỏe tổng quát chuyên sâu Nin-gen Dock, tối đa 10.000 yên khi kiểm tra não.

Dựa trên kết quả của các mục kiểm tra sức khỏe trong kiểm tra sức khỏe đặc thù và phiếu câu hỏi về thói quen sinh hoạt, người được đánh giá thuộc diện cần được hướng dẫn chăm sóc sức khỏe đặc thù sẽ nhận được hướng dẫn chăm sóc sức khỏe đặc thù.

Những người tham gia bảo hiểm khác bảo hiểm sức khỏe quốc gia (bảo hiểm tại nơi làm việc, v.v...), vui lòng kiểm tra thông báo, v.v... từ cơ quan bảo hiểm y tế tương ứng.

Kiểm tra sức khỏe cho người từ 75 tuổi trở lên

Đối tượng được kiểm tra là người tham gia chế độ y tế dành cho người từ 75 tuổi trở lên và phiếu khám sức khỏe sẽ được gửi đến các đối tượng này. Thời gian gửi phiếu sẽ khác nhau tùy thuộc vào tháng sinh. Bạn có thể đến khám tại các cơ sở y tế hợp tác trong thành phố trong khoảng thời gian chỉ định từ tháng 5 ~ tháng 3 năm sau (Miễn phí).

Các loại kiểm tra sức khỏe

Thông tin liên hệ: Ban tăng cường sức khỏe

Số điện thoại: 047-409-3404

健診・検診を受ける

特定健康診査・特定保健指導

特定健康診査とは、メタボリックシンドローム（内臓脂肪型肥満）に着目した健康診査です。40歳以上の国民健康保険加入者が対象で、対象の方には受診券を送付します。送付時期は誕生月によって異なります。5月～翌年3月までの対象となる期間に、市内協力医療機関で受診できます（無料）。

また、人間ドッグを受診した場合は、13,000円を上限、脳ドッグを受診した場合は10,000円を上限に費用を助成いたします。

特定健康診査の健診項目と生活習慣に関する質問票の結果から特定保健指導に該当された方には、特定保健指導をご案内します。

国民健康保険以外の保険（被用者保険等）に加入している方は、医療保険者からの通知等でご確認ください。

後期高齢者健康診査

後期高齢者医療制度に加入している方が対象で、対象の方には受診券を送付します。送付時期は誕生月によって異なります。5月～翌年3月までの対象となる期間に、市内協力医療機関で受診できます（無料）。

各種検診

問い合わせ：健康づくり課

電話番号：047-409-3404

◇一括がん検診

(船橋市の国民健康保険加入者および後期高齢者医療制度加入者は健康診査と同時に実施)

受診期間: 5月から翌年3月までの対象となる期間

実施場所: 市内協力医療機関

☐ 肺がん・大腸がん検診 (胸部X線・便潜血検査)

対象: 40歳以上の市民

費用: 各500円

☐ 前立腺がん検診 (PSA 血液検査)

対象: 50歳以上で5歳刻みの年齢の男性市民

費用: 500円

☐ 肝炎ウイルス検診 (B・C型血液検査)

対象: 40歳以上で過去に一度も肝炎ウイルス検診を受けていない市民 (生涯に1回)

費用: 無料

◇胃がん検診

対象: 40歳以上の偶数年齢の市民 (登録制)

受診期間: 4月から翌年3月までの対象となる期間

検診内容: 40歳代はエックス線検査、50歳以上はエックス線検査と内視鏡検査の選択制

実施場所: 市内協力医療機関

費用: エックス線検査 1,000円、内視鏡検査 1,500円

◇子宮頸がん検診

対象: 20歳以上の偶数年齢の女性市民

受診期間: 4月～翌年3月までの対象となる期間

検診内容: 20歳代、40歳以上は細胞診、30歳代は細胞診・H

◇ 検 tra ung thư đồng loạt

(Thực hiện đồng thời với kiểm tra sức khỏe dành cho người tham gia bảo hiểm sức khỏe quốc gia và người tham gia chế độ bảo hiểm y tế cho người từ 75 tuổi trở lên ở thành phố Funabashi)

Thời gian khám bệnh: Trong khoảng thời gian từ tháng 5 đến tháng 3 năm sau

Địa điểm tiến hành: Cơ sở y tế hợp tác trong thành phố

☐ Kiểm tra ung thư phổi, ung thư đại trực tràng (kiểm tra chụp X-quang vùng ngực, kiểm tra máu ẩn trong phân)

Đối tượng: Cư dân thành phố từ 40 tuổi trở lên

Chi phí: 500 yên/người

☐ Kiểm tra ung thư tuyến tiền liệt (Kiểm tra PSA máu)

Đối tượng: Nam giới là cư dân trong thành phố và có độ tuổi từ 50 tuổi trở lên theo khoảng cách 5 tuổi.

Chi phí: 500 yên

☐ Xét nghiệm virus viêm gan (Xét nghiệm máu sàng lọc viêm gan B, C)

Đối tượng: Cư dân thành phố trên 40 tuổi và chưa từng xét nghiệm virus viêm gan trước đây (1 lần trong suốt cuộc đời).

Chi phí: miễn phí

◇ 検 tra ung thư dạ dày

Đối tượng: Người dân có số tuổi chẵn từ 40 tuổi trở lên (chế độ đăng ký)

Thời gian khám bệnh: Trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 3 năm sau

Nội dung kiểm tra: Chụp X-quang cho những người ở độ tuổi 40, chụp X-quang và kiểm tra nội soi cho những người từ 50 tuổi trở lên theo chế độ lựa chọn kiểm tra

Địa điểm thực hiện: Cơ sở y tế hợp tác trong thành phố

Chi phí: Chụp X-quang: 1.000 yên, kiểm tra nội soi: 1.500 yên

◇ 検 tra ung thư cổ tử cung

Đối tượng: Nữ giới là cư dân thành phố có số tuổi chẵn nằm trong độ tuổi từ 20 tuổi trở lên

Thời gian khám bệnh: Trong khoảng thời gian từ tháng 4~ tháng 3 năm sau

Nội dung khám bệnh: Xét nghiệm tế bào đối với người ở độ tuổi 20 và người từ 40 tuổi trở lên, kiểm tra kết hợp

giữa xét nghiệm tế bào và kiểm tra HPV đối với người ở độ tuổi 30

Địa điểm tiến hành: Cơ sở y tế hợp tác trong thành phố

Chi phí: 500 yên

◇ **Kiểm tra ung thư vú**

Đối tượng: Người dân là phụ nữ có số tuổi chẵn từ 30 tuổi trở lên

Thời gian tiếp nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 3 năm sau

Nội dung kiểm tra: Kiểm tra siêu âm cho người trong độ tuổi 30, và chụp nhũ ảnh cho người từ 40 tuổi trở lên.

Địa điểm thực hiện: Cơ sở y tế hợp tác trong thành phố

Chi phí: 500 yên

◇ **Kiểm tra bệnh lao bằng chụp X-quang vùng ngực**

Đối tượng: Cư dân thành phố từ 65 tuổi trở lên

Thời gian thực hiện: 2 lần/năm

Địa điểm tiến hành: Trung tâm phúc lợi và chăm sóc sức khỏe

Chi phí: miễn phí

◇ **Kiểm tra sức khỏe nha khoa dành cho người trưởng thành**

Đối tượng: Người có độ tuổi 20, 30, 40, 50, 60, 65, 70 trong năm

Thời gian thực hiện: Trong khoảng thời gian từ tháng 5 ~ tháng 12 (có thể có sự thay đổi)

Địa điểm tiến hành: Cơ sở y tế nha khoa hợp tác với Hiệp hội nha khoa Funabashi

Chi phí: 500 yên

Trung tâm chăm sóc sức khỏe

Trung tâm chăm sóc sức khỏe Chuo, Trung tâm chăm sóc sức khỏe Tobu, Trung tâm chăm sóc sức khỏe Hoku-bu, Trung tâm chăm sóc sức khỏe Seibu của thành phố là các cơ sở hỗ trợ nâng cao sức khỏe của tất cả cư dân thành phố như tư vấn sức khỏe, kiểm tra sức khỏe cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, v.v...

P V 検査併用検診

実施場所: 市内協力医療機関

費用: 500 円

◇ **乳がん検診**

対象: 30 歳以上の偶数年齢の女性市民

受付期間: 4 月から翌年 3 月までの対象となる期間

検査内容: 30 歳代は超音波検査、40 歳以上の方はマンモグラフィ

実施場所: 市内協力医療機関

費用: 500 円

◇ **胸部 X 線結核検診**

対象: 65 歳以上の市民

実施期間: 年 2 回

実施場所: 保健福祉センター

費用: 無料

◇ **成人歯科健康診査**

対象: 年度中に 20、30、40、50、60、65、70 歳になる方

実施期間: 5 月 ~ 12 月までの対象となる期間 (変更となる場合があります)

実施場所: 船橋歯科医師会協力 歯科医療機関

費用: 500 円

保健センター

市の中央保健センター・東部保健センター・北部保健センター・西部保健センターは、健康相談・乳幼児の健診など市民の皆さんの健康づくりをお手伝いする施設です。

中央保健センター
北本町 1-16-55
電話：047-423-2111
東部保健センター
薬円台 5-31-1
電話：047-466-1383
北部保健センター
三咲 7-24-1
電話：047-449-7600
西部保健センター
本郷町 457-1
電話：047-302-2626

子育て世代包括支援センター「ふなここ」

妊娠・出産・子育ての相談窓口です。

必要な時は、医療、子育て支援、学校などの関係機関と連携しながら対応します。

北本町 1-16-55
(保健福祉センター 2 階)
電話相談：047-411-8250

こども発達支援センター

就学前の子どもの発達や行動について相談できます。

北本町 1-16-55
(保健福祉センター 5 階)
電話相談：047-409-1754

障害者のサポート

身体障害、知的障害、精神障害のある方に対して、各種の支援を行っています。

問い合わせ：障害福祉課
電話：047-436-2345

Trung tâm chăm sóc sức khỏe Chuo
1-16-55 Kitahoncho

Điện thoại: 047-423-2111

Trung tâm chăm sóc sức khỏe Tobu
5-31-1 Yakuendai

Điện thoại: 047-466-1383

Trung tâm chăm sóc sức khỏe Hokubu
7-24-1 Misaki

Điện thoại: 047-449-7600

Trung tâm chăm sóc sức khỏe Seibu
457-1 Hongocho

Điện thoại: 047-302-2626

Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ toàn diện “Funakoko”

Là quầy tư vấn về việc mang thai, sinh con, nuôi dạy trẻ.

Khi cần thiết, trung tâm sẽ đáp ứng cũng như hợp tác với các tổ chức có liên quan về y tế, hỗ trợ nuôi dạy trẻ và trường học, v.v...

1-16-55 Kitahoncho (Tầng 2 Trung tâm phúc lợi và chăm sóc sức khỏe)

Điện thoại tư vấn: 047-411-8250

Trung tâm hỗ trợ trẻ em phát triển

Có thể trao đổi về sự phát triển và hành vi của trẻ em trước khi đi học.

1-16-55 Kitahoncho (Tầng 5 Trung tâm phúc lợi và chăm sóc sức khỏe)

Điện thoại tư vấn: 047-409-1754

Hỗ trợ cho người khuyết tật

Tiến hành các biện pháp hỗ trợ dành cho người bị khuyết tật thể chất, khuyết tật trí tuệ, rối loạn tâm thần.

Thông tin liên hệ: Ban Phúc lợi dành cho người khuyết tật

Điện thoại: 047-436-2345

Sinh con và nuôi dạy trẻ

出産と子育て

Khai báo

Giấy báo mang thai

Nếu bạn mang thai, vui lòng thông báo việc mang thai với Quầy cấp phát Sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ và trẻ em của Tòa thị chính hoặc Trung tâm quầy tư vấn tổng hợp trước ga Funabashi, Trung tâm chăm sóc sức khỏe Chuo, Tobu, Hokubu, Seibu. Khi thực hiện khai báo, bạn sẽ nhận được Sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ và trẻ em để ghi lại quá trình mang thai và sinh con, tình trạng phát triển của trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, cùng với các phiếu khám sức khỏe (phụ lục) để kiểm tra sức khỏe răng miệng cho phụ nữ mang thai, kiểm tra sức khỏe cho phụ nữ mang thai, kiểm tra sức khỏe cho sản phụ, kiểm tra sức khỏe cho trẻ sơ sinh (chỉ trả một phần), v.v... ngay tại quầy. Các phiếu khám sức khỏe trong phần phụ lục của Sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ và trẻ em được sử dụng để chỉ trả một phần chi phí kiểm tra sức khỏe cho phụ nữ có thai và sản phụ, trẻ sơ sinh tại các cơ sở y tế ký hợp đồng.

Thông tin liên hệ: Các trung tâm chăm sóc sức khỏe

Điện thoại: Tham khảo trang 40

Giấy khai sinh

Bạn cần thực hiện các thủ tục sau đây khi sinh em bé tại Nhật Bản.

- ① Đến Ban quản lý cư trú hộ tịch hoặc Văn phòng chi nhánh để đăng ký khai sinh trong vòng 14 ngày. Khi đến, vui lòng mang theo giấy chứng sinh của bác sĩ, Sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ và trẻ em và hộ chiếu nếu bố mẹ là người nước ngoài. Ngoài ra, vui lòng mang theo con dấu nếu vợ hoặc chồng là người Nhật Bản. Vui lòng liên hệ trước với Ban quản lý cư trú hộ tịch để biết thêm chi tiết.
- ② Những người có ý định ở lại Nhật Bản hơn 60 ngày kể từ ngày sinh, vui lòng làm đơn đăng ký lấy tư cách lưu trú tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú Tokyo (Trụ sở chính và Văn phòng chi nhánh

届出

妊娠届

妊娠したら市役所の母子健康手帳交付コーナー、または船橋駅前総合窓口センター、中央・東部・北部・西部保健センターに妊娠の届出をしてください。届出をしますと、その場で、妊娠・出産の経過、乳幼児の発育状況を記録する母子健康手帳と妊婦歯科健診・妊婦健診・産婦健診・乳児健診(一部負担)の受診票(別冊)などがもらえます。母子健康手帳別冊の受診票は、契約医療機関での妊産婦・乳児健康診査費用を一部負担するものです。問い合わせ：各保健センター
電話：p. 40 参照

出生届

日本で赤ちゃんが生まれたときの手続きには次のようなものがあります。

- ① 14 日以内に戸籍住民課または出張所へ出生届をします。その際、医師の出生証明書、母子健康手帳と、父母が外国人の場合には旅券を持参してください。なお、夫婦どちらかが日本人の場合は、印鑑を持参してください。詳しくは事前に戸籍住民課へお問い合わせください。
- ② 出生の日から 60 日間を超え

て、本邦に在留しようとする方は、出生の日から30日以内に東京出入国在留管理局（本局および千葉出張所）で在留資格の取得申請をしてください（特別永住者の子を除く）。なお、その際出生したことを証する書面および住民票をお持ちください。

妊婦一般健康診査

妊娠中に14回、契約医療機関での健診費用を一部助成します。受診票は母子健康手帳の別冊についています。

妊婦歯科健康診査

妊娠中に1回、協力歯科医療機関で歯の健康診査が無料で受けられます。受診票は母子健康手帳の別冊についています。

産婦健康診査

産後おおむね2週間、1か月の時期に協力医療機関での心と体の健診費用を一部助成します。受診票と心の状態をみる「お母さんの気持ち質問票」は母子健康手帳別冊と一緒にお渡しします。

新生児聴覚スクリーニング検査

生後50日までの時期に行う、赤ちゃんの耳の聞こえについて調べる検査の費用を一部助成します。受診票は母子健康手帳別冊と一緒にお渡しします。

Chiba) trong vòng 30 ngày kể từ ngày sinh. (Ngoại trừ con của người vĩnh trú đặc biệt)

Ngoài ra, vui lòng mang theo giấy tờ chứng minh việc sinh con và giấy chứng nhận cư trú.

Kiểm tra sức khỏe tổng quát cho phụ nữ mang thai

Bạn sẽ được hỗ trợ một phần chi phí trong 14 lần kiểm tra sức khỏe khi đang mang thai tại các cơ sở y tế ký hợp đồng. Các phiếu khám sức khỏe được đính kèm trong phần phụ lục của Sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ và trẻ em.

Kiểm tra sức khỏe răng miệng cho phụ nữ mang thai

Bạn có thể được kiểm tra sức khỏe răng miệng miễn phí 1 lần trong khi mang thai tại Cơ sở nha khoa có hợp tác. Các phiếu khám sức khỏe được đính kèm trong phần phụ lục của Sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ và trẻ em.

Kiểm tra sức khỏe cho sản phụ

Các sản phụ sẽ được hỗ trợ một phần chi phí kiểm tra sức khỏe về tinh thần và thể chất tại các cơ sở y tế có hợp tác vào thời điểm sau khi sinh được khoảng 2 tuần và sau khi sinh 1 tháng. Phiếu khám sức khỏe và “phiếu câu hỏi về tâm trạng của mẹ” để kiểm tra tình trạng tinh thần được cung cấp cùng với phần phụ lục của Sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ và trẻ em.

Kiểm tra thính lực cho trẻ sơ sinh

Hỗ trợ một phần chi phí kiểm tra thính lực cho trẻ sơ sinh trong vòng 50 ngày sau khi sinh. Phiếu kiểm tra thính lực cho trẻ sơ sinh sẽ được phát chung với Sổ tay theo dõi sức khỏe mẹ và bé.

Chăm sóc sau khi sinh theo hình thức lưu trú tại cơ sở y tế

Chúng tôi cung cấp dịch vụ chăm sóc theo hình thức lưu trú bằng cách sử dụng những giường bệnh trống của các cơ sở y tế dành cho đối tượng là những sản phụ và trẻ sơ sinh không nhận được sự hỗ trợ đầy đủ về công việc nhà, nuôi con, v.v... từ phía gia đình, và những người có bất ổn về thể chất và tinh thần hoặc lo lắng về việc nuôi con sau khi sinh. Theo nguyên tắc, tổng thời gian sử dụng dịch vụ này là 7 ngày 6 đêm (tối đa là 7 ngày). Bạn có thể sử dụng dịch vụ này cho trẻ sơ sinh đến tối đa 60 ngày tuổi sau khi sinh. Vui lòng liên hệ với các Trung tâm chăm sóc sức khỏe để biết thêm chi tiết.

Kiểm tra sức khỏe cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ

Tư vấn sức khỏe cho trẻ 4 tháng tuổi (miễn phí)

Phiếu chẩn đoán y tế sẽ được gửi đến những đối tượng tương ứng. Vui lòng mang theo phiếu chẩn đoán y tế đã điền đầy đủ thông tin đến Trung tâm chăm sóc sức khỏe vào ngày chỉ định để được tư vấn.

Kiểm tra sức khỏe tổng quát cho trẻ sơ sinh

Bạn sẽ được hỗ trợ một phần chi phí của 2 lần khám sức khỏe tại các cơ sở y tế ký hợp đồng khi trẻ được 3 ~ 6 tháng tuổi và 9 ~ 11 tháng tuổi. Phiếu khám sức khỏe được đính kèm trong phần phụ lục của Sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ và trẻ em.

Kiểm tra sức khỏe cho trẻ 18 tháng tuổi và trẻ 3 tuổi (miễn phí)

Phiếu chẩn đoán y tế sẽ được gửi đến những đối tượng tương ứng. Vui lòng mang theo phiếu chẩn đoán y tế đã điền đầy đủ thông tin khi đến khám tại Trung tâm chăm sóc sức khỏe vào ngày chỉ định.

Thông tin liên hệ: Các trung tâm chăm sóc sức khỏe

Điện thoại: Tham khảo trang 40

宿泊型産後ケア

産後にご家族等から十分な家事・育児等の支援が受けられない母子で、心身の不調や育児不安のある方を対象に医療機関の空きベッドを活用した宿泊型のケアを行います。利用期間は原則通算6泊7日（最長7日）。利用できる乳児は生後60日までです。詳しくは各保健センターへお問い合わせください。

乳幼児健診

4か月児健康相談（無料）

該当する人に問診票を送ります。記入した問診票を持参して、指定日に保健センターで相談を受けてください。

乳児一般健康診査

生後3～6か月および9～11か月の2回、契約医療機関での健診費用を一部助成します。受診票は母子健康手帳の別冊に付いています。

1歳6か月児・3歳児の健康診査（無料）

該当する人に問診票を送ります。記入した問診票を持参して、指定日に保健センターで受診してください。

問い合わせ：各保健センター

電話：p. 40 参照

Tiêm chủng dự phòng định kỳ

Tên tiêm chủng dự phòng	Độ tuổi phù hợp	Số lần tiêm chủng
Virus Rota (Trẻ được sinh từ ngày 1/8/2020 trở về sau)	(Rotarix) Từ 6 tuần sau khi sinh đến 24 tuần sau khi sinh (*1)	2 lần
	(RotaTeq) Từ 6 tuần sau khi sinh đến 32 tuần sau khi sinh (*1)	3 lần
Hib	Từ 2 tháng sau khi sinh đến khi được 5 tuổi	Tối đa 4 lần nhưng sẽ khác nhau tùy theo độ tuổi bắt đầu tiêm chủng
Phế cầu khuẩn cho trẻ em		
Hỗn hợp bốn loại (Bạch hầu, ho gà, uốn ván, bại liệt)	Từ 3 tháng sau khi sinh đến khi được 7 tuổi 6 tháng	Lần đầu: 3 lần Tiêm nhắc lại: 1 lần
Viêm gan B	Đến khi được 1 tuổi	3 lần
BCG (Bệnh lao)		1 lần
Thủy đậu (Trái rạ)	Từ 1 tuổi đến khi được 3 tuổi	2 lần
MR (Sởi, Rubella)	Giai đoạn 1: Từ 1 tuổi đến khi được 2 tuổi	1 lần
	Giai đoạn 2: Từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 31 tháng 3 của 1 năm trước khi nhập học trường tiểu học	1 lần
Viêm não Nhật Bản (*2)	Giai đoạn 1: Từ 6 tháng sau khi sinh đến khi được 7 tuổi 6 tháng	Lần đầu: 2 lần Tiêm nhắc lại: 1 lần
	Giai đoạn 2: Từ 9 tuổi đến dưới 13 tuổi	1 lần
Hỗn hợp hai loại (Bạch hầu, uốn ván)	Từ 11 tuổi đến dưới 13 tuổi	1 lần
HPV (Ung thư cổ tử cung)	Nữ giới ở độ tuổi tương đương lớp 6 tiểu học ~ lớp 10 trung học phổ thông	3 lần

Tiêm chủng dự phòng tự nguyện

Tên tiêm chủng dự phòng	Độ tuổi phù hợp	Số lần tiêm chủng
Quai bị (Trợ cấp một phần chi phí)	Từ 1 tuổi đến khi được 2 tuổi (*3)	1 lần

*1 Tiêm chủng lần đầu là đến 14 tuần và 6 ngày. Vui lòng tiêm cùng một loại vắc-xin.

*2 Những người được sinh ra trước ngày 1 tháng 4 năm 2007 và chưa được tiêm chủng 4 lần có thể được tiêm những loại chưa tiêm trước 20 tuổi. Ngoài ra, trường hợp người được sinh ra từ ngày 2 tháng 4 năm 2007 ~ ngày 1 tháng 10 năm 2009 chưa được tiêm chủng giai đoạn 1 (3 lần) có thể được tiêm những loại chưa tiêm vào độ tuổi phù hợp của giai đoạn 2.

*3 Trẻ 1 tuổi được sinh ra từ sau ngày 2 tháng 4 năm 2019

Tiêm chủng dự phòng

Trẻ em trong độ tuổi tiêm chủng sẽ được tiêm chủng dự phòng định kỳ miễn phí tại các cơ sở y tế thực hiện tiêm chủng trong thành phố. Chúng tôi sẽ gửi các loại giấy liên quan như Phiếu câu hỏi sàng lọc trước khi tiêm chủng, v.v... khi bé được khoảng 1 tháng tuổi. Những người không có Phiếu câu hỏi sàng lọc trước khi tiêm chủng của thành phố Funabashi do mới chuyển đến, v.v..., vui lòng mang theo Sổ tay theo dõi sức khỏe mẹ và bé, sau đó đến Ban Chăm sóc sức khỏe (Danh sách các cơ sở y tế thực hiện tiêm chủng được đăng tải trên trang web của thành phố).

Thông tin liên hệ: Ban xúc tiến nâng cao sức khỏe

Điện thoại: 047-409-3836

予防接種

定期予防接種は、対象年齢内であれば市内の実施医療機関にて無料で受けることができます。お子さんが生後1か月になる頃に予診票などの関係書類を送付します。転入等で船橋市の子診票をお持ちでない方は、必ず母子健康手帳を持参の上、健康づくり課までお越しください（実施医療機関名簿はホームページに掲載しています）。

問い合わせ：健康づくり課

電話：047-409-3836

Các dự án trợ cấp và hỗ trợ

Hỗ trợ chi phí y tế cho trẻ em

Đây là hệ thống hỗ trợ chi phí y tế (phần chi phí khám chữa bệnh theo bảo hiểm) khi trẻ em từ 0 tuổi ~ năm thứ 3 trung học cơ sở khám chữa bệnh tại bệnh viện, v.v... Trẻ em từ 0 tuổi ~ năm thứ 3 trung học cơ sở sẽ được cấp phiếu chứng nhận trợ cấp. Nếu bạn xuất trình phiếu chứng nhận trợ cấp cùng với thẻ bảo hiểm sức khỏe tại quầy tiếp nhận của các cơ sở y tế trong tỉnh, và thanh toán khoản tiền tự chi trả nhất định, bạn sẽ được thanh toán khoản hỗ trợ ngay sau đó. Trước đó, bạn cần phải xin cấp phiếu chứng nhận trợ cấp.

Đối tượng được hỗ trợ:

Trẻ em từ 0 tuổi ~ năm thứ 3 trung học cơ sở → Nhập viện, đến bệnh viện thăm khám, cấp phát thuốc

Khoản tiền tự chi trả:

- Hộ gia đình không bị tính thuế theo mức thu nhập trong thuế cư dân thành phố → Miễn phí
- Hộ gia đình không thuộc đối tượng nêu trên → 300 yên cho 1 lần đến bệnh viện thăm khám hoặc 1 ngày nhập viện, cấp phát thuốc miễn phí

* Nội dung hỗ trợ có thể thay đổi trong tương lai

各種手当て・助成事業

子どもの医療費の助成

0歳～中学校3年生までのお子さんが、病院等で診療を受けた医療費（保険診療分）の助成制度です。0歳～中学校3年生までのお子さんには受給券を交付しています。県内の医療機関の窓口で受給券と健康保険証を提示して、一定の自己負担額をお支払いいただければその場で精算されます。あらかじめ受給券の交付申請が必要です。

助成対象：

0歳～中学校3年生→入院・通院・調剤

自己負担額：

- ・ 市民税の所得割が課税されない世帯→無料
- ・ それ以外の世帯→通院1回、入院1日につき300円、調剤無料

※助成内容は、今後変更する場合があります

問い合わせ：児童家庭課

電話：047-436-2316

児童手当

児童手当＝15歳到達後最初の3月31日までの間にある児童を養育している人に支給します。

問い合わせ：児童家庭課

電話：047-436-2316

ひとり親家庭などへの手当・助成

ひとり親家庭の福祉向上を目的に、支給要件に該当する場合、養育者に対して以下のような手当が支給されます。ただし支給にあたっては所得制限などがあります。

- ① 児童扶養手当＝父、母または両親と生計を同じくしていない18歳到達後最初の3月31日まで（一定の障害がある人は、20歳未満まで）の児童を監護している母子家庭の母、監護し、かつ、これと生計を同じくする父子家庭の父、または祖父母等の養育者に支給します。
- ② 遺児手当＝父、母または両親と死別した義務教育終了前までの児童を養育している方に支給します。
- ③ ひとり親家庭等医療費助成＝父、母または両親と生計を同じくしていない18歳到達後最初の3月31日まで（一定の障害がある人は、20歳未満まで）の児童を監護している母子家庭の母、父子家庭の父、または監護し、かつ、これと生計を同じくする祖父母等の養育者で配偶者のない者、お

Thông tin liên hệ: Ban gia đình và trẻ em

Điện thoại: 047-436-2316

特 別 給 付 金

特 別 給 付 金: Chỉ trả trợ cấp cho người đang nuôi dưỡng trẻ em cho đến ngày 31/3 đầu tiên sau khi trẻ được 15 tuổi.

Thông tin liên hệ: Ban gia đình và trẻ em.

Điện thoại: 047-436-2316

特 別 給 付 金 và 支 持 金 cho gia đình đơn thân, v.v...

Nhằm mục đích tăng cường phúc lợi cho gia đình đơn thân chỉ có cha hoặc mẹ nuôi con, các trợ cấp dưới đây sẽ được chỉ trả cho người nuôi dưỡng nếu đáp ứng các điều kiện chỉ trả trợ cấp. Tuy nhiên, sẽ có giới hạn về thu nhập khi chỉ trả trợ cấp.

- ① 特 別 給 付 金 nuôi dưỡng trẻ em: Chỉ trả trợ cấp cho người mẹ thuộc hộ gia đình mẹ đơn thân đang giám hộ trẻ, người bố thuộc hộ gia đình bố đơn thân đang giám hộ và sống chung với trẻ, hay người nuôi dưỡng trẻ như ông bà, v.v... cho đến ngày 31/3 đầu tiên sau khi trẻ được 18 tuổi, không sống chung với bố, mẹ hoặc cả bố và mẹ (người có các khuyết tật nhất định sẽ là dưới 20 tuổi).
- ② 特 別 給 付 金 cho trẻ mồ côi: Chỉ trả trợ cấp cho người nuôi dưỡng trẻ đã mất cha, mẹ hoặc cả cha và mẹ cho đến trước khi kết thúc chương trình giáo dục bắt buộc.
- ③ 支 持 金 chi phí y tế cho gia đình đơn thân chỉ có cha hoặc mẹ nuôi con: Hỗ trợ một phần chi phí tự chi trả trong phí điều trị hoặc tiền thuốc men do khám chữa bệnh có bảo hiểm cho người mẹ thuộc hộ gia đình mẹ đơn thân, người bố thuộc hộ gia đình bố đơn thân đang giám hộ trẻ hoặc người nuôi dưỡng như ông bà, v.v..., người không có vợ/chồng đang giám hộ và sống chung với trẻ cho đến ngày 31/3 đầu tiên sau khi trẻ được 18 tuổi, không sống chung với bố, mẹ hoặc cả bố và mẹ (người có các khuyết tật nhất định sẽ là dưới 20 tuổi), và chính đứa trẻ đó.

- ④ Chúng tôi sẽ chi trả tiền trợ cấp giáo dục đào tạo như giáo dục phổ thông, v.v... cho gia đình đơn thân chỉ có cha hoặc mẹ nuôi con = Trợ cấp cho người mẹ thuộc hộ gia đình mẹ đơn thân, người bố thuộc hộ gia đình bố đơn thân nuôi dưỡng trẻ hoặc người nuôi dưỡng trẻ học trung học phổ thông (ngoại trừ giáo dục đào tạo từ xa) như ông bà, v.v... (Bãi bỏ vào ngày 31/3/2022).

Thông tin liên hệ: Ban gia đình và trẻ em

Điện thoại: 047-436-3316

よびその児童に対して、保険診療による医療費・薬代の自己負担分の一部を助成します。

- ④ 母子家庭、父子家庭等高等学校等修学援助金 = 高校生（通信制の学校を除く）の児童を扶養する母子家庭の母、父子家庭の父、または祖父母等の養育者に支給します（令和4年3月31日をもって廃止）。

問い合わせ：児童家庭課

電話：047-436-3316

Cơ sở vật chất

Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ

Trong thành phố có 2 cơ sở, ngoài tư vấn về nuôi dạy trẻ, trung tâm còn tổ chức các buổi giao lưu chia sẻ giữa những người giám hộ và cung cấp nơi vui chơi, v.v...

- **Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ Minamihoncho**

Địa chỉ: 10-1 Minamihoncho

Điện thoại: 047-434-3910

Điện thoại dành riêng cho tư vấn: 047-435-8333

(Chỉ hỗ trợ bằng tiếng Nhật)

- **Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ Takanedai**

Địa chỉ: 2-1-1 Takanedai

Điện thoại: 047-466-5666

Điện thoại dành riêng cho tư vấn: 047-466-3633 (Chỉ hỗ trợ bằng tiếng Nhật)

[Thông tin chung của hai cơ sở]

Ngày mở cửa: Thứ hai ~ thứ bảy (đóng cửa vào chủ nhật, ngày lễ, ngày nghỉ, các ngày nghỉ cuối năm và đầu năm)

Thời gian mở cửa: 9 giờ sáng ~ 4 giờ chiều

(Tuy nhiên, thời gian tư vấn là từ 9 giờ sáng đến 5 giờ chiều)

施設

子育て支援センター

市内に2か所あり、子育ての相談のほか、保護者同士の交流、遊び場の提供などを行っています。

- 南本町子育て支援センター

所在地：南本町 10-1

電話：047-434-3910

相談専用電話：047-435-8333

(日本語のみ)

- 高根台子育て支援センター

所在地：高根台 2-1-1

電話：047-466-5666

相談専用電話：047-466-3633

(日本語のみ)

[両施設共通]

開館日：月曜日～土曜日（日曜日・

祝日・休日・年末年始は休み）

開館時間：午前9時～午後4時

（ただし相談は午前9時から午後5時まで）

保育園

夫婦の共働きなどで保育を必要とする家庭の子どもを保育しています。対象は生後 57 日目以降から小学校就学前までの乳幼児です。

問い合わせ：保育認定課

電話：047-436-2330

幼稚園

市内の幼稚園は私立幼稚園だけです。

幼稚園に入園ご希望の場合は、直接幼稚園にご相談ください。

問い合わせ：学務課

電話：047-436-2858

児童ホーム

0～18 歳未満までを対象に、誰でも自由に遊べる、子どものための遊び場で、市内に 21 か所あります。各児童ホームでは、さまざまな教室、行事などが行われています。未就学児の利用は保護者の同伴が必要です。

開館時間：午前 9 時～午後 5 時

休館日：月曜日、祝日、休日、年末年始

※祝日、休日が月曜日の場合は翌日も休み

問い合わせ：地域子育て支援課

電話：047-436-2956

学校教育

日本の教育制度は、小学校 6 年間、中学校 3 年間、高等学校 3 年間、大学 4 年間となっています。このうち小学校・中学校の 9 年間の義務教育期間について、外国の学校に入学するお子さんや日本でほかの学校に入学

Nhà trẻ

Trông giữ trẻ cho các gia đình có trẻ nhỏ cần được chăm sóc do cả hai vợ chồng đều đi làm, v.v... Đối tượng là trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ từ 57 ngày tuổi trở lên cho đến trước khi vào tiểu học.

Thông tin liên hệ: Ban chứng nhận hoạt động chăm sóc trẻ em

Điện thoại: 047-436-2330

Trường mẫu giáo

Các trường mẫu giáo trong thành phố đều là trường mẫu giáo tư thục.

Nếu bạn muốn cho con nhập học vào trường mẫu giáo, vui lòng liên hệ trực tiếp với trường mẫu giáo đó.

Thông tin liên hệ: Ban học vụ

Điện thoại: 047-436-2858

Nhà thiếu nhi

Đây là sân chơi tự do dành cho tất cả trẻ em từ 0 đến dưới 18 tuổi, trong thành phố có 21 cơ sở. Có nhiều lớp học và sự kiện khác nhau được tổ chức tại các nhà thiếu nhi này. Trẻ em chưa đến tuổi đi học khi đến nhà thiếu nhi cần có người giám hộ đi cùng.

Thời gian mở cửa: 9 giờ sáng ~ 5 giờ chiều

Ngày đóng cửa: Thứ hai, ngày lễ, ngày nghỉ, các ngày nghỉ cuối năm và đầu năm

* Nếu ngày lễ, ngày nghỉ trùng vào thứ hai thì ngày tiếp theo cũng đóng cửa

Thông tin liên hệ: Ban hỗ trợ nuôi dạy trẻ em trong khu vực

Điện thoại: 047-436-2956

Giáo dục học đường

Chế độ giáo dục Nhật Bản bao gồm 6 năm tiểu học, 3 năm trung học cơ sở, 3 năm trung học phổ thông, 4 năm đại học. Trong thời gian 9 năm giáo dục bắt buộc gồm có tiểu học và trung học cơ sở trong chế độ này, trẻ em có quốc tịch nước ngoài đang sinh sống tại thành phố Funabashi, không đăng ký học tại các trường nước ngoài và đăng ký học tại các trường khác ở Nhật Bản,

phải theo học trường tiểu học và trung học cơ sở do Ủy ban giáo dục Funabashi chỉ định. Ngoài ra, niên khóa học sẽ được xác định theo số tuổi.

Thông tin liên hệ: Ban học vụ

Điện thoại: 047-436-2853

Cơ sở sinh hoạt dành cho trẻ em sau giờ học

Cơ sở nhận trông giữ các học sinh tiểu học phải ở nhà một mình sau giờ học do người giám hộ đi làm, v.v... Thời gian là từ sau khi kết thúc giờ học đến 7 giờ tối đối với những ngày có đi học, từ 8 giờ sáng đến 7 giờ tối đối với những ngày không đi học.

* Đóng cửa vào chủ nhật, ngày lễ, ngày nghỉ, các ngày nghỉ cuối năm và đầu năm

Thông tin liên hệ: Ban hỗ trợ nuôi dạy trẻ em trong khu vực

Điện thoại: 047-436-2319

Lớp học Funakko (Lớp giữ trẻ sau giờ học)

Lớp học sử dụng cơ sở vật chất của trường tiểu học để cung cấp nơi tổ chức các hoạt động tự nguyện cho các học sinh tiểu học.

Thời gian là từ sau khi kết thúc giờ học đến 5 giờ chiều đối với những ngày có đi học, từ 9 giờ sáng đến 5 giờ chiều đối với những ngày không đi học.

* Đóng cửa vào thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, ngày nghỉ, các ngày nghỉ cuối năm và đầu năm

Thông tin liên hệ: Ban hành chính giáo dục

Điện thoại: 047-436-2805

するお子さん以外の船橋市に住んでいる外国籍のお子さんは、船橋市教育委員会が指定する小学校・中学校に就学してください。なお、就学する学年は、年齢によって決められています。

問い合わせ：学務課

電話：047-436-2853

放課後ルーム

保護者が就労等のため放課後に家庭で子どもだけになってしまう小学生をお預かりします。時間は学校のある日は授業終了後から午後7時まで、学校が休みの日は午前8時から午後7時までです。

※日曜日、祝日、休日、年末年始は休み

問い合わせ：地域子育て支援課

電話：047-436-2319

船っ子教室（放課後子供教室）

小学校の施設を活用して、小学生たちが自主的な活動を行う居場所を提供します。

時間は学校のある日は授業終了後から午後5時まで、学校が休みの日は午前9時から午後5時までです。

※土曜日、日曜日、祝日、休日、年末年始は休み

問い合わせ：教育総務課

電話：047-436-2805

Sinh hoạt thường ngày

日常生活

ごみの仕分け

市で集めるごみは、紙くず、生ごみなど市民の日常生活からでるもので、可燃ごみ、不燃ごみ、資源ごみ・ペットボトル、有価物、粗大ごみの5つに分けて分別収集しています。ごみの収集日時は、お住まいの地域やごみの分類によって異なります。分からないときは大家さんか、近所の人に聞くなどして確認してください。

問い合わせ：クリーン推進課

電話：047-436-2434

ごみの出し方や分別方法などの情報はホームページでも公開しています。

Phân loại rác

Rác thu gom trong thành phố là loại rác thải ra từ sinh hoạt thường ngày của người dân như giấy vụn, rác sinh hoạt, v.v..., và được chia thành 5 loại để thu gom riêng: rác cháy được, rác không cháy được, rác tài nguyên và chai nhựa PET, vật có giá trị và rác công kênh. Thời gian thu gom rác sẽ khác nhau tùy theo khu vực bạn sinh sống và loại rác. Nếu bạn không biết, hãy hỏi chủ nhà hoặc hàng xóm, v.v... để xác nhận.

Liên hệ: Ban xúc tiến vệ sinh

Điện thoại: 047-436-2434

Thông tin về cách vứt rác và cách phân loại rác cũng được công bố trên trang web của thành phố.



Bảng phân loại rác cháy được, rác không cháy được, rác tài nguyên và chai nhựa PET, vật có giá trị, rác công kênh

(可燃ごみ、不燃ごみ、資源ごみ・ペットボトル、有価物、粗大ごみの分類表)

Rác cháy được	Giấy vụn, rác nhà bếp, các loại nhựa vinyl, nhựa plastic, sản phẩm bằng da, cành cây
Rác không cháy được	Các loại đồ gốm sứ, đồ thủy tinh, ô dù, pin khô, đèn huỳnh quang, nhiệt kế, vật sắc nhọn, kim, đinh ghim, dao cạo an toàn, đồ điện gia dụng loại nhỏ, v.v...
Rác tài nguyên và chai nhựa PET	Chai nhựa PET (đựng đồ uống, các loại rượu, nước tương), chai lọ (ngoại trừ chai lọ bị vỡ), lon rỗng, thùng có thể tích tối đa 18 lít, bình xịt, vật bằng kim loại, nắp chai
Vật có giá trị	Giấy báo, sách cũ, tạp chí, tờ rơi kèm trong giấy báo, vỏ, bưu thiếp, quần áo cũ, chăn
Rác công kênh	Đồ gia dụng, đồ điện gia dụng loại lớn, xe đạp, v.v...

Ứng dụng phân loại rác dành cho điện thoại thông minh

Chúng tôi cung cấp ứng dụng phân loại rác “Three R” dành cho điện thoại thông minh, cho phép bạn kiểm tra ngày thu gom rác trong khu vực bạn sinh sống và tìm kiếm cách phân loại rác. Ngoài chức năng có thể thông báo ngày thu gom, ứng dụng này còn hỗ trợ tiếng Anh và tiếng Trung.



iPhone



Android

Cách vứt rác Rác cháy được

Với các loại rác có chiều dài khoảng 50cm trở xuống, hãy cho vào các túi rác cháy được do thành phố chỉ định rồi vứt rác tại nơi thu gom. Bạn có thể mua túi rác do thành phố chỉ định tại cửa hàng tiện lợi, siêu thị, nhà thuốc, v.v... Đối với rác nhà bếp, tránh để nước bên trong rò rỉ ra ngoài bằng cách làm ráo nước rồi cho vào túi, v.v...

Thời gian thu gom: 2 lần/tuần, có khu vực thu gom vào ban ngày hoặc ban đêm. Đối với khu vực thu gom vào ban ngày, hãy vứt rác trước 8 giờ 30 phút sáng; đối với khu vực thu gom vào ban đêm, hãy vứt rác trước 7 giờ 30 phút tối.

Rác không cháy được

Hãy cho vào túi rác không đốt được do thành phố chỉ định rồi mang ra vứt tại trạm thu gom. Đối với rác không thể cho vừa vào túi, vui lòng bỏ vào loại rác công kênh (không bao gồm ô, dù). Đối với pin khô (cho vào túi trong suốt) và đèn huỳnh quang, hãy tách riêng với rác không đốt được và đặt bên cạnh trạm thu gom. Thực hiện các biện pháp phòng tránh gây nguy hiểm đối với vật sắc nhọn và kính vỡ, v.v... như bọc bằng giấy hoặc băng keo dán thùng, v.v..., rồi dán nhãn “キケン” (nguy hiểm) lên trên.

Thời gian thu gom: 1 lần/tháng, ngày thu gom được quy định theo từng khu vực. Hãy vứt rác trước 8 giờ 30 phút sáng.

Smartphone dùng để phân loại rác

o住まいの地域のごみ収集日の確認や、ごみの分別方法の検索ができるスマートフォン用のごみ分別アプリ「さんあ〜る」を配信しています。収集日に通知ができる機能があるほか、英語、中国語にも対応しています。

ごみの出し方

可燃ごみ

おおむね 50cm 以内のもので、市指定可燃ごみ袋に入れて収集ステーションに出してください。市指定ごみ袋は、コンビニエンスストア、スーパー、ドラッグストアなどで購入できます。台所ごみは、水を切って内袋に入れるなど中身が漏れないようにしてください。

収集日時：週 2 回で、昼間または夜間の収集地区があります。昼間収集地区は午前 8 時 30 分、夜間収集地区は午後 7 時 30 分までに出してください。

不燃ごみ

市指定不燃ごみ袋に入れて収集ステーションに出してください。入らないものは粗大ごみで出してください（傘は除く）。乾電池（透明な袋に入れる）や蛍光灯は不燃ごみと分け、ステーションの端に置いてください。刃物類や割れガラスなどは、紙やガムテープで巻くなどの、危険防止の処理をしてキケンと表示してください。

収集日時：毎月 1 回、地区ごとに収集日が決められています。午前 8 時 30 分までに出してください。

資源ごみ・ペットボトル

ごみ収集ステーションの回収袋にビン、カン、ペットボトルを分けて入れてください。

ビン：飲料・食品用・化粧品以外のビンや割れたビンは不燃ごみで出してください。

カン：スプレー缶やカセットボンベは、必ず中身を使い切ってから出してください。

ペットボトル：中をすすいでつぶしてから出してください。フタやラベルは可燃ごみで出してください。

収集日時：週1回、午前8時30分までに出してください。

有価物

古紙（新聞紙、雑誌、段ボール等）は種類別に縛って、古着、毛布は適当なビニール袋に入れて収集ステーションに出してください。雨天の場合は、古着、毛布は回収しません。

収集日時：週1回、午前8時30分までに出してください。

粗大ごみ

おおむね20ℓ以上の大きさのごみは、電話申込みによる戸別収集になります。1回に5点までで、次の申込みは7日後より受け付けます。申込みは、粗大ごみ受付センターに電話し、コンビニエンスストアなどで粗大ごみ処理券を購入し、粗大ごみに貼付します。

申込先：粗大ごみ受付センター（日本語のみ）

電話：047-457-4153

申込日時：月曜日～金曜日午前9時～午後4時（祝日・休日は

Rác tài nguyên và chai nhựa PET

Hãy để riêng chai lọ, lon và chai nhựa PET vào các túi thu gom của trạm thu gom rác.

Chai lọ: Hãy vứt các chai lọ không phải loại đựng đồ ăn, thức uống, mỹ phẩm và chai lọ vỡ vào loại rác không cháy được.

Lon: Hãy chắc chắn rằng bạn đã sử dụng hết sản phẩm bên trong bình xịt và bình gas mini trước khi vứt đi.

Chai nhựa PET: Súc rửa sạch bên trong và giảm bẹp trước khi vứt đi. Hãy vứt nắp và nhãn vào loại rác cháy được.

Thời gian thu gom: 1 lần/tuần, hãy vứt rác trước 8 giờ 30 phút sáng.

Vật có giá trị

Vui lòng buộc giấy cũ (giấy báo, tạp chí, thùng carton, v.v...) theo từng loại, cho quần áo cũ và chăn vào một túi nhựa vinyl thích hợp và vứt tại trạm thu gom. Nếu trời mưa, quần áo cũ và chăn sẽ không được thu gom.

Thời gian thu gom: 1 lần/tuần, hãy vứt rác trước 8 giờ 30 phút sáng.

Rác công kênh

Rác có kích thước khoảng từ 20L trở lên được thu gom tại từng hộ gia đình theo như đăng ký qua điện thoại. Chúng tôi tiếp nhận tối đa 5 món/lần, lần đăng ký tiếp theo sẽ được tiếp nhận kể từ 7 ngày sau. Để đăng ký, hãy gọi điện thoại cho Trung tâm tiếp nhận rác công kênh, mua phiếu xử lý rác công kênh tại cửa hàng tiện lợi, v.v... và dán lên rác công kênh.

Nơi đăng ký: Trung tâm tiếp nhận rác công kênh (chỉ hỗ trợ tiếng Nhật)

Điện thoại: 047-457-4153

Thời gian đăng ký: thứ hai ~ thứ sáu, 9 giờ sáng ~ 4 giờ chiều (đóng cửa vào ngày lễ, ngày nghỉ)

Thời gian thu gom: Hãy vứt rác trước 8 giờ 30 phút sáng của ngày thu gom được chỉ định.

Tái chế đồ điện gia dụng

Theo luật, bắt buộc phải tái chế Tivi, tủ lạnh/tủ đông, máy điều hòa không khí, máy giặt/máy sấy quần áo và không thu gom tại thành phố. Hãy nhờ các cửa hàng đồ điện gia dụng, doanh nghiệp được cấp phép xử lý rác, hoặc mang đến nơi thu gom do nhà sản xuất chỉ định để xử lý.

Liên hệ:

- **Hợp tác xã xử lý chất thải thông thường của thành phố Funabashi** (trường hợp nhờ doanh nghiệp được cấp phép xử lý rác)

Điện thoại: 047-440-6601

- **Trung tâm phát hành phiếu tái chế đồ điện gia dụng** (liên quan đến phiếu tái chế đồ điện gia dụng)

Điện thoại: 0120-319640

- **Maruzen Keiyo Butsuryu Co. Ltd.** (nơi thu gom do nhà sản xuất chỉ định)

Địa chỉ: 19-4 Shiomicho

Điện thoại: 047-431-4880

Đồ điện gia dụng cỡ nhỏ đã qua sử dụng

Đối với đồ điện gia dụng cỡ nhỏ mà thành phố đang khuyến khích tái chế, chúng tôi có bố trí thùng thu hồi tại 20 địa điểm trong thành phố, vì vậy hãy phối hợp với chúng tôi bằng việc vứt những vật dụng đó vào các thùng thu hồi.

Danh mục thu gom được liệt kê như dưới đây, là các vật bỏ vừa vào miệng thùng (15cm x 30cm).

[Danh mục thu gom]

Máy ảnh kỹ thuật số, máy quay phim, máy chơi game, máy ghi âm HDD, điện thoại/FAX, máy nghe nhạc cầm tay, máy ghi âm IC, máy đọc sách điện tử, hệ thống định vị xe, USB/ổ cứng, máy trợ thính,

休み)

収集日時: 指定された収集日の午前8時30分までに出してください。

家電リサイクル

テレビ、冷蔵庫・冷凍庫、エアコン、洗濯機・衣類乾燥機は法律でリサイクルが義務づけられ、市では収集しません。家電販売店、ごみ処理許可業者に依頼するか、メーカーの指定する引取場所へ持ち込んで処理します。

問い合わせ:

- 船橋市一般廃棄物協同組合 (ごみ処理許可業者に依頼する場合)

電話: 047-440-6601

- 家電リサイクル券センター (家電リサイクル券について)

電話: 0120-319640

- 丸全京葉物流 (株) (メーカーの指定引取場所)

住所: 潮見町 19-4

電話: 047-431-4880

使用済み小型家電製品

再資源化を促進している小型家電製品については、市内20か所に回収ボックスを設置しておりますので、回収ボックスへの排出にご協力ください。

回収品目は下記のもので、投入口 (15cm x 30cm) に入るものです。

【回収品目】

デジタルカメラ、ビデオカメラ、ゲーム機、HDDレコーダー、電話・FAX、携帯音楽プレーヤー、ICレコーダー、電子書

籍端末、カーナビ、USBメモリ・ハードディスク、補聴器、電卓・電子辞書、ヘアアイロン、ヘアードライヤー、電動歯ブラシ、電気カミソリ・電気バリカン、電子血圧計・電子体温計、ラジオ、ヘッドホン・イヤホン、時計、懐中電灯、電子付属品（コード類、ACアダプタ、充電器、リモコン等）

※個人情報 は 消去 してください

【回収場所】

- ・市役所本庁舎（1階玄関付近）
- ・船橋駅前総合窓口センター（フェイビル5階）
- ・北部清掃工場（1階受付ロビー）
- ・浜町公民館
- ・宮本公民館
- ・東部公民館
- ・三田公民館
- ・葉山公民館
- ・北部公民館
- ・法典公民館
- ・葛飾公民館
- ・海老が作公民館
- ・高根台公民館
- ・夏見公民館
- ・西部公民館
- ・新高根公民館
- ・坪井公民館
- ・八木が谷公民館
- ・東図書館
- ・北図書館

パソコンリサイクル

家庭用パソコンは、メーカーにより回収・リサイクルされます。メーカーの窓口に直接申込んでください。

<対象機器>

デスクトップ型パソコン本体、

máy tính bỏ túi/từ điển điện tử, máy duỗi tóc, máy sấy tóc, bàn chải đánh răng điện, máy cạo râu điện/tông đơ cắt tóc điện, máy đo huyết áp điện tử/nhiệt kế điện tử, radio, tai nghe chụp đầu/tai nghe, đồng hồ, đèn pin, phụ kiện điện tử (các loại dây, bộ điều hợp AC, đồ sạc, điều khiển từ xa, v.v...)

* Vui lòng xóa thông tin cá nhân

[Địa điểm thu gom]

- Tòa nhà chính của Tòa thị chính (gần lối vào ở Tầng 1)
- Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp trước Ga Funabashi (Tầng 5 Face Building)
- Nhà máy xử lý rác Hokubu (Sảnh tiếp tân tầng 1)
- Nhà văn hóa cộng đồng Hamacho
- Nhà văn hóa cộng đồng Miyamoto
- Nhà văn hóa cộng đồng Tobu
- Nhà văn hóa cộng đồng Mita
- Nhà văn hóa cộng đồng Yakuendai
- Nhà văn hóa cộng đồng Hokubu
- Nhà văn hóa cộng đồng Hoden
- Nhà văn hóa cộng đồng Katsushika
- Nhà văn hóa cộng đồng Ebigasaku
- Nhà văn hóa cộng đồng Takanedai
- Nhà văn hóa cộng đồng Natsumi
- Nhà văn hóa cộng đồng Seibu
- Nhà văn hóa cộng đồng Shin-Takane
- Nhà văn hóa cộng đồng Tsuboi
- Nhà văn hóa cộng đồng Yakigaya
- Thư viện Higashi
- Thư viện Kita

Tái chế máy tính

Máy tính gia đình sẽ được nhà sản xuất thu gom và tái chế. Vui lòng đăng ký trực tiếp tại quầy thông tin của nhà sản xuất.

<Các thiết bị thuộc đối tượng tái chế>

Thùng CPU của máy tính để bàn, máy tính xách tay, màn hình CRT (loại ống tia âm cực), máy tính cá

nhân loại màn hình CRT, màn hình LCD (loại tinh thể lỏng), máy tính cá nhân loại màn hình LCD

* Về cơ bản, các máy tính cá nhân có “Dấu tái chế PC” được bán kể từ tháng 10/2003 trở đi sẽ không bị tính phí thu gom và tái chế.

* Đối với máy tính cá nhân không có nhà sản xuất nào thu gom, chẳng hạn như máy tính cá nhân tự chế hay nhà sản xuất phá sản, sản phẩm của các công ty bán hàng nhập khẩu, v.v..., hãy liên hệ với “Hiệp hội xúc tiến 3R thu gom máy tính cá nhân”.

<Hiệp hội xúc tiến 3R thu gom máy tính cá nhân>

Điện thoại: 03-5282-7685

URL: <http://www.pc3r.jp>

ノートブック型パソコン、CRT ディスプレイ（ブラウン管式）、CRT ディスプレイ一体型パソコン、LCD ディスプレイ（液晶型）、LCD ディスプレイ一体型パソコン

※ 2003 年 10 月以降に販売された、「P C リサイクルマーク」のあるパソコンは、回収・再資源化料金は基本的にかかりません

※自作パソコンやメーカーの倒産、輸入販売会社の製品など回収窓口のないパソコンは「一般社団法人パソコン 3R 推進協会」が窓口となります

<一般社団法人パソコン 3R 推進協会>

電話: 03-5282-7685

URL: <http://www.pc3r.jp>

Các loại rác không thu gom trong thành phố

Thành phố không thể thu gom lượng rác thải lớn do chuyển nhà hoặc làm tổng vệ sinh, v.v..., rác thải ra do hoạt động kinh doanh hoặc rác không thể xử lý tại thành phố. Vui lòng nhờ các doanh nghiệp được cấp phép xử lý rác, v.v... (Loại nào cũng có tính phí).

<Các loại rác không thể xử lý tại thành phố>

Danh mục các vật dụng đối tượng theo Luật tái chế đồ điện gia dụng bao gồm máy tính cá nhân, xe máy (kể cả xe đạp gắn động cơ từ 50cc trở xuống), dược phẩm và hóa chất nông nghiệp độc hại và vật chứa các sản phẩm đó, chất bẩn và bùn thải, kết sắt chống cháy, bồn tắm, dầu dễ bay hơi (xăng, xăng ête, dung môi), dầu hỏa, các loại sơn, bình gas, bình chữa cháy, lốp xe, pin, ván lướt sóng, đất, cát, đá, bê tông, khối bê tông, đồ gỗ loại lớn, phụ tùng xe ô tô, hộp chứa đồ trên nóc xe ô tô, nệm lò xo, đàn piano,

市で収集しないもの

引っ越し、大掃除などで多量に出るごみ、事業活動に伴って出るごみ、市では処理できないごみは市で収集できません。ごみ処理許可業者などに依頼してください（いずれも有料）。

<市では処理できないごみ>

家電リサイクル法の対象品目、パソコン、オートバイ（50cc 以下の原動機付き自転車を含む）、有毒性の薬品・農薬やその容器、汚物・汚泥、耐火金庫、浴槽、揮発油（ガソリン・ベンジン・シンナー）、灯油、塗料類、ガスボンベ、消火器、タイヤ、バッテリー、サーフボード、土、砂、石、コンクリート、ブロック、

大型木材、自動車部品、ルーフボックス、スプリングマットレス、ピアノ、オルガン等（電子式のものを含む）、太陽熱温水器、解体してない建物設備（大型プラスチック）、強化プラスチック製スポーツ用品（トレーニングマシン等）その他処理できないもの

一般廃棄物協同組合 047-440-6601

駅周辺は自転車・原動機付自転車放置禁止

市内の駅周辺を自転車および原動機付自転車（50cc 以下）の放置禁止区域に指定しています。この指定区域内に放置すると、強制的に保管場所へ移送します。なお、返還には料金がかかります。

また、自転車・原動機付自転車を放置すると歩行者などの通行の妨げになるばかりでなく、火事などの際、緊急車両の通行の妨げとなり危険です。自転車・原動機付自転車を停めるときは駐輪場を利用しましょう。

駐輪場

自転車・原動機付自転車を停めるときは駐輪場を利用してください。

市営駐輪場の利用は月ぎめと日ぎめがあり、利用方法などが異なります。月ぎめの利用には申請が必要です。申請方法などの詳しいことは都市整備課にお問い合わせください。

問い合わせ：都市整備課

電話：047-436-2293

đàn organ, v.v... (kể cả loại điện tử), máy nước nóng năng lượng mặt trời, trang thiết bị của công trình kiến trúc không tháo rời (đồ nhựa cỡ lớn), thiết bị thể thao bằng nhựa gia cố (máy tập, v.v...) và các vật dụng không thể xử lý khác.

Hợp tác xã xử lý chất thải thông thường 047-440-6601

Cấm để xe đạp, xe đạp gắn động cơ xung quanh nhà ga

Thành phố đã chỉ định khu vực xung quanh các nhà ga trong thành phố là khu vực cấm để xe đạp và xe đạp gắn động cơ (từ 50cc trở xuống). Nếu bạn để các loại xe trên trong khu vực quy định này, chúng tôi buộc phải chuyển xe đến nơi lưu giữ. Hơn nữa, bạn sẽ phải trả phí để lấy lại xe.

Bên cạnh đó, để xe đạp, xe đạp gắn động cơ sai quy định không chỉ cản trở việc đi lại của người đi bộ, v.v... mà còn gây nguy hiểm, bởi vì có thể cản trở việc lưu thông của các phương tiện khẩn cấp khi xảy ra hỏa hoạn, v.v... Hãy sử dụng bãi đỗ xe đạp khi đỗ xe đạp và xe đạp gắn động cơ.

Bãi đỗ xe đạp

Vui lòng sử dụng bãi đỗ xe đạp khi đỗ xe đạp và xe đạp gắn động cơ.

Việc sử dụng bãi đậu xe đạp do thành phố quản lý gồm có trả theo tháng và trả theo ngày, với phương thức sử dụng, v.v... khác nhau. Bạn cần phải đăng ký để sử dụng bãi đỗ xe đạp theo tháng. Vui lòng liên hệ với Ban phát triển đô thị để biết thêm chi tiết về cách đăng ký, v.v...

Liên hệ: Ban phát triển đô thị

Điện thoại: 047-436-2293

Khi đi xe đạp

- Khi bạn mua hoặc có một chiếc xe đạp, bạn hãy đăng ký phòng chống trộm cắp. Bạn có thể làm thủ tục đăng ký tại bất kỳ cửa hàng kinh doanh xe đạp nào.
- Khi đi xe đạp, bạn phải tuân thủ luật giao thông.
- Bạn hãy tham gia bảo hiểm xe đạp. Bạn có thể phải chi trả số tiền lớn nếu gây thương tích cho người khác khi đi xe đạp.

Liên hệ: Ban xúc tiến an toàn cộng đồng

Điện thoại: 047-436-2292

Nhà ở

Nhà ở do thành phố quản lý

Đây là loại hình nhà ở do thành phố Funabashi quản lý.

Theo nguyên tắc, việc tìm người thuê nhà được thực hiện 4 lần/năm. Trong thời gian tìm người thuê nhà, chúng tôi sẽ thông báo trên bản tin công khai của thành phố Funabashi và trên trang web của thành phố.

Những người có thể đăng ký là người có quốc tịch Nhật Bản, hoặc người nước ngoài có tư cách lưu trú là “người vĩnh trú”, “vợ/chồng của người Nhật, v.v...”, người vĩnh trú đặc biệt, và người đã cư trú được một khoảng thời gian nhất định sau khi đã đăng ký cư trú trong thành phố Funabashi. Ngoài ra, cũng cần phải đáp ứng được tiêu chuẩn thu nhập, v.v...

Liên hệ: Trung tâm quản lý nhà ở do thành phố Funabashi quản lý

Điện thoại: 047-436-2040

Nhà ở do tỉnh quản lý

Đây là loại hình nhà do tỉnh Chiba quản lý.

Việc tìm người thuê nhà được thực hiện 4 lần/năm (tháng 4, tháng 7, tháng 10, tháng 1). Trong thời gian tìm kiếm, chúng tôi sẽ phân phát mẫu đơn đăng ký tại Trung tâm quản lý nhà ở do thành phố Funabashi

自転車に乗るとき

- 自転車を買ったときやもらったときは、防犯登録をしましょう。どこの自転車販売店でも手続きできます。
- 自転車に乗るときは、ルールを守ってください。
- 自転車保険に入りましょう。自転車で他の人に怪我をさせると高いお金を払うことがあります。

問い合わせ：市民安全推進課

電話：047-436-2292

住まい

市営住宅

船橋市が管理する住宅です。

入居者の募集は、原則年4回実施しています。募集の際は広報ふなばしやホームページでお知らせします。

申込みができる方は、日本国籍を有する者、または外国人で「永住者」「日本人の配偶者等」の在留資格を持つ者、特別永住者であり、かつ、船橋市内に住民登録のうえ一定の期間居住している方です。その他に収入基準等を満たしていることが必要です。

問い合わせ：船橋市営住宅管理センター

電話：047-436-2040

県営住宅

千葉県が管理する住宅です。

入居者の募集は、年4回(4月、7月、10月、1月)実施しています。募集期間中は船橋市営住宅管理センター、船橋駅前総合

窓口センター、各出張所・連絡所で申込書を配布します。

申込みができる方は、日本国籍を有する者、または在留期間が1年以上の在留資格を有しており、かつ、県内市町村に外国人登録をしている方です。その他に収入基準等を満たしていることが必要です。

問い合わせ：千葉県住宅供給公社
電話：043-222-9200

UR 賃貸住宅

UR 津田沼営業センター
電話：047-478-3711

その他

こんな電話に注意しましょう

- ・税務署の職員のふりをして、「滞納（税金を払わないこと）がある。払わないと在留資格（日本に住むことができる資格）が取り消されるのでお金を払ってほしい」
 - ・「還付金（返してもらえるお金）がある。ATMで受け取れるから手続きをしてほしい」
 - ・市役所職員や銀行員のふりをして、口座番号などの個人情報を知ろうとする。
 - ・警察官のふりをして、キャッシュカードを預かろうとする。
- このような電話があったらすぐに相談してください。
- 電話 de 詐欺（振り込め詐欺）
相談ダイヤル 電話 0120-494-506

quản lý, Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp Funabashi Ekimae, các Văn phòng chi nhánh và Văn phòng liên lạc.

Những người có thể đăng ký là người có quốc tịch Nhật Bản, hoặc người có tư cách lưu trú với thời gian lưu trú từ 1 năm trở lên và người đã đăng ký người nước ngoài tại thành phố, thị trấn, làng xã trực thuộc tỉnh. Ngoài ra, cũng cần phải đáp ứng được tiêu chuẩn thu nhập, v.v...

Liên hệ: Công ty cung cấp nhà ở tỉnh Chiba

Điện thoại: 043-222-9200

Nhà cho thuê do Cơ quan Phục hưng Đô thị UR quản lý

Trung tâm bất động sản UR Tsudanuma

Điện thoại: 047-478-3711

Nội dung khác

Vui lòng lưu ý những cuộc điện thoại này

- ・Mạo danh nhân viên Văn phòng thuế và cho biết “Bạn đã trễ hạn nộp thuế (không nộp thuế). Nếu không nộp thuế, bạn sẽ bị thu hồi tư cách lưu trú (tư cách sinh sống tại Nhật Bản), vui lòng nộp thuế cho tôi”.
- ・“Bạn được nhận tiền hoàn lại (tiền được nhận lại). Vui lòng làm thủ tục nhận tiền tại ATM”.
- ・Mạo danh nhân viên Tòa thị chính Thành phố hoặc nhân viên ngân hàng để hỏi thông tin cá nhân như số tài khoản, v.v...
- ・Mạo danh cảnh sát để cố thu giữ thẻ ATM.

Nếu bạn nhận được điện thoại có các nội dung như thế này, vui lòng liên hệ ngay với chúng tôi.

Tổng đài tư vấn trường hợp lừa đảo qua điện thoại (lừa đảo chuyên tiền)

Điện thoại: 0120-494-506

Cơ sở công cộng

公共施設

Cơ sở văn hóa

Thư viện

Bạn cần có phiếu sử dụng tài liệu của thư viện (sau đây gọi tắt là phiếu sử dụng) để mượn tài liệu. Nếu bạn muốn mượn tài liệu, hãy nhận phiếu sử dụng. Theo nguyên tắc, những người đang sinh sống, làm việc, học tập trong thành phố và những người sinh sống ở các thành phố lân cận đều đủ điều kiện. Khi đăng ký phiếu sử dụng, hãy điền vào các mục bắt buộc trong mẫu đơn đăng ký do thư viện và phòng đọc sách của nhà văn hóa cộng đồng, v.v... chuẩn bị, xuất trình cùng các loại giấy tờ xác minh được địa chỉ, họ tên và ngày tháng năm sinh (thẻ bảo hiểm, giấy phép lái xe, v.v...). Chúng tôi sẽ cấp thẻ ngay tại chỗ. Phiếu sử dụng dùng chung cho 4 thư viện, thư viện di động, 16 phòng đọc sách của nhà văn hóa cộng đồng và 2 quầy mượn/trả sách. Bạn có thể mượn 10 tài liệu/người trong thời hạn 2 tuần. Thư viện Nishi lưu trữ đĩa CD, Thư viện Kita lưu trữ băng video, DVD, v.v... (được mượn tối đa 2 món/người, thời hạn là trong 1 tuần). Ngoài ra, nếu bạn đăng ký mật khẩu, bạn cũng có thể đặt trước qua Internet (những người không phải đang đi làm, đi học trong thành phố này thì không được đặt trước).

Ngày đóng cửa: Thứ hai cuối cùng của mỗi tháng, ngày sắp xếp lại sách (theo nguyên tắc là thứ năm của tuần thứ 2 mỗi tháng. Nếu trùng với ngày lễ, ngày nghỉ thì sẽ đóng cửa vào thứ năm của tuần tiếp theo), khoảng thời gian sắp xếp lại sách đặc biệt, các ngày nghỉ cuối năm và đầu năm.

Thời gian mở cửa: Thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu = 9 giờ 30 phút sáng ~ 8 giờ tối
Thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, ngày nghỉ = 9 giờ 30 phút sáng ~ 5 giờ chiều

文化施設

図書館

貸出には図書館資料利用券（以下利用券）が必要です。貸出を希望する方は利用券の交付を受けてください。原則として市内に在住、在勤、在学している方および近隣市在住の方が対象となります。利用券の申込みをする場合は、図書館および公民館図書室等に備えつけの申込書に必要事項を記入して、住所・氏名・生年月日がわかるもの（保険証・免許証など）と一緒に提示してください。その場で交付いたします。利用券は4図書館・移動図書館・16公民館図書室等・2貸出返却窓口共通です。1人10点、2週間借りられます。西図書館ではCD、北図書館では、ビデオテープ、DVD等を所蔵しています（貸出は1人2点まで、期間は1週間です）。また、パスワードを登録すればインターネットから予約もできます（在勤・在学でない市外の方は予約はできません）。

休館日：毎月最終月曜日・図書整理日（原則として毎月第2木曜日。祝日・休日と重なった場合は翌週の木曜日）・特別図書整理期間・年末年始

開館時間：月・火・水・木・金 = 午前9時30分～午後8時
土・日・祝・休 = 午前9時30分～午後5時



Dành cho máy tính

Dành cho điện thoại
thông minh

Danh sách thư viện

図書館一覧表

Thư viện	Địa chỉ	Điện thoại	Ga gần nhất
Nishi (Phía Tây)	1-20-50 Nishifuna	047-431- 4385	Ga JR Nishi-Funabashi, Ga Keisei-Nishi-funa tuyến chính Keisei
Chuo (Trung tâm)	4-38-28 Honcho	047-460- 1311	Ga JR Funabashi, Ga Keisei Funabashi tuyến chính Keisei
Higashi (Phía Đông)	5-1-1 Narashinodai	047-463- 3611	Ga Narashino tuyến Shin-Keisei, Ga Kita-Narashino tuyến Shin-Keisei, Ga Kita-Narashino tuyến cao tốc Toyo
Kita (Phía Bắc)	5-26-1 Futawa Higashi	047-448- 4899	Ga Futawamukodai tuyến Shin-Keisei

郷土資料館

この博物館は、年間を通して船橋市の考古・民俗・歴史などの資料を展示しています。

開館時間：午前9時～午後5時
(入館は午後4時30分まで)

休館日：月曜日、祝日・休日の翌日（土・日は除く）、年末年始
※5月3日～5月5日は開館

所在地：薬門台 4-25-19

電話：047-465-9680

Bảo tàng tư liệu về địa phương Kyodo Shiryokan

Bảo tàng này mở cửa suốt cả năm, trưng bày các tài liệu về khảo cổ, văn hóa dân gian, lịch sử, v.v... của thành phố Funabashi.

Thời gian mở cửa: 9 giờ sáng ~ 5 giờ chiều (vào cửa đến 4 giờ 30 phút chiều)

Ngày đóng cửa: Thứ hai, ngày hôm sau ngày lễ và ngày nghỉ (trừ thứ bảy và chủ nhật), các ngày nghỉ cuối năm và đầu năm
* Mở cửa ngày 3/5 ~ 5/5

Địa chỉ: 4-25-19 Yakuendai

Điện thoại: 047-465-9680

プラネタリウム館

季節に応じた星空解説や映像番組のほか天体望遠鏡を使った天体観望などの催しも行っています。

Bảo tàng Cung thiên văn Planetarium

Bên cạnh thuyết minh về các ngôi sao và chương trình chiếu video theo mùa, bảo tàng còn tổ chức các buổi quan sát thiên văn bằng kính viễn vọng thiên văn, v.v...

Chương trình dành cho trẻ em:

11 giờ trưa mỗi thứ bảy và chủ nhật

Chương trình thông thường:

1 giờ 30 phút chiều, 3 giờ 30 phút chiều
mỗi thứ bảy và chủ nhật

Phí tham quan: thông thường 500 yên, học sinh trung học phổ thông 250 yên, học sinh tiểu học và trung học cơ sở 120 yên, trẻ em từ 1 đến 5 tuổi 60 yên (miễn phí cho học sinh từ bậc trung học cơ sở trở xuống đang sinh sống trong thành phố)

Ngày đóng cửa: Thứ hai, ngày lễ, ngày nghỉ, các ngày nghỉ cuối năm và đầu năm, v.v...

Địa chỉ: 834 Azumacho

Điện thoại: 047-422-7732

Bảo tàng công viên tiền sử Tobinodai

Đây là bảo tàng trưng bày các cổ vật của “Tobinodai Kaizuka” – di tích của thời kỳ đầu Jomon và các phát hiện khảo cổ, v.v... của các di tích từ thời kỳ Jomon được tìm thấy trong thành phố. Khu vực bên ngoài còn có công viên di tích tiền sử, nơi đã phục hồi các di vật.

Thời gian mở cửa: 9 giờ sáng ~ 5 giờ chiều (vào cửa đến 4 giờ 30 phút chiều)

Ngày đóng cửa: Thứ hai, ngày hôm sau ngày lễ và ngày nghỉ (trừ thứ bảy và chủ nhật), các ngày nghỉ cuối năm và đầu năm

Giá vé vào cổng: thông thường 110 yên, học sinh tiểu học ~ trung học phổ thông 50 yên

* Miễn phí cho học sinh từ bậc trung học cơ sở trở xuống đang sinh sống trong thành phố

Địa chỉ: 4-27-2 Kaijin

Điện thoại: 047-495-1325

キッズ向け投映：毎週土・日曜日
日の午前 11 時

一般向け投映：毎週土・日曜日
の午後 1 時 30 分、3 時 30 分

観覧料：一般 500 円、高校生
250 円、小中学生 120 円、幼児
60 円（市内在住の中学生以下
は無料）

休館日：月曜日、祝日、休日、
年末年始など

所在地：東町 834

電話：047-422-7732

飛ノ台史跡公園博物館

縄文時代早期の遺跡「飛ノ台貝塚」や市内の縄文時代の遺跡の出土品等を展示した博物館です。屋外には遺構を復元した史跡公園があります。

開館時間：午前 9 時～午後 5 時
(入館は午後 4 時 30 分まで)

休館日：月曜日、祝日・休日の翌日（土・日は除く）、年末年始

入館料：一般 110 円、小学生～高校生 50 円

※市内在住の中学生以下は無料

所在地：海神 4-27-2

電話：047-495-1325

スポーツ施設

Cơ sở thể dục thể thao

下記の公共スポーツ施設は利用にあたって登録が必要です。

Bạn cần phải đăng ký để sử dụng các cơ sở thể thao công cộng sau đây.

Tên	Địa chỉ/Số điện thoại	Cơ sở vật chất
Công viên thể thao Undo Koen	6-4-1 Natsumidai ĐT: 047-438-4461	Sân bóng chày, sân thi đấu điền kinh, sân tennis, nhà thi đấu, sân bắn cung, hồ bơi, sân thể thao tự do, sân chơi đĩa golf Ngày nghỉ: Từ 29/12 đến 3/1
Nhà thi đấu đa năng (Nhà thi đấu Funabashi Arena)	7-5-1 Narashinodai ĐT: 047-461-5611	Nhà thi đấu chính, nhà thi đấu phụ, hồ bơi nước ấm, phòng luyện tập, phòng bóng bàn, sân bắn cung, phòng đa chức năng Ngày nghỉ: Từ 29/12 đến 3/1
Công viên Hoden (GRASSPO)	5-9-10 Fujiwara ĐT: 047-438-3500	Sân tennis, sân bóng, sân đa chức năng Ngày nghỉ: Từ 29/12 đến 3/1
Công viên Wakamatsu	3-4-1 Wakamatsu ĐT: 047-436-2910 (Ban thể thao cuộc sống)	Sân bóng chày, sân tennis Ngày nghỉ: Từ 29/12 đến 3/1 (Có ngày nghỉ không báo trước)
Sân thể thao Takasecho Machikado	56 Takasecho ĐT: 047-436-2910 (Ban thể thao cuộc sống)	Sân bóng chày, sân bóng Ngày nghỉ: Từ 29/12 đến 3/1 (Có ngày nghỉ không báo trước)
Sân thể thao đa chức năng Oana Machikado	644-18 Oanacho ĐT: 047-436-2910 (Ban thể thao cuộc sống)	Văn phòng Ban điều hành cơ sở thể thao Oana (Số fax đặt chỗ trước khi sử dụng theo nhóm: 047-469-0512) Sân cỏ đa chức năng, bãi đậu xe 36 chỗ (Sử dụng theo nhóm cần đăng ký trước)
Sân thể thao Toyotomi Machikado	1456-1 Toyotomicho ĐT: 047-436-2910 (Ban thể thao cuộc sống)	Sân bóng chày dành cho thiếu niên Ngày nghỉ: Từ 29/12 đến 3/1 (Có ngày nghỉ không báo trước)
Trung tâm Budo (Trung tâm võ đạo)	1-3-1 Ichiba ĐT: 047-422-0122	Sân đấu vật Sumo, nơi tập võ Ngày nghỉ: Từ 29/12 đến 3/1 (Có ngày nghỉ không báo trước)
Công viên Takanekido Kinrin	5-3-1 Takanedai ĐT: 047-436-2910 (Ban thể thao cuộc sống)	Sân tennis Ngày nghỉ: Từ 29/12 đến 3/1 (Có ngày nghỉ không báo trước)

Tên	Địa chỉ/Số điện thoại	Cơ sở vật chất
Công viên Kita-Narashino Kinrin	3-4-1 Narashinodai ĐT: 047-436-2910 (Ban thể thao cuộc sống)	Sân tennis Ngày nghỉ: Từ 29/12 đến 3/1 (Cố ngày nghỉ không báo trước)
Sân thể thao Gyoda	2-11-1 Gyoda ĐT: 047-436-2910 (Ban thể thao cuộc sống)	Có thể chơi bóng chày, bóng mềm, bóng bầu dục, bóng đá, ground golf, v.v... trên sân đa chức năng. Ngày nghỉ: Từ 29/12 đến 3/1
Sân thể thao nằm trên mái của nhà máy xử lý nước thải Takase (TAKASPO)	56-1 Takasecho ĐT: 047-436-2910 (Ban thể thao cuộc sống)	Có thể chơi bóng đá, ground golf, bóng bầu dục tag rugby, v.v... trên sân đa chức năng. Ngày nghỉ: Từ 29/12 đến 3/1
Sân thể thao Fujiwara Machikado	7-37 Fujiwara ĐT: 047-436-2910 (Ban thể thao cuộc sống)	Sân bóng chày thanh niên Ngày nghỉ: Từ 29/12 đến 3/1 (Cố ngày nghỉ không báo trước)

Đăng ký người sử dụng:

Ban thể thao cuộc sống (Tòa thị chính): Từ 9 giờ sáng đến 5 giờ chiều (chỉ ngày thường)

Công viên thể thao Undo Koen: Từ 9 giờ sáng đến 8 giờ 30 phút tối

Trung tâm Budo (Trung tâm võ đạo): Từ 9 giờ sáng đến 5 giờ chiều

Nhà thi đấu đa năng (Nhà thi đấu Funabashi Arena): Từ 9 giờ sáng đến 7 giờ tối

Công viên Hoden (GRASSPO): Từ 9 giờ sáng đến 5 giờ chiều

Phí sử dụng hồ bơi

◇ Hồ bơi Công viên thể thao Undo Koen

Giữa tháng 7 đến đầu tháng 9 (3 tiếng)

Thông thường: 910 yên

Học sinh trung học phổ thông: 450 yên

Học sinh tiểu học - trung học cơ sở: 220 yên

◇ Nhà thi đấu Funabashi

Phí hồ bơi nước nóng (2 tiếng)

Thông thường: 490 yên

Học sinh: 300 yên

Học sinh tiểu học - trung học cơ sở: 150 yên

プール使用料

◇運動公園プール

7月中旬から9月上旬 (3時間)

一般・・・910円

高校生・・・450円

小・中学生・・・220円

◇船橋アリーナ

温水プール料金 (2時間)

一般・・・490円

学生・・・300円

小・中学生・・・150円

コミュニティ施設

市民文化ホール

施設: ホール (1,000 席)、楽屋、リハーサル室

用途: コンサート、演劇、映画会、講演会、舞踊発表会等

開館時間: 午前 9 時～午後 10 時 (月曜日・年末年始休館※月曜日が祝日の場合は開館)

窓口受付時間: 午前 9 時～午後 5 時

所在地: 本町 2-2-5

電話: 047-434-5555

市民文化創造館 (きららホール)

施設: ホール (264 席)、控室

用途: コンサート、ピアノ発表会、演劇、映画会、講演会等

開館時間: 午前 9 時～午後 10 時 (最終月曜日・年末年始休館)

窓口受付時間: 平日午前 9 時～午後 8 時 ※土曜日、日曜日、祝日の受付は午後 5 時まで

所在地: 本町 1-3-1 フェイスビル 6 階

電話: 047-423-7261

勤労市民センター

勤労者をはじめ、市民の皆さんの文化・教養・健康の増進やコミュニケーションづくりの場として、会議室、和室、ホール、トレーニングルーム、展示室などの施設があります。

開館時間: 午前 9 時～午後 9 時

窓口受付時間: 午前 9 時～午後 7 時

Cơ sở cộng đồng

Trung tâm văn hóa cộng đồng Shimin Bunka Hall

Cơ sở vật chất: Hội trường (1.000 chỗ), phòng thay đồ, phòng luyện tập

Mục đích sử dụng: buổi hòa nhạc, kịch, buổi chiếu phim, buổi diễn thuyết, trình diễn nhảy múa, v.v...

Thời gian mở cửa: 9 giờ sáng ~ 10 giờ tối (đóng cửa vào thứ hai, các ngày nghỉ cuối năm và đầu năm *Mở cửa nếu thứ Hai là ngày lễ)

Thời gian tiếp nhận tại quầy:

9 giờ sáng ~ 5 giờ chiều

Địa chỉ: 2-2-5 Honcho

Điện thoại: 047-434-5555

Trung tâm sáng tạo văn hóa cộng đồng (Kirara Hall)

Cơ sở vật chất: Hội trường (264 chỗ), phòng chờ

Mục đích sử dụng: buổi hòa nhạc, buổi trình diễn piano, kịch, buổi chiếu phim, buổi diễn thuyết, v.v...

Thời gian mở cửa: 9 giờ sáng ~ 10 giờ tối (đóng cửa vào thứ hai cuối cùng của tháng, các ngày nghỉ cuối năm và đầu năm)

Thời gian tiếp nhận của quầy:

Ngày thường 9 giờ sáng ~ 8 giờ tối

* Thứ bảy, Chủ nhật, ngày lễ thì tiếp nhận đến 5 giờ chiều

Địa chỉ: Tầng 6 Face Building, 1-3-1 Honcho

Điện thoại: 047-423-7261

Trung tâm Kinro Shimin

Đóng vai trò là nơi thúc đẩy văn hóa, giáo dục, sức khỏe và là cầu nối giao tiếp cho tất cả cư dân thành phố, tiêu biểu là những người lao động, Trung tâm có các cơ sở vật chất như phòng hội nghị, phòng kiểu Nhật, hội trường, phòng luyện tập, phòng triển lãm, v.v...

Thời gian mở cửa: 9 giờ sáng ~ 9 giờ tối

Thời gian tiếp nhận tại quầy: 9 giờ sáng ~ 7 giờ tối

Ngày đóng cửa: Thứ hai, các ngày nghỉ cuối năm và đầu năm
Địa chỉ: 4-19-6 Honcho
Điện thoại: 047-425-2551

Trung tâm Miyama Shimin

Đây là nơi giao lưu của cư dân địa phương và thúc đẩy các hoạt động cộng đồng với các cơ sở như hội trường đa năng, phòng hội nghị, phòng âm nhạc, phòng nghe nhìn, phòng kiểu Nhật, phòng chế biến món ăn, v.v..

Thời gian mở cửa: 9 giờ sáng ~ 9 giờ 30 phút tối (Đóng cửa vào thứ Bảy tuần thứ hai mỗi tháng, các ngày cuối năm và đầu năm)

Địa chỉ: 8-19-1 Miyama (Văn phòng liên lạc Miyama)
Điện thoại: 047-473-3100

Nhà văn hóa thanh thiếu niên

Địa chỉ: 3-3-4 Wakamatsu

Cơ sở vật chất: Phòng học tập, phòng dạy chế biến món ăn, phòng tổ chức sự kiện, phòng kiểu Nhật, phòng thủ công mỹ nghệ, phòng âm nhạc, phòng hội nghị, sân tập thể dục, sân thể thao

Thời gian mở cửa: 9 giờ sáng ~ 9 giờ tối

Ngày đóng cửa: Thứ Hai, ngày tiếp theo sau ngày lễ, ngày nghỉ, các ngày cuối năm và đầu năm

Điện thoại: 047-434-5891

Nhà văn hóa cộng đồng

Trong thành phố có 26 nhà văn hóa cộng đồng, tổ chức nhiều lớp học và khóa học khác nhau, hỗ trợ các hoạt động văn hóa và hoạt động thể thao/giải trí cho tất cả cư dân thành phố.

Thời gian mở cửa: 9 giờ sáng ~ 9 giờ 30 phút tối

Ngày đóng cửa: theo nguyên tắc sẽ là thứ hai cuối cùng của mỗi tháng, ngày lễ, ngày nghỉ, các ngày nghỉ cuối năm và đầu năm

休館日: 月曜日・年末年始
所在地: 本町 4-19-6
電話: 047-425-2551

三山市民センター

地域住民のふれあいとコミュニティ活動の推進を図る場として、多目的ホール、会議室、音楽室、視聴覚室、和室、調理室などの施設があります。

開館時間: 午前 9 時 ~ 午後 9 時 30 分 (毎月第 2 土曜日・年末年始休館)

所在地: 三山 8-19-1 (三山連絡所)

電話: 047-473-3100

青少年会館

所在地: 若松 3-3-4

施設: 学習室、調理実習室、集会室、和室、美術工芸室、音楽室、会議室、体育館、レクリエーション広場

開館時間: 午前 9 時 ~ 午後 9 時

休館日: 月曜日、祝休日の翌日、年末年始

電話: 047-434-5891

公民館

市内に 26 の公民館があり、いろいろな教室や講座を開設、市民の皆さんの文化活動やスポーツ・レクリエーション活動をお手伝いしています。

開館時間: 午前 9 時 ~ 午後 9 時 30 分

休館日: 原則毎月最終月曜日・祝日・休日・年末年始

Danh sách nhà văn hóa cộng đồng

公民館一覧表

Nhà văn hóa cộng đồng	Địa chỉ	Điện thoại
Chuo	2-2-5 Honcho	047-434-5551
Hamacho	2-1-15 Hamacho	047-434-1405
Miyamoto	6-18-1 Miyamoto	047-424-9840
Kaijin	6-3-36 Kaijin	047-420-1001
Tobu	2-21-21 Maebara-Nishi	047-477-7171
Mita	2-24-2 Takinoi	047-477-2961
Narashinodai	5-1-1 Narashinodai	047-463-2231
Hasama	1-950-3 Hasamacho	047-424-4311
Yakuendai	5-18-1 Yakuendai	047-469-4535
Seibu	1-6-6 Motonakayama	047-333-5415
Hoden	7-33-7 Fujiwara	047-438-3203
Maruyama	5-19-6 Maruyama	047-439-0118
Tsukada	601-1 Maekaizukacho	047-438-2610
Katsushika	3-6-25-201 Nishifuna	047-437-5072
Hokubu	4 Toyotomicho	047-457-0433
Futawa	5-26-1 Futawa-Higashi	047-447-3200
Ebigasaku	3-19-1 Oana-Minami	047-464-8232
Komuro	3308 Komurocho	047-457-5144
Yakigaya	2-14-6 Yakigaya	047-448-5030
Misaki	3-5-10 Misaki	047-448-3291
Matsugaoka	4-32-2 Matsugaoka	047-468-3750
Tsuboi	1371 Tsuboicho	047-402-0271
Takanedai	1-2-5 Takanedai	047-461-7061
Natsumi	2-29-1 Natsumi	047-423-5119
Takane	2885-3 Takanecho	047-438-4112
Shin-Takane	1-12-9 Shin-Takane	047-469-4944

Lưu ý: Nhà văn hóa cộng đồng sẽ được sử dụng làm nơi lánh nạn khi xảy ra thảm họa

Công viên

Công viên Funabashi Andersen

Trong công viên rộng khoảng 38ha, mang tinh thần của những câu chuyện cổ tích Andersen này gồm có 5 khu vực: Vương quốc Wanpaku, ngọn đồi cổ tích, bảo tàng của trẻ em, trải nghiệm thiên nhiên và lâu đài hoa.

Thời gian mở cửa: 9 giờ 30 phút sáng ~ 4 giờ chiều (thay đổi tùy theo mùa)

Ngày đóng cửa: Thứ hai (vẫn mở cửa nếu trùng vào ngày lễ, ngày nghỉ), các ngày nghỉ cuối năm và đầu năm * Có ngày nghỉ không báo trước

Phí vào cổng: trẻ nhỏ (từ 4 tuổi trở lên) 100 yên, học sinh tiểu học và trung học cơ sở 200 yên, học sinh trung học phổ thông 600 yên (xuất trình thẻ học sinh), thông thường 900 yên

Địa chỉ: 525 Kanehoricho

Điện thoại: 047-457-6627



Công viên bờ biển Funabashi Sambanze

Đây là công viên mà bạn có thể vui chơi tận hưởng trong suốt bốn mùa, ngoài bãi cỏ hướng ra biển, trải nghiệm cào nghêu vào mùa xuân, bạn còn có thể thưởng thức đồ nướng, chơi tennis, bóng chày, v.v...

Thời gian mở cửa: 9 giờ sáng ~ 5 giờ chiều

Ngày đóng cửa: Các ngày nghỉ cuối năm và đầu năm

Địa chỉ: 40 Shiomicho

Điện thoại: 047-435-0828

Trung tâm nghiên cứu môi trường Funabashi Sambanze

Bạn có thể trải nghiệm sức hấp dẫn của Sambanze và thỏa thích tìm hiểu về môi trường Sambanze cùng với gia đình và bạn bè.

Thời gian mở cửa: 9 giờ sáng ~ 5 giờ chiều

Ngày đóng cửa: Thứ hai (Nếu trùng với ngày lễ, ngày

公園

ふなばしアンデルセン公園

アンデルセン童話の精神を生かした約38ヘクタールの公園内には、ワンパク王国、メルヘンの丘、子ども美術館、自然体験、花の城の5つのゾーンがあります。

開園時間: 午前9時30分~午後4時 (季節により変動あり)

休園日: 月曜日 (祝・休日は開園)・年末年始 ※臨時休園あり

入園料: 幼児 (4歳以上) 100円、小・中学生 200円、高校生 (生徒証提示) 600円、一般 900円

所在地: 金堀町 525

電話: 047-457-6627

ふなばし三番瀬海浜公園

海に見える芝生広場、春の潮干狩りのほか、バーベキュー、テニス、野球などを四季を通じて楽しめる公園です。

開園時間: 午前9時~午後5時

休園日: 年末年始

所在地: 潮見町 40

電話: 047-435-0828

ふなばし三番瀬環境学習館

三番瀬の魅力を体感しながら三番瀬や環境について家族や友人と楽しく学べます。

開館時間: 午前9時~午後5時

休館日: 月曜日 (祝日・休日と重なった場合は次の平日)、年

末年始

※ただし春・夏休み期間は開館

利用料金：一般 400 円、高校生

200 円、小学生・中学生 100 円

※市内在住・在学の小・中学生、

未就学児は無料

駐車料金：普通車 500 円、大型

車 2,200 円

所在地：潮見町 40（ふなばし

三番瀬海浜公園内）

電話：047-435-7711

青少年キャンプ場

設備：テントサイト、ファイ

ヤー場、炊事場等

休場日：年末年始

問い合わせ：青少年課

所在地：大神保町 594

電話：047-436-2903

nghỉ thì sẽ đóng cửa vào ngày thường tiếp theo), các ngày nghỉ cuối năm và đầu năm

* Tuy nhiên, Trung tâm mở cửa trong kỳ nghỉ xuân và hè

Phí sử dụng:

thông thường 400 yên, học sinh trung học phổ thông 200 yên, học sinh tiểu học và trung học cơ sở 100 yên *Miễn phí cho học sinh tiểu học, trung học cơ sở, trẻ em chưa đến tuổi đi học đang sinh sống hoặc học tập trong thành phố xe thông thường 500 yên, xe cỡ lớn 2.200 yên

Phí gửi xe:

Địa chỉ:

40 Shiomicho (Công viên bờ biển Funabashi Sambanze)

Điện thoại:

047-435-7711

Khu cắm trại dành cho thanh thiếu niên

Trang thiết bị: khu dựng lều, khu đốt lửa trại, nhà bếp, v.v...

Ngày đóng cửa: Các ngày nghỉ cuối năm và đầu năm

Liên hệ:

Ban thanh thiếu niên

Địa chỉ:

594 Ojinbocho

Điện thoại:

047-436-2903

Quyền tư vấn dành cho người nước ngoài sinh sống tại Funabashi

船橋に住む外国人のための相談窓口

Đường dây nóng Yoriso

Ngôn ngữ hỗ trợ: Tiếng Nhật, tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn/tiếng Triều Tiên, tiếng Thái, tiếng Tagalog, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Việt, tiếng Nepal, tiếng Indonesia

Thời gian tư vấn: Mỗi ngày 10 giờ sáng ~ 10 giờ tối

* Thời gian này sẽ khác nhau tùy theo ngôn ngữ

* Bạn cần phải hẹn trước tùy theo ngôn ngữ

Điện thoại: 0120-279-338

* Vui lòng nhấn số 2 sau khi thông báo phát ra

よりそいホットライン

対応言語: 日本語、英語、中国語、韓国・朝鮮語、タイ語、タガログ語、スペイン語、ポルトガル語、ベトナム語、ネパール語、インドネシア語

相談日時: 毎日午前 10 時 ~ 午後 10 時

※言語により異なります

※言語により事前予約が必要です

電話: 0120-279-338

※アナウンスが流れたら 2 を押してください

Góc hỗ trợ tư vấn của Trụ sở cảnh sát tỉnh Chiba

Ngôn ngữ hỗ trợ: Tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Thái, tiếng Nepal, tiếng Hindi, tiếng Tagalog, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Việt, tiếng Nga, tiếng Indonesia

Thời gian tư vấn: Thứ hai ~ Thứ sáu, 9 giờ sáng ~ 12 giờ trưa và 1 giờ chiều ~ 4 giờ chiều.

Điện thoại: 043-297-2966

千葉県外国人相談

対応言語: 英語、中国語、韓国語、タイ語、ネパール語、ヒンディー語、タガログ語、スペイン語、ポルトガル語、ベトナム語、ロシア語、インドネシア語

相談日時: 月 ~ 金曜日の午前 9 時 ~ 正午と午後 1 時 ~ 4 時

電話: 043-297-2966

Tư vấn pháp luật miễn phí của Văn phòng hội nghị và trung tâm quốc tế Chiba

Ngôn ngữ hỗ trợ: Tiếng Nhật (có hỗ trợ thông dịch. Đăng ký 10 ngày trước ngày sử dụng dịch vụ)

Thời gian tư vấn: Thứ hai của tuần thứ 1 mỗi tháng (theo nguyên tắc chung), 1 giờ chiều ~ 4 giờ chiều (hình thức đặt chỗ trước)

Địa chỉ: Tầng 14 WBG Marive East, 2-6 Nakase, Mihama-ku, Chiba-shi

Điện thoại: 043-297-0245

ちば国際コンベンションビューロー無料法律相談

対応言語: 日本語 (通訳あり。申込みは 10 日前まで)

相談日時: 毎月第 1 月曜日 (原則) の午後 1 時 ~ 4 時 (予約制)

所在地: 千葉市美浜区中瀬 2-6 WBG マリブイースト 14 階

電話: 043-297-0245

千葉県警察本部相談サポート コーナー

電話：043-227-9110

または # 9110

相談日時：月～金曜日 午前 8
時 30 分～午後 5 時 15 分（祝休
日除く）

東京出入国在留管理局・千葉出 張所

相談日時：月～金曜日 午前 9
時～午後 3 時

所在地：千葉市中央区千葉港
2-1 千葉中央コミュニティーセン
ター内

電話：043-242-6597

国際郵便案内サービス

対応言語：英語

相談日時：月～金曜日の午前 8
時～午後 9 時、土・日・祝日の
午前 9 時～午後 9 時

電話：0570-046-111（英語受付
専用）

JR East Infoline = JR 情報

対応言語：英語、中国語、韓国
語

電話：050-2016-1603

相談日時：午前 10 時～午後 6
時（年末年始を除く）

東京入国管理局外国人在留総合 インフォメーションセンター

対応言語：日本語、英語、韓国
語、中国語、スペイン語等

相談日時：月～金曜日の午前 8
時 30 分～午後 5 時 15 分

電話：0570-013904,

03-5796-7112（IP, PHS, 海外）

Góc hỗ trợ tư vấn của Trụ sở cảnh sát tỉnh Chiba

Điện thoại: 043-227-9110 hoặc # 9110

Thời gian tư vấn: Thứ hai ~ Thứ sáu, 8 giờ 30 phút sáng
~ 5 giờ 15 phút chiều (Ngoại trừ ngày
nghỉ và ngày lễ)

Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú Tokyo, Văn phòng chi nhánh Chiba

Thời gian tư vấn: Thứ hai ~ Thứ sáu, 9 giờ sáng ~ 3
giờ chiều

Địa chỉ: Nằm trong Trung tâm cộng đồng
Trung tâm Chiba, 2-1 Chibami-
nato, Chuo-ku, Chiba-shi

Điện thoại: 043-242-6597

Dịch vụ cung cấp thông tin về bưu điện quốc tế

Ngôn ngữ hỗ trợ: Tiếng Anh

Thời gian tư vấn: Thứ hai ~ Thứ sáu 8 giờ sáng ~ 9 giờ
tối; Thứ bảy, Chủ nhật, ngày lễ 9 giờ
sáng ~ 9 giờ tối

Điện thoại: 0570-046-111 (chuyên tiếp nhận tiếng
Anh)

JR East Infoline: Cung cấp thông tin về JR East

Ngôn ngữ hỗ trợ: Tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn

Điện thoại: 050-2016-1603

Thời gian tư vấn: 10 giờ sáng ~ 6 giờ tối (ngoại trừ các
ngày nghỉ cuối năm và đầu năm)

Trung tâm thông tin tổng hợp về lưu trú dành cho người nước ngoài thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh Tokyo

Ngôn ngữ hỗ trợ: tiếng Nhật, tiếng Anh, tiếng Hàn,
tiếng Trung, tiếng Tây Ban Nha, v.v...

Thời gian tư vấn: Thứ hai ~ Thứ sáu 8 giờ 30 phút sáng
~ 5 giờ 15 phút chiều

Điện thoại: 0570-013904, 03-5796-7112（IP,
PHS, nước ngoài）

Hello Work Funabashi (Văn phòng ổn định việc làm công cộng Funabashi)

Văn phòng được điều hành bởi chính phủ, chủ yếu đảm nhận công việc giới thiệu việc làm.

Thời gian mở cửa: 8 giờ 30 phút sáng ~ 5 giờ 15 phút chiều (trừ thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ và các ngày nghỉ cuối năm và đầu năm)

Địa chỉ: 2-10-17 Minatocho (Tòa nhà văn phòng chính phủ thứ 1)

Điện thoại: 047-431-8287

Trung tâm chăm sóc khách hàng về dịch vụ cấp nước của tỉnh

Thủ tục và tư vấn về dịch vụ cấp nước của tỉnh

Ngôn ngữ hỗ trợ: Tiếng Nhật, tiếng Anh

* Vui lòng nhấn phím “1” và thông báo với chúng tôi rằng bạn muốn được hỗ trợ bằng tiếng Anh

Thời gian tư vấn: Thứ hai ~ Thứ sáu 8 giờ 45 sáng ~ 6 giờ chiều

Thứ bảy 8 giờ 45 sáng ~ 5 giờ chiều (Trừ Chủ nhật, ngày lễ, các ngày nghỉ cuối năm và đầu năm)

Điện thoại: 0570-001-245

Trung tâm hỗ trợ lưu trú cho người nước ngoài

Tư vấn về thủ tục xuất nhập cảnh và lưu trú, v.v...

Tổng đài chuyên dùng cho đặt hẹn trước: 03-5363-3025

ハローワークふなばし (船橋公共職業安定所)

国によって運営されており、主に職業紹介事業を行っています。

開庁時間: 午前 8 時 30 分 ~ 午後 5 時 15 分 (土・日・祝日・年末年始を除く)

所在地: 湊町 2-10-17 (第一庁舎)

電話: 047-431-8287

県水お客様センター

県営水道に関する手続きや相談

対応言語: 日本語・英語

※「1」を押して英語対応希望と伝えてください

相談日時: 月 ~ 金曜日 午前 8 時 45 分 ~ 午後 6 時

土曜日 午前 8 時 45 分 ~ 午後 5 時 (日曜日、祝日、年末年始を除く)

電話: 0570-001-245

外国人在留支援センター

出入国・在留等の手続きについての相談

予約専用ダイヤル: 03-5363-3025

Giao lưu quốc tế

国際交流

船橋市は1986年11月7日に米国・ヘイワード市と、1989年4月6日にデンマーク・オーデンセ市と姉妹都市提携を行いました。また、1994年11月2日に中国・西安市と友好都市提携を行いました。

国際交流課は、市の国際交流の窓口として広く市民に船橋の国際交流を紹介するとともに、船橋市国際交流協会やボランティアの協力を得て、各種交流事業や外国人住民との多文化共生に向けた取り組みを行っています。

問い合わせ：国際交流課

電話：047-436-2083

Thành phố Funabashi đã thiết lập quan hệ kết nghĩa với thành phố Hayward, Hoa Kỳ vào ngày 7/11/1986 và với Thành phố Odense, Đan Mạch vào ngày 6/4/1989. Ngoài ra, ngày 2/11/1994, chúng tôi cũng đã thiết lập quan hệ hữu nghị với thành phố Tây An, Trung Quốc.

Ban Giao lưu quốc tế, với vai trò là kênh liên lạc giao lưu quốc tế của thành phố, đang nỗ lực hướng đến việc thực hiện các loại hình dự án giao lưu và thúc đẩy cộng sinh đa văn hóa với cư dân người nước ngoài, dưới sự hỗ trợ của Hiệp hội Giao lưu Quốc tế thành phố Funabashi và các tình nguyện viên, cũng như đang giới thiệu rộng rãi cơ hội giao lưu quốc tế của Funabashi cho cư dân thành phố.

Liên hệ: Ban giao lưu quốc tế

Điện thoại: 047-436-2083



Số điện thoại của các đại sứ quán chính

主な大使館の電話番号

Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Nhật Bản

1-10-5 Akasaka, Minato-ku 107-8420

Điện thoại: 03-3224-5000

Đại sứ quán Hàn Quốc tại Nhật Bản

1-2-5 Minami-Azabu, Minato-ku 106-0047

Điện thoại: 03-3452-7611

Đại sứ quán Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tại Nhật Bản

3-4-33 Moto-Azabu, Minato-ku 106-0046

Điện thoại: 03-3403-3388

Đại sứ quán Cộng hòa Liên bang Brazil tại Nhật Bản

2-11-12 Kita-Aoyama, Minato-ku 107-8633

Điện thoại: 03-3404-5211

Đại sứ quán Hoàng gia Thái Lan tại Nhật Bản

3-14-6 Kami-Osaki, Shinagawa-ku 141-0021

Điện thoại: 03-5789-2433

Đại sứ quán Cộng hòa Philippines tại Nhật Bản

5-15-5 Roppongi, Minato-ku 106-8537

Điện thoại: 03-5562-1600

Đại sứ quán Cộng hòa Dân chủ Liên bang Nepal tại Nhật Bản

6-20-28 Shimomeguro, Meguro-ku 153-0064

Điện thoại: 03-3713-6241

Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Nhật Bản

50-11 Motoyoyogicho, Shibuya-ku 151-0062

Điện thoại: 03-3466-3311

Đại sứ quán Cộng hòa Peru tại Nhật Bản

2-3-1 Hiro, Shibuya-ku 150-0012

Điện thoại: 03-3406-4243

Đại sứ quán Hoàng gia Đan Mạch tại Nhật Bản

29-6 Sarugakuchō, Shibuya-ku 150-0033

Điện thoại: 03-3496-3001

アメリカ合衆国大使館

〒 107-8420 港区赤坂 1-10-5

電話: 03-3224-5000

大韓民国大使館

〒 106-0047 港区南麻布 1-2-5

電話: 03-3452-7611

中華人民共和国大使館

〒 106-0046 港区元麻布 3-4-33

電話: 03-3403-3388

ブラジル連邦共和国大使館

〒 107-8633 港区北青山 2-11-12

電話: 03-3404-5211

タイ王国大使館

〒 141-0021 品川区上大崎 3-14-6

電話: 03-5789-2433

フィリピン共和国大使館

〒 106-8537 港区六本木 5-15-5

電話: 03-5562-1600

ネパール連邦民主共和国大使館

〒 153-0064 目黒区下目黒 6-20-28

電話: 03-3713-6241

ベトナム社会主義共和国大使館

〒 151-0062 渋谷区元代々木町 50-11

電話: 03-3466-3311

ペルー共和国大使館

〒 150-0012 渋谷区広尾 2-3-1

電話: 03-3406-4243

デンマーク王国大使館

〒 150-0033 渋谷区猿楽町 29-6

電話: 03-3496-3001

Ngày phát hành: Tháng 2 năm 2022
Lập kế hoạch và phát hành: Ban Quan hệ công chúng,
Văn phòng Thị trưởng, Tòa thị chính Thành phố Funabashi
2-10-25 Minatocho, Funabashi-shi, Chiba-ken 273-8501
Điện thoại: 047-436-2111

発行日／2022 年 2 月
企画・発行／船橋市役所市長公室広報課
〒273-8501 千葉県船橋市湊町 2 丁目 10 番 25 号
電話 047-436-2111